

Thư viện tỉnh
Điện Biên

ĐC/S
398.2

TRUYỆN CỔ

Lĩnh Nam



Nhà xuất bản Văn Hóa

KVZ+VD(=TH)

TR521

3044

398.2089591

TR. 527C

TRUYỆN CỒ THÁI

NINH VIẾT GIAO, PHAN KIẾN GIANG, HOÀNG TAM KHỘI
LÒ VĂN SĨ, BÙI TIÊN

sưu tầm - biên soạn

THƯ VIỆN TỈNH ĐIỆN BIÊN

PHÒNG ĐỌC

578
352
THƯ VIỆN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHO ĐỊA CHÍ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA
HÀ NỘI - 1980



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tiếp theo các tập « Truyện cổ Vân Kiều », « Truyện cổ Ê Đê », « Truyện cổ Chăm » v.v. lần này Nhà xuất bản chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc tập « Truyện cổ Thái ». Kho tàng truyện cổ Thái rất phong phú về nội dung và lớn về số lượng. Song, do điều kiện sưu tầm, biên soạn còn nhiều khó khăn, dân tộc Thái ở rải rác trên nhiều vùng đất nước, chúng tôi chưa có điều kiện để sưu tập một « Truyện cổ Thái » hoàn thiện như ý muốn. Trong tập truyện này, chúng tôi cố gắng tập hợp các tư liệu từ nhiều vùng, và nội dung để cập tới nhiều mặt, nhưng cũng chỉ là bước đầu. Chúng tôi hy vọng trong các tập tới sẽ tập hợp được đầy đủ hơn về mọi mặt cho xứng đáng với kho tàng lâu đời và phong phú của văn hóa Thái, trong nền văn hiến cổ truyền của đại gia đình Tộc quốc Việt Nam.

Chúng tôi trân trọng đón chờ ý kiến phê bình và đóng góp của bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

CHUYỆN « ẨM CẤP Ý KÈO »

Ngày xưa, loài người rất đông, mà lại ngang ngược, bướng bỉnh, nhiều khi lừa dối cả trời. Một hôm, trời tức giận, bèn phán :

— Ta sẽ làm mịt mù thế gian lâu ngày để giết hết lũ người lão xược ấy !

Trời đang sáng, bỗng dưng tối sầm lại, người và mọi vật đều hóa ra đá cả. Trong khi ấy, anh em Ẩm Cấp và Ý Kèo vừa đi tới bên bờ suối. Thấy trời tối, họ rủ nhau đến bên bụi sậy đốt lửa ngồi chờ.

Khi mặt đất sáng sửa trở lại, trời cho người đi dò xét. Thấy vẫn còn người, không những họ không sợ mà họ còn bàn cách trả thù, trời càng giận, liền bảo :

— Ta sẽ làm một trận lụt lớn, nếu kẻ nào còn sống sót mới là người khôn.

Nước dâng lên tràn ngập bốn phương trời. Cả những đỉnh núi cao nhất cũng không nhìn thấy nữa. Nhà cửa, súc vật trôi lênh bênh.

Một con chim cu xanh đã cho Ẩm Cấp và Ý Kèo biết âm mưu của trời. Hai anh em lấy quả bí đục lỗ rồi chui vào trốn. Nước lên cao, quả bí cũng lên cao. Khi nước rút, quả bí cũng dần dần hạ xuống. Quả bí hạ trên một quả núi. Hàng ngày, hai anh em cứ phải đi kiếm trái cây ăn cho đỡ đói.

Một hôm Ý Kèo bảo Ẩm Cấp :

— Hai ta là anh em một nhà, không thể chung nhau một chòi, mỗi đứa phải có chòi riêng.

Thế là từ đó, hai bên sườn núi mọc lên hai cái chòi của hai anh em Cặp và Kèo. Khi có ông mặt trời thì họ cùng nhau đi kiếm ăn. Khi ông mặt trời đi ngủ thì ai về chòi kẻ ấy!

Một hôm, Ý Kèo nằm chiêm bao thấy một ông già, tóc trắng như hoa ban, da đỏ như gỗ chò, tự xưng là Pọ Then ⁽¹⁾ đến bảo :

— Dưới mừng Lùm, loài người đã chết hết cả rồi, không còn ai nữa. Pọ Then muốn có nhiều người để chăm nom lấy loài chim, loài cá, con hoẵng, con nai, giữ gìn lấy cái núi, con sông cùng cái cây, cái rẫy,... Cứ theo tục lệ thì Ắi Cặp và Ý Kèo ở riêng nhau là đúng. Nhưng nay Pọ Then cho phép hai con lấy nhau, làm vợ làm chồng, để loài người ngày càng nẩy nở, núi nào cũng đông dân ở, sông nào cũng lắm người trù.

Cùng lúc ấy, ở chòi bên kia sườn núi, Ắi Cặp cũng nằm mơ như thế.

Hôm sau, khi mặt trời lên quá cái núi trước mặt, Ý Kèo tỉnh dậy thì lạ chưa, thấy mình đã nằm bên cạnh Ắi Cặp từ lúc nào. Nàng hoảng hốt, ngồi bật dậy, khóc nức nở :

— Ối giời ôi ! Cái chân không được đi, cái bụng cũng không muốn, tại sao lại thế này ?

Rồi nàng kể lại giấc mộng lúc đêm với Ắi Cặp. Cặp bảo mình cũng nằm mộng thấy như thế. Hai đứa ngoảnh mặt đi hai hướng, thẹn thùng, sợ sệt. Bỗng từ đâu, tất cả các loài chim, cứ từng cặp một, bay đến vây quanh hai người và cất giọng hót lưu lo. Từ xa, một

(1) Pọ Then : một người của « nhà Trời » như tiên, Phật trong các truyện cổ tích của người Kinh.

cặp vợ chồng châu chấu cũng cồng nhau bay vào tận cái bụi hai người đang ngồi. Chúng dang cánh xập xòe như mừng đón. Nghĩ đến giấc mộng đêm qua và thấy cảnh vật trước mắt, hai người hiểu rõ ý định của Pọ Then. Họ quyết định lấy nhau.

Ý Kèo ngồi ước: « Có thai phía sau đẻ ra người Xá; có thai phía trước sinh nhiều người Tày »⁽¹⁾.

Chẳng bao lâu, Ý Kèo sinh con đàn chán lữ. Trái cây trên núi, củ rừng dưới đất bị người ăn hết dần. Khi đàn con đã khôn lớn, hai vợ chồng bèn gọi lại và bảo:

— Ta nuôi các con khi nhỏ, nay đã khôn lớn, các con hãy chọn lấy chỗ ở cho hợp ý mình để trồng cây mía mà ăn mật, ăn đường, làm nhiều nương rẫy mà ăn ngô, ăn lúa,... các con hãy từ chỗ này ra đi tới đâu là dựng ngay nhà ở đó.

Vâng lời cha mẹ, đàn con xuất phát. Người Mèo đi nhanh hơn, lên đến đỉnh núi thì vừa tối. Người Khơ Mú (trước đây gọi là người Xá) chỉ đi đến lưng chừng núi thì trời đã tối. Người Thái thì men theo bờ sông bờ suối và những nơi thung lũng bằng phẳng. Còn người Kinh không quen leo núi, cứ theo chiều nước chảy xuôi, đi về hướng mặt trời mọc, xuống ở mạn đồng bằng.

Ngày nay, các nhóm người trong hệ dân tộc Thái vẫn còn nhắc tới chuyện này. Đặc biệt mỗi khi cúng lễ, họ thường nói tới công ơn của Ái Cập, Ý Kèo.

Theo Lê Quốc Thiều
(Ty văn hóa Nghệ An)

NINH VIẾT GIAO

(1) Nguyên văn tiếng Thái: « Man tang lăng xi vượt pọ Xá; man tang nă, xi vượt pọ Tày ».

VỊT KHÔNG ÁP TRÚNG, NUÔI CON

Sau nạn hồng thủy, xác người chết đã thối lên đến nhà then. Trời ở trên cao chịu mùi hôi thối không được liền làm ra chín mặt trời để chiếu xuống trần gian thiêu cháy xác chết.

Cứ sáng dậy, chín mặt trời dàn thành hàng ngang cùng nhau nhô lên khỏi đỉnh núi. Mặt trời chiếu xuống nước héo lưng ba ba, chiếu vào rừng héo sừng hoẵng sừng nai. Trên mặt đất mọi thứ cây cỏ trụi tàn. Người trần gian lo lắng. Họ đến bàn cùng người dòng họ Chao Nhi, Chao Lặc. Người Chao Nhi, Chao Lặc bày cách: làm cây nỏ bằng sắt, cánh nỏ bằng đồng, một lần bắn được hai tên để triệt hạ bớt mặt trời. Họ cử người đi tìm sắt tìm đồng về đúc rèn thành cây nỏ. Cây nỏ to bằng cột nhà, cánh to bằng lá chuối, tên bắn to, nhọn tròn như cây bương.

Có nỏ cánh đồng, thân sắt, họ dựng giàn cao để đặt nỏ bắn mặt trời.

Ba mươi mường người Thái đến kéo dây nỏ

Năm mươi mường người Xá đến bắt lấy nỏ.

Con mặt trời lộ đầu lên. Họ bắn. Bắn một phát chết hai con. Bắn hai phát chết bốn con. Bắn ba phát, bốn phát, mặt trời tan tác. Bảy con trúng tên chết. Còn hai con, chúng hoảng sợ trốn đi ở dưới đáy ao mường trời. Người trần gian không có mặt trời, ngày tiếp ngày chỉ là ban đêm. Họ lo lắng cử nhau đi tìm mặt trời, nhưng tìm ở đâu cũng không thấy.

Một hôm, có đàn vịt bầu đi ăn ở ao mừng trời đến mách : « Con mặt trời nó ẩn ở dưới đáy ao nhà then ».

Người liền nói :

— Vịt đi gọi mặt trời lên được, người sẽ thưởng cho nén bạc bằng máng loóng, cho ăn công mười bốn xen mừng.

Vịt lắc đầu bảo :

*« Lúc còn nhỏ chủ cho ăn tằm,
Khi lớn lên người cho ăn thóc lép.
Ăn thóc lép cổ khàn,
Giọng chẳng vang sợ mặt trời không lại ».*

Nghe vịt nói có lý, người mới phán : « Thế thì vịt ở dưới làm thuyền để gà trống đứng trên lưng gáy gọi ! »
Vịt lại từ chối :

*« Trứng tôi để không có người ấp,
Con tôi nở chẳng có người nuôi ».*

Người liền hứa cùng vịt : trứng vịt để gà ấp, con nở để người nuôi. Vịt nhận lời.

Ngày hôm sau, vịt bơi đi trên ao mừng trời làm thuyền để cho gà trống đứng trên lưng gáy gọi con mặt trời. Gà trống gáy lần một, mặt trời chưa dậy. Gáy lần hai, trời vẫn đen kịt. Gáy lần ba, vòm trời trắng nhợt. Gáy lần bốn, chân trời hồng hồng. Gáy lần năm lần sáu, mặt trời lên tầng sáng. Con lên ban ngày thành mặt trời. Con lên ban tối thành mặt trăng. Mặt đất lại có ngày có đêm. Người trần gian thấy đường đi nương đi rẫy.

Từ đó, người đã trả công cho vịt như lời hứa :

*Trứng vịt để gà ấp,
Con nở để người nuôi.*

Vì thế mà vịt chỉ để trứng chứ không ấp trứng, nuôi con.

BÙI TIÊN ghi
Cụ LƯƠNG VĂN ẤY kể

PHAI ĐÁ SUỐI VÌ

Ngày xưa, khi con rồng còn biết nói, nước khe chảy róc rách thành tiếng sáo tiếng khèn. Người, vật ở trên mặt đất hàng năm phải nộp thuế cho « then » (Ngọc Hoàng). Ngày đó, nhà Rồng sống trên khúc suối Nậm Vì — mừng Chởng (nay là bản Vạn, Châu Sơn, Quý Hợp, Nghệ An), quanh năm đào núi mà cái bụng vẫn lép như hạt thóc trổ muôn. Nhà nghèo, Rồng không tìm được óc đá, tìm nước nộp cho then. Then nổi nóng. Tiếng nạt nộ của then nẩy ra từng tia lửa. Then nạt mãi, mệt lử, hơi thở ào ào thành từng cơn bão lớn. Then nổi giận buổi chiều, nạt suốt buổi sáng cũng không thấy Rồng đem óc đá, tìm nước lên nộp cho then. Then sai thần Sấm Sét rẽ mây đi xuống mặt đất, đến nhà Rồng. Thần Sấm Sét hện ba lần mặt trời thức nếu không chịu nạp thuế cho then thì Rồng phải chịu tội chết.

Đêm nối đêm, đêm trôi; ngày nối ngày, ngày đến; miệng Rồng chẳng muốn hé răng nhai sương, miệng Rồng chẳng siêng uống gió, suốt ngày khoanh cõ, buồn. Cây thương, cây đứng im. Ngày chịu tội đến gần, ngày kết đời đến sớm, Rồng lo, hóa thành người ngồi trên hòn đá giữa dòng suối Nậm Vì khóc hu hu. Tiếng khóc của rồng lọt vào tai cá, cá rơi nước mắt. Tiếng khóc lọt vào tai chim, chim ngừng cánh bay. Tiếng khóc lọt vào tai voi, đôi mắt voi tư lự... Vừa lúc đó thì một chàng thợ săn có bộ ngực nở nang như cối đá, cánh

tay săn từa bắp chày lim, đôi mắt sáng như bếp lửa củi thông, củi đẽ. Vai chàng vác cánh ná mây cần, thân ná làm bằng sừng trâu bạc, ống tên đầy trăm cái. Thuốc độc đã nhúng đều, gặp thú rừng, chàng giương cánh ná, mũi tên lao đi, đá cũng tan thành nước. Voi, hổ, gấu... sắc tên độc chết tươi. Thấy Rồng khóc, chàng hỏi, Rồng kể lại đầu đuôi sự tình... Thương Rồng thật thà hiền như hòn đá, chàng hứa cứu Rồng khỏi cơn nguy nan...

Ngày hẹn đã nhích về, ngày chờ đã tới nơi. Một tiếng nổ vang trời chuyển núi, thần Sấm Sét lao xuống Nậm Vì. Hòn đá đứt rễ, quả núi Bò Manh trầy chân bồ nhào. Thần Sấm Sét và Rồng ào ào đánh nhau, vật nhau. Đất đá tung lên thành đai núi, nước chảy nhanh cuồn cuộn. Lúc thì Rồng cưỡi lên đầu thần Sấm Sét, khi thì thần Sấm Sét nắm đuôi Rồng... Đánh nhau một buổi sáng, đánh nhau suốt buổi chiều, không phân thắng bại, đánh nhau suốt đêm. Tờ mờ sáng, then mở cửa nhìn xuống bảo thần Sấm Sét cố sức lên. Thần Sấm Sét dồn lực cưỡi lên đầu Rồng định đưa lưỡi rìu tầm sét chém thái lập tức chàng thợ săn đã giương ná, mũi tên xanh lao đi cắm phập vào tai thần Sấm Sét, thần Sấm Sét trúng độc thua, vội chạy về then.

Được người thương, người giúp, Rồng thắng cuộc. Lá rừng vẫy tay vui, cá quẫy đuôi nghiêng mình chao lợi. Rồng lên bờ chấp tay lạy tạ ơn người trai tài giỏi: « Cúi mặt xin đền ơn, xin làm đầy tớ cho người suốt đời! ». Chàng thợ săn, miệng cười tươi như hoa «bọc bụt» (râm bụt) nở buổi sáng, như hoa «án ạn» (hoa mua) khoe sắc buổi chiều. Chàng thợ săn bảo: « Rồng có tài thì đắp giúp con phai đưa nước lên ruộng cho cả mừng làm ruộng. Còn việc làm tôi tớ thì xin thôi ».

Rồng ngoan ngoãn nghe lời, nhào vụn đá đắp năm con phai chặn dòng Nậm Vì, Nậm Huống, rồi rạch đá thành năm con mương liền đập dẫn nước tưới cho ruộng Nà^o Nguộc, Nà Vì, Nà Cá, Nà Pông, Nà Pánh. Sau đó Rồng đào hang núi Tạt xưa đưa dòng nước xa ba mường chảy đến, để hàng năm dân bản mường Chông có nước uống và cày cấy. Chỗ đánh nhau giữa Rồng và thần Sấm Sét thành ao nước Bò Mạnh (hồ lớn) trữ nước đầu nguồn từ đời này qua đời khác.

Theo LĂNG PHƯỚC
(báo Nghệ An)

NINH VIẾT GIAO

NÔNG BUA

(Bà u sen)

Tạo mường⁽¹⁾ Chăm Pa (nay là ba huyện Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn) sinh được một người con gái tên là Bua đẹp nhất vùng: bắp chân của nàng tròn như bẹ khoai môn, bắp vế trắng tựa ngà voi, bụng thon như bụng kiến càng, ngực nàng nở, vú tròn như nuốm chiêng, ngón tay múp như ngọn măng, mắt nàng sáng như trăng ngày rằm tháng tám. Nàng bước đi nhẹ nhàng uyển chuyển như chim công xòe cánh múa. Nhan sắc của nàng đã khiến chàng con trai đầu lòng của tạo mường Rắn rạo rục yêu thương.

Đêm đêm, chàng trai Rắn hóa thành người, mặc bộ quần áo trắng, thắt lưng xanh, đầu chít khăn đỏ; đứng dưới sàn nhà gác đánh đàn môi, leo lên « coi » (nhà ngoài) thổi khèn bè, sáo mũi. Tiếng khèn của chàng trai Rắn mềm như ngọn gió, mát như nước sương, nước suối đêm khuya, thiết tha như đôi chim « khăn kha, khăn khạc » gọi bạn. Tiếng khèn thức nàng Bua tỉnh giấc nồng, giục nàng Bua rón rén bước xuống cầu thang. Đôi trai gái ngồi dưới ánh trăng, mặt sát mặt, đùi kề đùi, vai thon thả sánh đôi, lời đưa lời, quen hơi quen tiếng. Nàng Bua, con gái tạo mường Chăm Pa yêu chàng trai Rắn như nhựa mít dính cánh chuồn chuồn,

(1) Tạo mường: người cai quản bản mường, có quyền thế (B.T.).

đêm mong đến, ngày mong gặp ; nhai miếng cơm muốn nuốt được bóng ; uống bát nước muốn nhìn thấy hình người yêu ; lời trao lời bền chắc.

Nàng Bua, chấp tay trái xin cha, đưa tay phải xin mẹ, cúi mặt xin ông bà, chú, bác, dì, cô... nhận lễ hỏi của người yêu nàng đưa đến. Khi chàng Rắn đưa gói trầu lên thang, mang vò rượu, gói vàng đặt giữa nhà xin làm rể, thì quan tạo mừng Chăm Pa ngồi ngoảnh mặt, quan mẹ ngồi quay lưng, nói : muốn ở rể nhà ngọc nhà vàng, thì chàng phải biến núi Pha Phây (lên đá) thành ruộng, biến hang sâu thành ruộng nước chảy về... Việc khó, lớn, mười đời người không ai làm được. Nhưng vì yêu nàng Bua, chàng trai Rắn đã dồn hết sức, đưa hết tài, san núi đá thành đồng ruộng nước, bờ đắp thành đá cao, đục hòn lên dày trăm sải làm ruộng đưa nước về cho dân bản Chăm Pa cấy ruộng... Việc quan cha bảo, chàng trai Rắn đã làm nên. Chàng bước lên cầu thang chân vui nhẩy nhót. Chân bước vào nhà, lòng rộn ràng như tiếng gió đêm sâu... Nhưng quan cha vẫn ngồi trở mặt lên cửa sổ, quan mẹ vẫn ngoái cổ vào cửa trong. Chàng trai Rắn chấp tay xin làm vệt tía bơi giữa hồ vàng hồ bạc. Quan cha mặt giận, quan mẹ bĩu môi. Chàng Rắn và nàng Bua không được thành đôi lứa.

Tình yêu như lửa đã bắt cháy bãi cỏ tranh khô. Không có sức nào chặn được. Ngày lành và giờ tốt, nàng Bua trộm phép cha, giấu lời mẹ, theo chàng Rắn về nhà. Chàng Rắn đưa người yêu qua hang qua núi, cống người yêu qua suối qua khe...

Nàng Bua ra khỏi nhà chưa nhai lát miếng trầu thì quan cha đã biết. Tiếng mõ rộn mười ruộng, tiếng trống thúc trăm bản. Người vác mai, vác cuốc chạy rầm rầm đông như kiến càng vỡ tổ. Đoàn người đào theo vết Rắn đi, đào tìm con gái tạo ruộng Chăm xinh đẹp.

Rạch đào, thành lũy núi, thành con sông Khe Mọi chảy qua mười cánh đồng, đến chân núi Pha Khi thì lưỡi mai chần kịp đuôi chàng Rắn. Một giọt máu đào rơi; dân mừng vui hơn hở. Một trăm người đào đón nắng mặt trời mọc. Một nghìn người đào phía mặt trời lặn. Bốn phía đào vô, tám phía đào tới. Tiếng mai chần đất phăm phập sau lưng, tiếng lưỡi choòng cắt đất trước mặt... Lúc này vết đứt chảy máu nhiều, chàng trai Rắn biết mình không sống nổi, miệng áp sát tai người yêu nói: « Xin chết để nàng được làm người ». Nàng Bua ứa nước mắt, nói: « Em sẽ không xa rời chàng... » Chàng Rắn tắt thở. Nàng Bua vòng tay ôm lấy người yêu, rồi cắn lưỡi mình tự tử. Đoàn người đào đến nơi thì đôi trai gái đã cứng... Trời động lòng thương, khóc, nước mắt rơi xuống chỗ đào thành ao nước lớn. Xác chàng Rắn và nàng Bua nổi lên và biến thành hai bông hoa sen đẹp. Để khắc mãi mối tình đẹp đẽ của đôi nam nữ, dân bản đặt tên là Nóng Bua — Bàu Sen thơm ngát ở xã Môn Sơn ngày nay.

Theo LĂNG PHƯỚC

(báo Nghệ An)

NINH VIẾT GIAO

HÒN ĐÁ VOI

Miền núi Nghệ An có hai mỏ quý của một vị thần núi. Bà con bản làng trong vùng thần núi che chở khi thì đến lấy bạc khi thì đến lấy vàng về làm vòng tay, vòng cổ cho các cô và bít coóc ⁽¹⁾ cho các chàng trai. Lấy bao nhiêu cũng không hết. Tin đó truyền xuống miền xuôi. Thần biển thêm lắm. Thần phái một đoàn quân hùng mạnh gồm cá kình, cá mập, cá he, cua càng, tôm hùm... với giáo mác chĩnh tề kéo một trăm chiếc thuyền to vượt dòng sông Lam lên đánh cướp. Tai họa bất ngờ sầm sập đổ đến mà thần núi vẫn còn mải chơi bên nước bạn. Dân bản vội vượt trăm khe ngàn suối sang báo cho thần hay. Được tin, thần núi vô cùng bức tức. Bước những bước chân khổng lồ từ đỉnh núi nọ qua đỉnh núi kia trở về, thần vội tập hợp đàn voi của mình lại. Thần chọn những con to khỏe nhất cho đứng giữa dòng sông để chặn đường về của đoàn quân cướp biển. Xong rồi, còn bao nhiêu, thần dẫn tới hai mỏ quý, hò chúng xông vào đánh. Lúc đó, lũ quân của thần biển đang xếp vàng bạc vào những chiếc thuyền lớn. Bị đàn voi xông tới bất ngờ, chúng đối phó không lại, quay đầu theo dòng Lam xuôi ra biển. Nhưng về đến vùng mà bây giờ gọi là xã Bồng Khê, chúng lại gặp một đoàn voi nữa. Đàn voi này đứng chắn giữa

(1) Coóc : loại điệu nhỏ, bà con dân tộc thường dùng để hút thuốc Lào.

dòng sông, kín cả một khúc sông, làm cho nước sông Lam dâng cao rồi ào ào chảy xuống như một cái thác. Chưa biết đối phó ra sao thì đàn voi sau đã kéo tới. Bị ép vào giữa, bị đánh giết tơi bời, toàn bộ đoàn quân của thần biển không một tên sống sót. Xác chúng trôi lênh bênh về biển.

Thần biển giận lắm, dâng nước, cho quân lên đánh báo thù nhưng cũng chẳng ăn thua gì.

Thắng trận, thần núi mở tiệc khao mừng các dũng sĩ voi. Thần cho đàn voi của mình rất nhiều vàng bạc. Người ta kể rằng voi sở dĩ có ngà là do bạc của thần núi thưởng cho. Người ta cũng kể sở dĩ ở bến gỗ gần thị trấn Con Cuông có « hòn đá Voi » nằm giữa sông Lam cũng là do thần núi muốn « cầm » một phần đàn dũng sĩ của mình ở đó để hàng năm chống trả với thần biển khi thần biển đem quân lên đánh báo thù và cướp vàng bạc.

Soạn theo tài liệu của
NGUYỄN VĂN PHÚC
giáo viên cấp 2 Con Cuông
NINH VIẾT GIAO

NGÔI ĐỀN BÊN BỜ SÔNG HIẾU

Ngày xưa, hai bên bờ sông Hiếu ở vùng Phủ Quý, rừng núi trùng điệp, cây mọc chi chít, ác thú nhiều lắm. Chúng thường phá hại mùa màng.

Trong một bản ven sông, có hai cha con một nhà nọ làm nghề săn bắn. Họ múa kiếm rất giỏi mà bắn cung cũng rất tài. Bao nhiêu thú dữ trong rừng như cọp, lợn lòi, beo... ra phá hại các nương lúa bãi ngô của dân bản, đã ngã gục dưới mũi tên hoặc lưỡi kiếm của cha con ông. Bà con dân bản rất thương yêu cảm phục. Từ ngày có cha con ông, lũ thú rừng cũng kinh sợ. Chúng ít khi lảng vảng quanh vùng.

Chúa bản là một tên tham lam độc ác. Nó cướp của bà con các nương rẫy đã thành thuộc. Bà con phải bỏ bản kéo nhau lên các bìa rừng hoặc triền núi xa để khai nương phát rẫy. Hai cha con làm nghề săn bắn kia trong lúc đi kiếm con hoẵng con nai thường chú ý đến việc coi sóc gìn giữ hoa màu cho dân bản. Còn của chúa đất, họ thờ ơ. Chúa đất vô cùng tức tối. Hình như lũ ác thú cũng biết như vậy, nên chúng chỉ hoành hành phá hoại nương rẫy của chúa đất. Chúa đất càng tức tối hơn. Nó muốn bắt cha con ông về làm « còn hồn » (tôi tớ) để canh giữ nương rẫy cho nó. Nhưng cha con ông không chịu. Một cuộc ẩu đả đã diễn ra giữa người nhà chúa đất với cha con ông. Cuối cùng cha con ông đã tìm cách giết tên chúa đất, đem nương rẫy trả lại cho dân bản.

Lũ thú rừng bên này vẫn khiếp sợ cha con ông, nay thấy bao nương rẫy của chúa đất về tay dân bản, chúng không còn nơi kiếm ăn, căm tức cha con ông lắm. Chúng rủ nhau họp thành bầy lớn rồi con trước, con sau, ào ào như thác đổ, kéo ra đào bới các nương rẫy. Người ta thấy chỗ này một đàn lợn rừng đang mò húc nương sắn, chỗ kia một lũ cọp đang tới tấp bẻ gãy nương ngô trấu bắp, chỗ khác nữa một bầy voi đang giày xéo rẫy lúa chín vàng v.v... Cha con người đi săn thấy thế liền xông vào đánh. Lưỡi kiếm của hai cha con bay vù vù trong gió. Tiếng la hét, gầm rú của bầy thú dữ vang lên ghê rợn. Nhiều con đã bỏ chạy tán loạn. Hai cha con ông đánh mãi, đánh từ trưa đến tối ngày. Kiệt sức, tay kiếm rã rời, hai cha con bị voi và hổ quật chết.

Dân bản hay tin, cầm dao vác mác, gõ trống khua chiêng chạy ra thì lũ thú dữ chạy vào rừng cả rồi. Thấy hai cha con người đi săn nằm chết giữa một nương ngô, xung quanh không biết cơ man nào là xác hổ, lợn rừng, hươu, nai, voi, hoẵng... dân bản vô cùng thương tiếc. Họ chôn cất hai cha con ông tử tế rồi lập một ngôi đền để thờ cúng.

Ngày ngôi đền làm xong, để tượng trưng và luôn luôn tưởng nhớ hai cha con người đi săn dũng cảm, tài ba, đã vì quyền lợi của dân bản mà bỏ mình, bà con đặt hai cây cung và đôi kiếm trên bàn thờ rồi kính cẩn cúng vái.

Trong khi đó, thú dữ tưởng là không còn ai trị được mình, hung hăng ngang nhiên kéo nhau đến các nương rẫy phá hoại. Bỗng từ trong ngôi đền, tên bản ra như mưa, đôi kiếm bay vút lên trên không rồi sà xuống chém bầy thú dữ. Thú dữ chết như rạ. Khi không còn một con nào sống sót, thì đôi cung ngừng lao tên ra và đôi kiếm lại bay về chỗ cũ. Dân bản vô cùng ngạc nhiên.

Từ đó thu dũ không dám bén mảng tới hoành hành. Ngày nay ai đi qua bờ sông Hiếu, vẫn còn thấy một ngôi đền nhỏ, trông như một cổ miếu, dưới một lùm cây. Cổ miếu ấy thờ hai cha con làm nghề săn bắn cho đến phút cuối cùng của đời mình, và ngay khi đã chết rồi nữa, cũng vẫn bảo vệ quyền lợi của bản làng.

Soạn theo lời kể của một cụ ở
Nghĩa Xuân, huyện Nghĩa Đàn

NINH VIẾT GIAO

BẢN NÁ CA

Ngày xưa, có hai anh em trai nhà nọ. Người anh tính keo kiệt lại hay khoác lác, người em tính hào phóng lại rất khiêm nhường.

Vào một vụ cấy, hai anh em đi nhờ bà con dân bản cấy giúp. Người anh nói:

— Mạ tôi gieo nhiều quá không cấy kịp, sợ mạ già, nhờ bà con đến giúp một tay, tôi xin « khả ngựa » — (mổ bò).

Người em bảo:

— Nhà neo người, xin các bà các cô thương các cháu đến giúp hộ vài buổi cấy, nhà nghèo tôi chỉ « khũa ngá » — (rang vừng).

Thực ra người anh nói « khả ngựa » để mời com những người đến cấy là anh nói lái: « khả ngựa » là « khũa ngá » (mổ bò thành rang vừng). Còn người em khiêm tốn nói « khũa ngá » là « khả ngựa » — (rang vừng thành mổ bò).

Số đông người tưởng người anh trả công hậu hơn nên đã sang cấy giúp. Còn nhà người em chỉ có số ít người có lòng tốt tuy họ thấy nói chỉ có rang vừng nhưng vẫn đến cấy hộ.

Gà gáy sáng, người em đã dậy mổ bò, khi mổ xong anh chỉ thấy có vài người đến giúp, anh buồn quá. Anh bảo vợ: « Thôi ta chỉ cấy đủ ăn còn đành phải vứt mạ đi ». Sau đấy anh nhờ những người đến giúp

bấm nhỏ thịt bò ra từng miếng nhét vào các gié mạ rồi quăng ra những thửa ruộng đình cấy. còn lại bao nhiêu sẽ đánh chén một bữa

Thấy vậy người anh đặc chí lắm. Anh ta tự cho mình là khôn ngoan và anh tính : nếu đông người, chỉ cần cấy một buổi là hết số mạ, khi mọi người có chê anh chỉ rang vừng mời cơm thì ruộng cũng đã cấy xong mạ rồi. Nhưng những người đi cấy giúp chả thấy anh mỗ bõ gì mà chỉ nghe tiếng rang vừng lao sạo, họ cũng chỉ cấy hờ để cho một vài ngày sau mạ sẽ nổi lên lênh bênh.

Ở ruộng người em, một đàn quạ bay qua, đánh hơi thấy mùi thịt bò, chúng liền xà xuống mổ. Nhưng khi chúng mổ vào miếng thịt cũng là lúc chúng nhấn luôn gốc mạ xuống bùn. Chúng càng bực tức càng ra sức mổ mạnh thì gốc mạ càng cắm xuống sâu, chả bao lâu chúng đã cắm hết mạ xuống ruộng.

Đến vụ thu hoạch, ruộng của người em thu gấp đôi ruộng của người anh. Người anh bực lắm nhưng không biết nói thế nào. Cũng từ đấy dân bản đặt tên ruộng của người em là Ná Ca (ruộng quạ) và khi người ta lập bản ở đó, mọi người đã lấy sự tích trên đặt tên cho bản.

SIN VĂN BÉ — bản Ná Ca,
xã Lay Nưa, Mường Lay, Lai Châu kẻ

HOÀNG TAM KHỘI
sưu tầm, biên soạn

MUỜNG QUÁI

Ngày xưa, nơi có quả núi đá to mọc lên giữa cánh đồng (thuộc xã Chiềng Sinh ngày nay) mọi người bỗng thấy một con trâu kỳ lạ xuất hiện.

Con trâu đó to hơn mọi con trâu khác và hung dữ hơn mọi con trâu hung dữ. Ngày thường không biết nó biến đi đâu, nhưng đến khi lúa ngâm sữa trở đồng thì nó lại lù lù xuất hiện. Nó ăn hết lúa ruộng này đến ruộng khác, gặp người đuổi, nó liền xông lại húc chết tươi. Dân mừng đã nhiều lần tìm cách để trị con trâu này nhưng mãi vẫn không trị nổi, đành ngồi nhìn cho nó phá phách.

Vào một vụ, lúa lại sắp trở đồng đồng, có hai người con trai lạ đi qua mừng và dừng chân nghỉ tại một bản. Người già kể lại chuyện con trâu dữ cho hai chàng trai nọ nghe và than thở rằng vì con trâu nên mùa nào cũng đói kém. Hai người con trai thấy chuyện lạ, họ ở lại và hứa sẽ tìm cách trị giúp. Ngày ngày họ luyện tay kiếm, tay nỏ để chờ đợi trâu đến. Dân mừng thấy một người rất giỏi tay kiếm và người kia rất tài bắn nỏ. Họ không phải chờ lâu, một sáng họ thấy con trâu từ trong hang của quả núi đá giữa cánh đồng đi ra — (hang đó ngày nay gọi là « Thẳm Quái », (Hang Trâu). Trâu bắt đầu vừa ăn vừa phá lúa. Hai chàng trai tay kiếm tay nỏ tìm cách mon men đến gần, chọn chỗ đứng để bắn vào mắt trâu. Nhưng từ xa trâu đã phát hiện ra họ, nó cảm sừng chạy bổ vào húc.

Hai người nhanh như sóc tránh kịp, con trâu mất đà lao đi vài bước rồi quay đầu lại. Vừa lúc đó chàng cầm kiếm vung kiếm chém xuống cổ trâu, con trâu nhanh như chớp lấy sừng gạt phăng đường kiếm. Chàng vội luồn qua bụng trâu để tìm thể khác. Chàng bắn nỏ vội bắn một phát vào mắt trâu nhưng cũng bị trâu lấy sừng gạt bay đi. Cứ thế người và trâu quần nhau đến khi trời tắt nắng. Mãi tới lúc chàng bắn nỏ lựa thể bắn được một mũi tên vào mắt trâu, con trâu quay quay vài vòng rồi cầm đầu bỏ chạy. Con trâu chạy dọc theo cánh đồng, đến một quãng suối, trâu khát nước cúi xuống uống, cũng là lúc cái tên nỏ làm cho mắt trâu lồi ra và rơi xuống đó. Người ta thấy mắt trâu to đến một cân nên gọi là « ta cân » — (mắt cân), và tên bản Ta Cân có từ ngày ấy. Nhưng con trâu vẫn không chịu chết, nó chạy qua suối về phía đèo Pha Đin, đến ngã ba đường đi Lai Châu, Thuận Châu mới chịu ngã xuống. Nơi đó người ta đặt tên cho mừng là mừng Quái (mừng Trâu) và trong nhân dân vẫn gọi Tuần Giáo bằng cái tên mừng Quái cho đến ngày nay. Còn chỗ hai chàng trai đánh đuổi trâu người ta gọi là mừng Húa—« Húa » tiếng Thái nghĩa là đuổi — mừng Đuổi.

QUÀNG VĂN VÀ — Làng Mừng Thanh,
Điện Biên Phủ, Lai Châu kê.

HOÀNG TAM KHÔI
sưu tầm, biên dịch

SỰ TÍCH CÂY MỘC NGƯỢC

Vùng Thung Lều có một cô gái rất xinh. Bên cạnh có một chàng trai khá khôi ngô. Hai người yêu nhau tha thiết. Chàng trai thổi sáo « lết » rất hay. Có đêm chàng đến nhà cô gái, ngồi dưới chân cầu thang, thổi vi vu man mác. Có đêm chàng ngồi cạnh cô gái bên bờ suối, thổi vi vút véo von.

Một đêm, hai người đang ngồi bên bờ suối, tiếng sáo quẩn quện bỗng trầm, khi thì thăm tâm sự, lúc bát ngát yêu thương, làm cô đặc ánh trăng vàng, ngưng đọng dòng suối bạc. Cô gái chìm lặng trong tiếng sáo « lết » nỉ non của người thương. Bỗng, từ trong bụi, một con trăn trườn ra. Nó quẩn chặt lấy cô gái. Cô nàng sợ hãi cất tiếng rú rùng rợn. Chàng trai cũng kinh quá co cẳng chạy, mặc cho cô gái với con trăn.

Một lát sau, cô gái bình tĩnh lại. Cô lấy hết sức mình đối phó với con trăn. Cô gọi chàng trai :

— Chàng còn thương em thì đưa ống sáo « lết » cho em.

Chàng trai vẫn sợ, không dám đến gần, bên đứng từ xa, quăng ống sáo lại cho nàng. Nàng cầm lấy, đập vỡ ống sáo « lết », lấy một thanh sắc khía vào thân con trăn. Da trăn dày quá. Nàng cứa mãi, trăn bị cứa chảy máu, đau quá, phải bỏ nàng. Thừa lúc trăn đang vật mình, nàng cầm thanh sáo « lết » ấy, đâm vào miệng trăn, rồi mặt trăn. Trăn càng đau dữ, phải văng mình chạy trốn.

Thoát nguy hiểm rồi, nàng lại cất tiếng gọi chàng trai. Nhưng chàng trai vẫn đứng lấp ló đằng xa. Nàng gọi lần nữa, song chàng chỉ ừ ở mấy tiếng. Giận quá, nàng cầm chiếc sáo lết đã vỡ, cắn bên bờ suối, rồi xăm xăm đi về bản. Trong lúc tức giận và vội vàng, nàng đã cắn ngọn xuống đất.

Chẳng mấy lâu, ống sáo « lết » nảy mầm rồi mọc lên một cây lết xanh tươi. Một cây rồi vài cây và dăm năm sau, đó là một bụi lết rùm ròa. Có điều ngọn cây nào cũng chúi xuống đất rồi mới uốn mình đâm thẳng lên không.

Hiện nay ở Thung Lều bụi lết ấy vẫn còn. Trong những đêm khuya trăng sáng, khi một trận gió nhẹ nổi lên, từ bụi lết phát ra một khúc nhạc, khúc nhạc hắt hiu rầu rĩ như oán trách những chàng trai dòn hèn, thấy người yêu bị nguy nan mà không cứu mạng.

Soạn theo lời kể của cụ

LANG VĂN THỈNH

ở Châu Bình, Qui Châu.

NINH VIẾT GIAO

NÚI CHỘNG CHA

Khách đi từ mừng Nọc qua Châu Thôn về vào mừng Quang hay lên mừng Chè Lè phải vượt qua một cái đèo vừa cao vừa dài, đó là Pù Chộng Cha. Pù Chộng Cha nằm cheo leo hiểm trở, một bên là vực sâu, một bên là vách đá dựng đứng. Chỉ nghe tên những hòn núi như Chờ Cẩn Phà (chàng vút trời)⁽¹⁾, Cục Cờ Chi (hòn xôi nướng)⁽²⁾... mà Pù Chộng Cha chạy vắt qua, chúng ta cũng đã hình dung thấy cái chênh vênh, khúc khuỷu của nó rồi. Đó là chưa kể những cây cối, những bụi nứa, bụi luồng, bụi gai,... chắn ngang và các loại thú dữ rình mồi.

(1) (2) Ngày xưa có một ông khổng lồ đứng ở biên giới Việt Lào nhìn về miền xuôi, thấy một con trâu đang ăn lúa. Ông vội vàng lấy cục xôi nướng bỏ vào túi và nhặt một hòn đá, chạy xuống để đuổi trâu. Chẳng may, chạy tới Pù Chộng Cha, ông bị vấp ngã. Cục xôi nướng văng ra thành hòn núi "Cục Cờ Chi". Hai đầu gối lún xuống để lại hai cái ao to. Một bàn tay chống xuống đất, vết hằn mãi ở bản Nhe (Qui Hợp). Còn hòn đá thì văng tới tận Nghĩa Đàn bây giờ. Đó là hòn Tỉ Lê gần thị trấn Thái Hòa. Bản thân ông thì hóa thành ngọn Chờ Cẩn Phà chót vót.

Nên chú ý rằng, truyền thuyết này rất có ý nghĩa. Trước đây đã lâu, bà con cho rằng từ Tỉ Lê trở xuống là đất người Kinh, từ Tỉ Lê trở lên là đất người Thái. Vào những ngày cách đây khoảng năm thế kỷ, từ Tỉ Lê vòng lên bản Nhe thuộc vùng Khũn Tinh, rồi đi lên nữa cho tới biên giới Việt Lào đều nằm trong phạm vi bà con Thái đi cùng đèn chĩa gian ở mừng Nọc.

Tục truyền rằng, ngày xưa có một anh con trai ở mừng Quảng tức xã Quang Phong và Kắm Muộn bây giờ yêu một cô gái ở mừng Nọc. Hai bên yêu nhau say đắm. Đã mấy mùa rồi, tiếng chim « khảm, khắc » giống già như giục họ chung sống. Tháng mười, những bông lúa vàng óng, chàng trai muốn xin cưới nhưng bố mẹ cô gái không cho. Bố mẹ cô viện đường xa cách trở, song cái cớ chính mà bố mẹ cô không dám nói ra, ấy là con gái ở « chiềng » còn anh con trai ở « xồng »⁽¹⁾. Mặc dù thế, chàng trai và cô gái vẫn yêu nhau tha thiết, vẫn một niềm gắn bó.

Thấy rằng không thể cản trở được tình yêu đôi lứa, họ hàng cô gái đành phải cho chàng trai làm lễ cưới, sau ba năm dằng dẳng bắt anh ta ở rể. Ngày rước dâu, họ hàng cô gái ra điều kiện: chàng trai phải cống cô gái đi qua cái đèo vừa cao vừa dài, cheo leo hiểm trở ấy, mà không được dừng lại uống nước suối bên đèo khi khát. Thật là khó nghĩ! Giữa mùa hè, trời nắng chang chang, trèo lên gần hết một ngày đường chứ ít đâu. Đi không, hai ba người còn phải dìu dắt nhau, huống chi cống trên vai một người, dù đó là người yêu.

Nhưng tình yêu đã làm họ nảy ra trí khôn. Ngày cưới, sáng sớm cô gái gội đầu thật kỹ rồi để mái tóc dày, dài và mượt của cô thật đầm nước. Với sức mạnh của tình yêu, chàng trai đã cống cô gái vượt qua cái đèo. Cứ khi nào khát, cô gái lại vắt tóc, mái tóc nhỏ ra vài giọt nước để người thương thấm miệng.

Mặt trời còn cách năm tầm con dao nữa sẽ khuất sau ngọn núi phía Chè Lè thì chàng trai đã cống cô gái

(1) Bản « chiềng » là nơi tầng lớp trên của người Thái ở. Các bản dành cho người nông nô hay tôi tớ ở gọi là « xồng ». Mỗi mừng có một bản chiềng.

tới gần cuối chân đèo. Sợng quá! Chàng đã thắng được bao khó khăn trở ngại. Nghĩ rằng, một mình đem cô dâu về nhà không vui bằng có cha mẹ, bà con, nên chàng để người yêu ngồi nghỉ dưới bóng một cây cổ thụ rồi chạy như bay về bản. Một hồi sau thì đám rước dâu đã có đầy đủ những người thân thích anh em trong họ nhà chàng. Nhưng than ôi, khi trở lại cây cổ thụ dưới chân đèo thì người yêu của chàng đã biến đi đâu mất. Chàng cất tiếng gọi. Tiếng gọi của chàng dội vào vách núi nọ rồi vách núi kia, nhỏ dần, nhỏ dần. Không một tiếng đáp lại. Chàng sục sạo tìm quanh. Có vết trăn bò gần gốc cây cổ thụ. Lần theo vết trăn, chàng tới một cái vực. Một con trăn to, bụng chường phình đang cuộn tròn ở đó. Máu giận sôi trào, chàng trai rút dao đeo bên mình, lội xuống vực, xông vào đánh nhau với con trăn. Con trăn văng mình chống đỡ, rồi uốn mình định kẹp cứng chàng trai lại để lấy đuôi dúi bụng chàng. Nhưng khúc giữa bụng nó to quá. Nó chuyển mình chậm chạp. Nên chàng trai đã lanh lẹ chặt được khúc đuôi nó rồi khúc đầu nó. Rạch bụng nó ra thì người yêu của chàng đang nằm đó, nhưng không sống nữa rồi.

Câu chuyện này lan ra, dân các bản mừng ở hai bên đèo mỗi khi có việc phải đi qua đèo càng cẩn thận hơn. Bà con không dám đi một mình mà đi hai ba người trở lên, để dẫn dắt nhau, giúp đỡ nhau, bảo vệ cho nhau mỗi khi qua đèo. Cái tên Pù Chộng Cha do đó mà ra đời.

Soạn theo lời kể của đồng chí
LO KHÁNH XUYỀN và một số bà
con ở bản Pên Chao, xã Châu
Kim, Quế Phong.

NINH VIẾT GIAO

PU TẾ

Ở vùng Cha Kỳ, mừng Lâu, mừng Khoòng, ngày xưa ngày xưa có một người khổng lồ. Người đó là Pu Té. Đồng bào truyền rằng quê chính của ông ở bản Hin, mừng Khoòng, nay thuộc huyện Bá Thước.

Pu Té có sức khỏe phi thường, vốn hay làm và ăn khỏe. Ruộng đất nương rẫy ở Cha Kỳ, mừng Lâu, mừng Khoòng không đủ cho ông làm và cũng không đủ cho ông ăn.

Một hôm Pu Té đi đây đó khắp vùng, đi tận mừng Phủ, mừng Vang. Đến đây ông gặp một khu rừng rộng bằng phẳng mênh mông. Hỏi ra, người dân vùng ấy cho biết đó là Pái Pui đất tốt màu mỡ có thể trồng nên cây lúa cây ngô. Nhưng ở đây có một con hổ chúa rừng, vì thế mà Pái Pui không một con muông thú hoặc một dấu chân người lạc tới.

Pu Té đi vào rừng dạo quanh một vòng để xem xét. Mải mê với rừng với núi, khi sắp về thì mặt trời vừa lặn. Phần vì mệt, phần vì trời tối nên ông đã ngủ lại trong khu rừng này.

Pu Té ngủ, cất tiếng ngáy ầm ầm như kéo gỗ. Con hổ chúa rừng đánh hơi thấy có mùi ngon, hần liền mò tới. Con hổ thấy miếng mồi quá lớn, hần phải điều võ dương oai gầm rú cào xé nát cả mấy đôi gianh. Pu Té vẫn ngủ. Con hổ tưởng ông đã lạc hết hồn vía, yên trí bước vào để xé thịt ăn. Trước khi ăn, con hổ còn bước đi bước lại trên mình ông mấy lượt rồi mới gầm lên dùng

móng sắc xé toạc móng Pu Té và ngoạm lấy ngoạm để nuốt ừng ực từng miếng ngon lành. Pu Té đã mất một miếng thịt sâu hoắm xuống bằng miệng thúng, lúc đó ông mới tỉnh giấc. Nghe ngựa ngựa ở móng, Pu Té tưởng con muỗi độc đến đốt, mắt nhắm mắt mở ông lấy tay đập khế vào chỗ ngựa. Thế là con hổ chúa rừng Pái Pui chết tươi.

Tin con hổ chúa rừng Pái Pui bị giết chết truyền đi khắp vùng, nhân dân ở khắp nơi kéo đến xem rất đông, mọi người đều cảm ơn Pu Té và nướng thịt hổ ăn mừng tại chỗ. Thịt hổ nướng thơm cả khu rừng. Các loại muông thú biết hổ chúa rừng Pái Pui đã bị Pu Té giết chết, chúng cũng kéo đến bay nhảy hót ca rộn ràng vui mừng cùng người.

Pu Té phát rẫy trồng sản trồng ngô ở Pái Pui. Ngày ngày ông vẫn về bên Cha Kỳ, mừng Lâu, mừng Khoòng để lấy phân đem bón cho nương rẫy. Khi phân ở vùng gần đã hết, Pu Té lên tận mừng Ly, mừng Lát để lấy phân. Ông nhặt được một gánh phân từ mừng Lát gánh về. Lúc đi qua các vùng Cha Kỳ, mừng Lâu, mừng Khoòng, Pu Té vấp chân phải một hòn đá, phân từ trong sọt văng ra rơi rải rác trên các cánh đồng La Hán, bản Cốc, bản Cao. Từ đấy đồng lúa của La Hán, bản Cốc, bản Cao trở nên tốt nhất vùng. Nhân dân các vùng gần xa thấy vậy cũng học Pu Té lấy phân bón ruộng.

Một lần trên đường về thăm nương rẫy của mình, khi qua mừng Phủ, mừng Vang, Pu Té thấy hai con trâu của hai mừng đánh nhau. Chúng đánh nhau từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều mà chưa có con nào thắng bại. Ông nghĩ, nếu để hai con trâu này đánh nhau mãi chúng sẽ chết, người đi cày ruộng không có trâu cày. Nghĩ vậy, Pu Té liền rón rén tới bên xách cổ hai con trâu như xách hai con chuột nhắt nhét vào giỏ đeo theo bên hông để mang đi trả cho người có trâu. Trên

đường đi, hai con trâu lại đánh nhau trong giỏ. Nghe lục cục, Pu Té mở nắp giỏ ra xem thì thấy chúng đang đánh nhau. Cũng vừa lúc đi qua mừng Phủ, mừng Vàng, ông liền xách hai con trâu trong giỏ ra đem trả cho người có trâu.

Muốn có nhiều ruộng, lắm côm, Pu Té lên tận đỉnh Pu Luông quan sát nơi ngăn sông Mã đem nước qua mừng Khoòng đưa về Pải Pui khai ruộng. Ông bắt đầu vào công việc. Nhưng công việc chưa thành thì ông đã chết. Ngọn núi đá Châu Ngâu và vũng nước Quan Pế ở mừng Ánh thuộc xã Phú Lệ, Quan Hóa còn vết tích dấu dao chém đá và thành đá ngăn đập trên dòng sông Mã của Pu Té.

Nhân dân bản Hin mừng Khoòng tự hào về mảnh đất quê Pu Té. Trước đây cứ đến tháng 11 âm lịch hàng năm, nhân dân trong vùng thường tổ chức cúng côm mới và hội vật để gọi hồn Pu Té và để biểu tượng con cháu của Pu Té cũng khỏe như ông.

Cụ LÒ VĂN Ơ kể

BÙI TIỀN ghi

TẠO XÃNG

Ngày xưa, ở Mường Phạ ⁽¹⁾, có người đàn bà góa chồng, không con, một mình chịu cuộc đời đời khổ, quanh năm, suốt tháng sống nhờ măng đắng và củ mài.

Một hôm, bà vào rừng kiếm măng từ sáng đến trưa. Trời nắng, khát nước khô cả cổ, bà bỗng gặp một dấu chân voi in xuống đất thành cái hố sâu. Trong hố, nước đọng trong xanh, bà liền lấy tay vốc uống. Đã khát rồi, thấy trong người khoan khoái, bà lại tiếp tục tìm măng đến chiều mới về. Đêm hôm ấy, bà nằm chiêm bao thấy mình đang vỗ về một đứa con trai xinh đẹp. Trong mơ, bà nói với đứa trẻ: « Hôm nay mẹ đào củ mài nuôi con, ngày sau con đi lấy măng nuôi mẹ ».

Tỉnh giấc, thấy một mình vẫn nằm trong cái « bôn non » bên bếp lửa tắt ngấm từ khi nào, trong căn nhà ọp ẹp, bà bàng hoàng sợ hãi, không dám ngủ nữa. Từ đó, bà mang thai. Cái thai đối với bà là một nguồn vui, nhưng cũng là một cái tội. Bà con, dân bản ít đi lại với bà như trước. Bọn chúa đất phạt vạ. Bà cắn răng chịu tủi nhục trước sự chê trách của mọi người.

Bà mang thai gần ba năm trời mới sinh được đứa con trai. Đứa trẻ mới sinh ra rất khỏe. Nhớ lại giấc mộng năm xưa, bà đặt tên cho con là Xăng. Xăng mới lọt lòng mẹ, đã biết nói, biết cười, lớn nhanh như thổi; rồi lại sớm biết bẻ măng, đào củ, hái quả giúp mẹ.

(1) Mường Phạ : tên xưa nhất của mường Quả hiện nay.

Nhưng Xăng có tính khác người. Khi có gạo, có khoai thì bao nhiêu ăn cũng hết, nhưng khi không, hai ba ngày chẳng có miếng gì vào bụng cũng chẳng sao. Hàng ngày Xăng theo mẹ vào rừng đào củ. Xăng không dùng thuồng như mẹ, mà chỉ dùng chân giẫm quanh gốc rồi nhổ củ lên. Một hôm chàng lên đỉnh núi, để mẹ một mình ở lại dưới thấp. Một con quỷ có tên là Nha Hạng, từ đâu hùng hổ tới, định vồ ăn thịt. Bà van:

— Nha Hạng ơi, chờ một lát, tôi gọi con tôi về, Nha Hạng sẽ ăn thịt cả mẹ lẫn con.

Tao Xăng ở trên núi nghe nóng tai, chạy xuống với mẹ. Thấy Nha Hạng đang ngồi đó còn mẹ thì nước mắt vẫn dài:

— Con ơi, Nha Hạng đòi ăn thịt mẹ con ta.

Tao Xăng vươn vai một cái, tự nhiên trở thành người to lớn và khỏe mạnh lạ thường. Tao nhảy xô tới nắm lấy đầu con quỷ, vạt ngã nó xuống và quát lớn:

— Con quỷ này muốn sống hay muốn chết?

Biết không chống nổi tao Xăng, quỷ hết lời van xin. Chàng bảo:

— Ừ, tha cho mày, nhưng tao phải lấy một cái răng làm dấu, để sau này xem mày có còn tác quái nữa hay không.

Nói xong, tao bẻ ngay một cái răng cửa của quỷ. Đã định quay gót, nhưng tao còn nói với quỷ: « Từ nay không được làm hại người nữa. Hãy đi nơi khác mà ở ». Quỷ sợ hãi, lững thững tìm đường bỏ đi.

Tao Xăng lớn lên thì mẹ chết. Tao bỏ nhà, đi tìm thầy học đạo. Tao học rất chăm. Ba năm đã thành tài và sức khỏe càng ít người địch nổi. Từ giã thầy ra về, thầy cho một cây gậy thần và đặt cho tên mới là tao Xin Xây.

Trên đường trở lại bản cũ, tao gặp một người chỉ có một mình mà kéo nổi một trăm cây tre cả gốc lẫn cành. Để thử sức, Xin Xây bảo:

— Chúng ta hãy thi nhau, ai được sẽ làm anh, ai thua phải làm em.

Anh chàng Kéo Tre liền nhận lời. Cuộc đọ sức diễn ra rất giản dị. Xin Xây đứng giậm ngọn tre, chàng Kéo Tre lúi thế nào cũng không nổi. Đến lượt chàng Kéo Tre lại giậm lấy ngọn tre, Xin Xây kéo đi một cách dễ dàng. Thua cuộc, nhưng anh chàng Kéo Tre chưa chịu làm em, đòi đọ sức lần thứ hai. Xin Xây nhận lời. Cuộc đọ sức lần này ác liệt hơn. Chàng Kéo Tre ôm Xin Xây đặt mạnh xuống đất, Xin Xây chỉ lún sâu đến thắt lưng. Đến lượt Xin Xây ôm anh chàng Kéo Tre đặt mạnh một cái thì anh ta bị lún sâu đến tận cổ. Thua cuộc lần này, chàng Kéo Tre mới chịu gọi Xin Xây là anh.

Hai người dắt nhau đi, đến một vùng khác, thấy một anh chàng cũng chỉ một mình đang hí hục kéo một trăm cái thuyền đầy ắp nào lúa, nào củi,... đi ngược dòng nước. Xin Xây nắm lấy đuôi của chiếc thuyền cuối cùng, anh ta không thể nào kéo một trăm chiếc thuyền nhích lên được. Anh ta thách hai người đọ sức. Rốt cuộc, anh chàng thua cả hai người. Họ kết bạn với nhau.

Cả ba người tiếp tục cuộc hành trình. Họ đi hết bản này mừng nọ. Đói bụng, họ hái măng đào củ mài. Tối lại, họ cùng nhau tựa gốc cây giữa rừng mà ngủ. Ngày này qua ngày khác, họ đi đã được bao nhiêu đường đất, không biết nữa. Đến một bản nọ, thấy cửa nhà đông đúc, họ rủ nhau vào kiếm cơm ăn, rượu uống. Nhưng vào đến nơi, trước mắt họ là một cảnh tượng điêu tàn, cửa nhà vắng vẻ, không một tiếng gà gáy, lợn kêu, không một bóng người qua lại. Lên một chiếc nhà sàn lớn, họ thấy đồ đạc vứt lung tung, như vừa bị một trận cướp. Trong ngôi nhà sàn ấy có treo một chiếc trống to. Xin Xây lấy gậy thần đánh trống. Trống dội vang rừng chuyển núi. Bỗng nhiên từ trong chiếc

trống có tiếng người khóc. Xin Xây hạ trống xuống thì thấy một người con gái, tuổi ước đôi mươi, dáng xinh xắn, đôi mắt tròn và đen láy. Nàng là con gái ông chủ ngôi nhà này. Nàng chào ba người rồi ôm mặt khóc :

— Khổ lắm các thầy ơi !

Xin Xây hỏi :

— Dân bản đi đâu cả mà vắng vẻ thế này ?

— Các thầy ơi, đi mau lên, không nên ở lại đây.

— Tại sao cô ở một mình thì được, mà lại đuổi chúng tôi đi ?

— Không phải đâu, các thầy ở lại đây sẽ gặp nạn.

— Nạn gì thế ?

— Ở đây có con thường luồng ăn thịt hết cả dân làng rồi, không còn một ai nữa, ngoài em ra. Em còn sống là nhờ cha mẹ đem giấu vào cái trống này. Các thầy giúp em, cho em đi lánh nạn với.

— Được rồi, chúng tôi sẽ đi. Nhưng thường luồng bắt người thường đem đi đâu ?

Cô gái dẫn ba người tới một cái hầm ở cuối bản và bảo : « Đây, tất cả người già, người trẻ, con gái, con trai đã bị thường luồng ăn thịt. Còn xương nó vứt cả xuống đây ».

Nhìn xuống hầm sâu thật kinh khủng. Toàn xương người chồng chất lên nhau. Người con gái lại ôm mặt khóc, định bỏ chạy. Xin Xây giữ cô lại và bảo : « Đừng sợ nữa, nàng sẽ được gặp lại cha mẹ và dân bản, ngay bây giờ thôi ». Xin Xây lấy gậy thần chỉ xuống hầm đầy xương người rồi gọi to :

— Bà con ơi ! Hãy sống lại... !

Bỗng dưới hầm sâu, đồng xương cọ quây rồi tiếng rì rầm và sau đó là tiếng hò hét. Những bộ xương khô quành ấy lại có da có thịt, dất nhau ra khỏi hầm và

trở về bản. Dân bản rất biết ơn Xin Xây. Họ gọi Xin Xây là Pọ Then. Xin Xây bảo họ : « Bà con ơi, hãy xem còn thiếu ai không ? Hãy đánh trống lên cho bản dưới khỏi kiêng, hãy khua chiêng lên cho bản trên khỏi sợ ». Dân làng nói :

— Không được đâu, đánh trống thì thường luồng nghe, nó sẽ lên ; khua chiêng, thường luồng sẽ tới. Nó sẽ giết lại dân làng và sẽ giết cả các ông nữa.

— Không lo, ta có trăm phép lạ, thần núi cũng kinh, thần sông cũng nhường, nữa là con thường luồng ranh ấy. Hãy đánh trống ăn mừng, hãy gõ chiêng mở hội, cho vui bản vui làng — Xin Xây nói.

Tin vào phép lạ của Xin Xây, dân bản mở hội ăn mừng. Quả nhiên, nghe tiếng trống, thường luồng từ hang sâu trong núi xa mò tới. Xin Xây lấy gậy thần chỉ vào thường luồng và bảo : « Máy là loài độc ác phải chết ngay ». Xin Xây đánh mạnh vào đầu, thường luồng ngã lăn ra chết. Dân bản xúm vào, kẻ đâm người chém để hả cơn tức giận. Giết được thường luồng, tai họa không còn nữa, mọi người trở lại cuộc sống yên vui. Để đền đáp một phần nào công ơn cứu sống, dân làng bàn nhau gả người con gái nằm trong trống cho Xin Xây. Xin Xây bảo : « Chúng tôi còn phải đi xa. Bọn tôi có ba anh em. Xin cho một người ở lại với bà con. Từ nay bà con hãy gọi bản ta là bản Côồng » ⁽¹⁾.

Họ để anh chàng Kéo Tre ở lại. Xin Xây trao cho anh ta một cánh hoa và dặn : « Hễ thấy bông hoa này héo thì tìm đường tới giúp chúng tôi ». Anh chàng Kéo Tre được bà con tôn làm chầu bản. Xin Xây và anh chàng Kéo Thuyền lại tiếp tục lên đường. Đến một bản khác, họ cũng thấy quang cảnh như trên : cỏ mọc kín

(1) Côồng : Tiếng Thái là cái trống. Hiện nay ở miền núi Nghệ An, có nhiều bản mang tên là bản Côồng, và nhân dân đều kể sự tích bản mình bằng tình tiết này.

đường đi, ghét rác đầy cả bản. Sực thấy một cái « loòng »⁽¹⁾ nằm úp sấp bên lối đi, hai người đứng lên để tránh vấp, sên. Bỗng có tiếng người kêu khóc. Xin Xây vội lật ngửa « loòng » thì thấy một người con gái. Chàng hỏi :

— Vì sao mà bản làng nên nỗi này ?

— Thừa hai ông, ở đây có con chim thần về bắt hết dân bản, chỉ còn em trốn dưới cái « loòng » này là thoát được. Cha mẹ, anh em, dân bản đều bị chim thần bắt cả, bây giờ cũng không biết ở đâu.

Nói xong, người con gái đưa mắt nhìn hai người như muốn cầu cứu, nhưng không dám nói ra miệng.

Xin Xây hỏi :

— Hôm nay chim thần có về không ?

— Hễ có khói là nó về ngay.

— Nàng hãy đi đốt cho ta một đồng lửa.

— Không, chim thần sẽ bắt em và bắt cả hai ông.

— Đã có chúng tôi, nàng đừng sợ nữa.

Người con gái đi nhặt củi, đốt đồng lửa to giữa bản. Thấy khói ngào ngạt bay lên, một con chim đại bàng mà người con gái gọi là chim thần từ trên đỉnh núi cao sà xuống đậu vào cái « loòng ». Xin Xây cất tiếng :

— A, chào đại bàng, sao đại bàng lại làm vậy thể nhỉ ?

Dứt lời, Xin Xây dùng gậy thần chỉ vào đầu con đại bàng. Đại bàng ngã lặn ra chết. Hai người kéo xác đại bàng vào đồng lửa, đốt ra tro luôn. Cô gái dẫn hai người đi tìm nơi mà đại bàng đã ăn thịt bà con. Tới một vách núi, họ thấy xương người rải khắp nơi. Xin Xây lấy gậy thần chỉ vào từng bộ xương. Những bộ xương ấy bỗng thêm da thêm thịt và trở lại thành người.

(1) Loòng : cái cối giã gạo của bà con miền núi làm bằng gỗ. Hiện nay nhân dân bản Loòng, Quý Hợp còn kể sự tích bản mình bằng tình tiết này.

Dân bản được cứu sống lại hầu hết. Không biết lấy gì đền ơn, họ bàn nhau gả người con gái nằm trong «loòng» cho Xin Xây. Xin Xây nói: «Tôi còn phải đi xa, không thể ở lại đây. Xin cho em tôi ở lại với dân bản». Xin Xây gửi gậy thần và trao một bông hoa cho anh chàng Kéo Thuyền. Trước khi lên đường chàng dặn: «Thấy hoa này héo thì mang gậy đến giúp tôi!». Dặn dò xong, Xin Xây lại tiếp tục đi.



Lại nói đến quý Nhà Hạng. Sau khi bị tạo Xăng đánh và bẻ răng, quý bỏ đất mừng Pha đi một thời gian khá lâu. Nghe tin tạo Xăng đã đi xa, quý quay về mừng Pha sống theo nghiệp cũ. Bao người đã bị nó giết, bao nhà đã bị nó phá, bản mừng phải cầu cúng van xin. Quý bảo: «Phải làm cho ta một cái nhà to trên đỉnh núi, dưới lán có thau bạc đựng nước rửa chân, trên nhà có thau đồng đựng nước rửa tay rửa mặt, mỗi tháng nộp cho ta một người béo khỏe». Dân làng đành phải làm theo⁽¹⁾.

Mỗi tháng một người, trai trẻ trong bản lần lượt kẻ trước người sau, đã phải nộp xác cho quý. Lần này đến phiên con gái chủ mừng. Chủ mừng làm lễ đưa con nộp xác cho quý như làm ma người chết. Nàng đã đau lòng vĩnh biệt cha mẹ, tới nhà riêng của quý, nằm chờ.

Hôm ấy, Xin Xây trở về quê cũ tức mừng Pha. Chàng thấy trên núi, cây cối vẫn xanh tươi, nhưng không có nương, không có rẫy mà chỉ có một cái nhà to. Xin Xây tìm đến xem. Nhà menh mông mà sao vắng vẻ. Sẵn có

(1) Theo người kể, nơi làm nhà nộp người cho quý về sau gọi là bản Hày. Nay bản Hày thuộc xã Mòn Sơn, Con Cuông. Hày nghĩa là đóng góp.

thau nước dưới lán, chàng rửa chân; lên nhà, sẵn có thau nước thơm, chàng rửa tay, rửa mặt. Chàng nhìn vào trong nhà : không có một ai. Bỗng Xin Xây nghe có tiếng người⁹ rên khóc : « Nha ơ, tòi chờ Nha đã lâu, mời Nha vào ăn thịt tòi đi thôi ! » Xin Xây lấy làm ngạc nhiên, chàng nói to : « Không có Nha nào cả, chỉ có tòi đây thôi » Xin Xây bước thẳng vào nhà trong, trước mặt chàng là một cô gái tuyệt đẹp, chàng hỏi :

— Người đẹp của núi, con gái của trời, sao lại ở đây ?

Người con gái òa lên khóc và bảo :

— Anh là ai hãy đi ngay khỏi nơi này, nếu không chết cả anh, chết cả tòi.

— Có việc gì mà ghê gớm thế ? Nếu con quan, xin đừng tiếc lời, nếu con trời, xin hãy nể mặt, bảo cho tòi biết.

— Anh ở đâu đến mà chưa biết chuyện này, chưa hay cái khổ của dân bản tòi mà còn hỏi.

— Nàng ơ, biết thì còn hỏi làm gì nữa.

Người con gái lau nước mắt, nhìn Xin Xây. Nàng kể : « Mừng Pha tòi khổ lắm anh ơ. Không hiểu ai đã làm sai ý Pọ Then mà Pọ Then cho Nha Hạng về giữ núi. Mỗi tháng mừng tòi phải nộp xác một người. Hôm nay đến phiên tòi... ». Nói xong, người con gái lại òa lên khóc và giục Xin Xây phải đi ngay.

Nghe rõ đầu đuôi, Xin Xây nhớ lại chuyện con quỷ đã bắt mẹ mình năm xưa, chàng bảo :

— Tưởng việc gì, chứ con quỷ ranh ấy thì can gì phải khóc. Tòi sẽ giết nó. Tòi sẽ đưa nàng về với mẹ cha. Lòng tòi muốn thế, còn cái bụng nàng thì sao ?

— Chàng mà có tài giết quỷ, cứu sống được tòi, cứu sống cho cả bản mừng tòi, tòi sẽ xin về làm cơm thay mẹ, nuôi lắm dẹt lụa may áo cho cha.

Hai người trò chuyện, hứa hẹn tâm tình. Người con gái trao cho Xin Xây một vòng tay. Chưa đủ, nàng còn tự tay xé một vạt áo gửi Xin Xây để làm tin. Xin Xây cũng trao cho nàng một chiếc vòng và cái vỏ dao thường dùng.

Hai người đang trò chuyện thì mặt trời đã sắp xuống núi. Bỗng gió nổi ào ào, từ trong rừng xanh, quỷ xông tới. Thấy những thau nước dưới lán, trên nhà đã cạn khô, nó gầm như sấm dữ: « Lần này phải bắt hết, phải giết hết, không tha một đứa nào ». Quỷ phá cửa, xông vào nhà trong. Xin Xây đứng thẳng dậy, hét lớn: « À, đúng là mày rồi, cái răng kia chưa mọc mà đã dám trở lại ăn thịt người. Mày có còn nhớ tao Xăng không? » Biết là tao Xăng, quỷ Nha Hạng run sợ. Nghĩ rằng lần này tất chết, nó nhe răng nhọn, nhảy xổ vào đánh nhau với Xin Xây, Xin Xây lặn lộn tóm lấy cổ nó rồi dùng dao giết quỷ. Giết xong, chàng đem vút xác xuống khe núi. Chàng dặn cô gái, cứ ở đây, sẽ có người đến đón về.

Xin Xây ra đi, tìm đến ở nhờ một bà nghèo khổ nhất trong vùng. Chàng tự đổi tên là Kha⁽¹⁾.

Sáng hôm sau, như thường lệ, bọn « côn hương » đi cưỡi cỗ ngựa cho chủ mừng. Thấy quỷ chết, kẻ chặt chân, người chặt đầu, rồi cùng nhau đến xem người con gái của chủ mừng ra sao. Ô, nàng còn sống, họ liền đem nàng về cho chủ mừng. Vợ chồng chủ mừng vô cùng mừng rỡ, liền bảo:

— Ta sẽ chia một nửa núi rừng và của cải, khi chết, ta sẽ cho làm chủ toàn mừng, ta sẽ gả con gái cho ai là người đã chém nhát dao đầu tiên giết quỷ.

Chủ mừng lại nói tiếp:

(1) Kha: người nghèo khổ, người mồ côi.

— Có bao nhiêu trống đánh vang lên cho mừng trên mừng dưới đều vui, có bao chiêng gõ cả lên, cho bản trong bản ngoài đều sừng, có bao chum rượu hãy khiêng ra hết, có bao nhiều cần hãy cắm vào, toàn dân bản hãy đến nhà ta « cùng vía », ăn mừng con gái ta không chết, ăn mừng cả mừng ta từ nay được sống yên vui.

Chủ mừng hỏi con gái :

— Ai giết được quỷ, là trai bản hay một người ở mừng then?

— Người nào có con dao bỏ vừa cái vỏ này, chính là người đã giết quỷ.

Chủ mừng mở hội lấp thử vỏ dao. Bọn trai bản chạy về đem dao đến lấp thử. Tất cả đều thất vọng. Nàng nói tiếp :

— Ai đã có miếng vải chắp vừa chỗ rách của áo tôi đang mặc, người đó chính là chồng tôi.

Bọn trai làng lại về tìm miếng vải áo, nhưng chẳng vải nào vừa áo. Chủ mừng buồn lắm, nói :

— Hãy xem bản dưới mừng trên còn ai chưa đến thử dao, thử áo nữa không.

Người con gái nói :

— Hãy còn một người chưa lời, vì người đó chưa hiểu cái bụng mẹ, chưa biết cái ý cha, người đó còn sợ.

Chủ mừng hỏi :

— Người ấy là ai, ở đâu?

Một bà già lên tiếng :

— Còn tạo Nhà hiện ở nhờ nhà tôi, chưa thấy tới.

Bà già chạy vội về nhà, gọi Kha và nói cho Kha biết ý định của chủ mừng. Bà con kể chuyện bọn trai làng thử dao thử áo. Kha ta đi dự cuộc. Trước khi vào nhà chủ mừng, chàng xuống suối tắm rửa. Tắm rửa xong, chàng bỗng trở thành một chàng trai trẻ, khỏe, đẹp, bọn trai làng ít người sánh kịp. Kha còn đem theo

một « luồng »⁽¹⁾ nước đến cho người con gái rửa mặt. Rửa xong, nàng càng đẹp, trắng như hoa ban, đẹp như hoa gạo. Kha đem dao trong túi ra thử, cái dao vừa khảm vỏ của cô nàng; chàng đem miếng vải trong túi ra thử, miếng vải liền vào với áo như cũ.

Vợ chồng chủ mừng vui như mở hội. Lễ cưới được cử hành ngay lập tức. Cả bản mừng lại náo nức mừng vui. Ai cũng nói đến công ơn của tào Kha, người đã trừ tai họa cho dân bản. Chum rệu lại mở thêm, trâu lại giết thêm, chiêng trống đánh vang, người người mặc quần áo mới. Họ mừng riêng mà cũng mừng chung. Tiếng khèn, tiếng sáo hòa với điệu « nhuôn », « suôi » náo nức, rộn rã. Thế là từ nay hết bóng quỷ Nha Hạng ám ảnh cuộc sống. Vợ chồng chủ mừng giữ trọn lời hứa, liền cắt đôi đất mừng Pha, chia cho tào Kha một nửa. Dân bản không gọi là tào Kha nữa mà gọi là tào Khat-tha-man⁽²⁾.

Theo LÊ ĐÌNH THIỀU
(Ty Văn hóa Nghệ An)

NINH VIẾT GIAO

(1) Luồng: đoạn nửa, mét dài khoảng 2 mét dùng vác nước.

(2) Theo người kể, ranh giới để chia mừng là từ bản Cầm, Môn Sơn. Trở lên là của Khat-tha-man, sau có tên là mừng Quả. Có người nói đền Toòng ở Môn Sơn chính là thờ Khat-tha-man, người đã có công giết quỷ, xây dựng gìn giữ bản mừng.

Một cụ ở Yên Khê, Con Cuông còn kể thêm rằng: « Tào Khat-tha-man sống với con gái chủ mừng Pha trong sự đùm bọc mến yêu của bà con toàn mừng. Chàng tiếp tục tiêu trừ những lực lượng hắc ám và bày dạy cho dân bản những điều hay điều lạ mà chàng đã học được trong thời gian đi tìm thầy học đạo.

Năm tháng trôi qua, một con quỷ khác ở đất then, có tội với then, bị then lừa xuống trần gian. Nó lân la mò đến

mường của Khạt-tha-man quấy rối. Khạt-tha-man tìm nó để giết. Hai bên đánh nhau dữ dội. Khạt-tha-man không ngờ nó có nhiều phép lạ hơn mình, nên bị nó bắt. Nó giam chàng trong một hang đá, chờ ngày ăn thịt. Cùng một ngày, trong lúc chàng Kéo Tre đang đi săn và chàng Kéo Thuyền đang đi làm rẫy, thấy bông hoa của Xin Xây trao cho bị héo. Hai người vội vàng lên đường tìm kiếm Xin Xây. Nhưng Xin Xây lúc này đã đổi tên là Khạt-tha-man, nên hai chàng rất khó dò hỏi. Nhưng rồi dò hỏi mãi, hai chàng cũng tới được mường Quả. Đến nơi thì Khạt-tha-man đã bị quỷ then ăn thịt mất rồi. Hai chàng tìm giết quỷ. Quỷ then và hai chàng lại đánh nhau dữ dội. Brết là dùng sức, khó thắng quỷ then, chàng Kéo Thuyền liền vung gậy thần. Thấy gậy thần, quỷ then sợ hãi, quỷ xin tha mạng. Chàng Kéo Thuyền bảo phải chỉ chỗ nó đã ăn thịt Khạt-tha-man. Quỷ then dẫn hai chàng tới hang đá. Chàng Kéo Thuyền dùng gậy thần cứu sống Khạt-tha-man rồi giết quỷ then. Ba chàng gặp nhau cảm động mừng vui. Tình bạn của họ lại đậm thắm hơn trước.

CHÀNG GIẾT HỒ

Ngày xưa ở một bản nọ có một chàng tên là Lang Văn Cha. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, từ lúc lên tám tuổi, cảnh sống của Cha rất cơ cực. Có sức khỏe hơn người, anh làm nghề đi săn để kiếm kế sinh nhai.

Túp lều của anh ở dưới một gốc cây cổ thụ. Năm anh mười ba tuổi, có một bà lão đi đào củ mài qua thấy anh, thương tình, bảo anh theo về nhà. Anh đi đào củ mài với bà lão. Một hôm đang đào củ mài bà lão khát nước. Anh vượt bao rừng núi tìm khe suối kiếm nước. Khi anh đem được nước về thì một con hồ to lớn, vằn đen đang rình vồ bà lão. Anh xông vào đánh hồ. Hồ thua, anh trói hồ lại. Hồ rên rỉ van xin. Anh nói: « Ta tha cho ngươi nhưng cấm ngươi không được ăn thịt người và những súc vật do người nuôi ». Hồ cúi đầu vâng dạ. Anh khoanh vùng cho hồ sống rồi treo cái lưới thường vào cổ hồ.

Con hồ bị co trong một vùng nhỏ hẹp, nó không chịu nổi. Sau vài năm, nó xuống vùng mường Quả rồi sinh sống ở đó. Nó tác oai tác quái làm bao người rất khổ sở. Bắt bà con bản mường làm một cái nhà to lớn, cao ráo xong, nó đặt một chậu nước trước thang để khi đi chơi về rửa chân rồi mới lên nhà nằm ngủ hoặc ăn mồi.

Nhân dân quanh vùng mỗi năm phải nộp cho hổ một người. Khiếp sợ, dân bản phân tán. Cả một vùng hoang vu, điêu tàn.

Lang Văn Cha nghe tin có một con hổ đang phá phách vùng nương Quả. Anh xuống xem thử. Người ta bảo anh cứ tìm đến ngôi nhà cao lớn sẽ rõ tất cả sự thật. Quả nhiên bao xương người xương vật vứt vương vãi quanh ngôi nhà ấy. Một mùi hôi thối đến lợm mửa xông lên. Anh để ý thì nhận ra con hổ năm xưa. Lòng căm tức bùng lên, anh cầm chậu nước quăng đi. Lăm lăm con dao trong tay, anh bước thẳng lên nhà. Nhưng hổ đi vắng. Chỉ có một cô gái đang ngồi kéo sợi. Đến lượt cô phải dâng mình cho hổ chờ ngày hổ ăn thịt, cô kéo sợi cho khuây nỗi rừng rợn. Cha nói:

— Ai đưa cô đến đây?

— Dân bản.

Nói xong cô nàng khóc, anh an ủi cô gái rồi lên giường nằm.

Hổ về không thấy chậu nước rửa chân, la hét ầm ĩ. Nó hỏi cô nàng. Cô nàng đưa mắt. Nó nhận ra anh chàng Cha đã bắt nó năm nào. Hoảng sợ, nó định chạy trốn, song không kịp nữa rồi, Cha đã vùng dậy, túm lấy cổ nó. Cái lưỡi thường vẫn lủng lẳng ở cổ. Nó chống lại, mắt nó tròn xoe, nó cào, nó cấu. Nhưng sức khỏe của Cha vẫn có thừa. Nó lại van la, lại rên rỉ, lại xin tha chết. Cha bảo, muốn khỏi chết phải làm cho những người nó đã ăn thịt sống lại. Hổ chỉ cái gậy thần dựng ở góc nhà và nói với Cha: « Chỉ đầu ngọn thì người sống lại, chỉ đầu gốc thì người sẽ chết hẳn ».

Cha trói hồ lại rồi cầm gậy thần chỉ đầu ngọn vào
đống xương. Tất cả những bà con dân bản bị hồ ăn
thịt đều sống lại. Lúc đầu họ ngỡ ngác, về sau họ vô
cùng mừng rỡ. Để trừ cái hại mãi mãi, Cha^{tr} vung dao
giết hồ, rồi ném xác nó xuống một cái hố ở mừng
Quả tức Môn Sơn, Lục Giã hiện tại. Bà con tôn anh
làm chúa trong mừng và gả cô gái sắp bị hồ ăn thịt
cho anh làm vợ. Từ đó bản mừng ngày một đông vui
no ấm.

Soạn theo tài liệu của
LƯƠNG VĂN KHANG
ở Môn Sơn, Con Cuông.
NINH VIẾT GIAO

QUẢ CHUỐI TIÊU KỲ LẠ

Xưa... có một người nông dân nghèo, vợ mất sớm để lại cho ba người con trai. « Cảnh gà trống nuôi con », ông phải xoay xở đủ mọi việc nhưng nhà vẫn không đủ no, đủ ấm. Thế rồi, năm thì hạn hán, năm bị thú rừng phá hại mùa màng, bốn bố con đã nghèo đói lại càng đói nghèo hơn đành phải dắt nhau đi ăn xin.

Bốn bố con đi xin ăn hết bản nọ đến nương kia, nhưng « đói cho sạch rách cho thơm » ! Bốn bố con chưa hề làm một điều gì xấu để mọi người khinh ghét.

Một hôm, trên đường đi bốn bố con nhặt được một chiếc túi vải, giở ra thấy có quần áo đẹp, tiền bạc, ba đứa con thích quá reo lên và chúng đòi bố phải chia cho chúng mỗi đứa một thứ. Người bố ngăn lại rồi nói :

— Của người ta đánh rơi cũng như của mình đánh rơi, mình đã nghèo túng rồi thì đừng làm cho người khác túng, nghèo như mình. Các con hãy giữ cẩn thận xem của ai người ta bỏ quên thì trả lại người ta.

Một hôm khác trên đường đi đến bản nọ, bốn bố con đang đói bỗng thấy một túi thức ăn treo ở cành cây bên đường, ba người con định lấy chia nhau ăn thì người bố lại ngăn lại rồi bảo :

— Các con không được làm liều, nhỡ của ai đi chặt cây, hay đi lấy củi treo ở đây khi nghĩ họ sẽ lấy ăn, mình lấy ăn như thế có nghĩa là mình ăn cắp.

Bốn bố con lại lững thững ra đi, bỗng một cụ già râu tóc bạc phơ đi từ trong rừng ra gọi bốn bố con lại bảo :

— Ta nghe người ta đồn đại tính thật thà, ngay thẳng của bố con các người từ lâu, đến hôm nay ta mới gặp. Biết các con đang gặp lúc túng đói ta cho các con một nấp « ép khẩu » gạo, một con dao cùn và một cây gậy này. Nói xong ông cụ đi lúc nào bốn bố con không hay.

Về đến túp lều mà bốn bố con thường trú nắng trú mưa, bốn bố con đang định đổ nấp « ép khẩu » gạo vào nồi nấu cơm thì một con chó của bản chạy qua làm đổ mất nấp gạo. Ba người con đang tiếc ngẩn tiếc ngơ thì tự nhiên cái nấp không lại đầy lại như cũ. Chúng vội đổ nấp gạo vào nồi thì lạ thay nấp gạo lại đầy như cũ. Chúng mừng rỡ đổ gạo vào bung và cứ đổ xong, nấp « ép khẩu » lại đầy gạo như cũ. Chúng ra sức đổ cho đầy hết bung này đến bung khác, nhưng người cha lại ngăn lại và bắt các con đem mấy bung gạo đó đem chia cho các nhà đang đói như mình.

Từ ngày được trời cho cái nấp « ép khẩu », cha con không bị đói nữa. Họ có gạo bán đi sắm những chăn màn, quần áo và đồ dùng trong nhà. Cuộc sống no đủ, hai người anh sinh ra lười, thích ăn ngon mặc đẹp và đi lêu lổng. Người bố sớm nhận ra điều đó, ông đã giấu cái nấp « ép khẩu » đi và bảo các con :

— Trời thương chúng ta trong lúc nghèo đói đã cho ta cái nấp « ép khẩu » quý ấy để giúp chúng ta qua được cảnh đói khổ, còn bây giờ ta đủ mặc rồi thì phải tự làm lấy mà ăn. Các con không được đổ nấp « ép khẩu » để lấy gạo đi bán rồi ăn chơi hoang phí nữa, nhớ một ngày nào đó nấp « ép khẩu » không « ra » gạo nữa thì các con lấy gì mà ăn? Lại dắt nhau đi xin ăn

nữa hay sao? Ngay ngày mai các con phải sắm sẵn dao cuốc đi phát nương, phải tự làm lấy mà ăn, không được ỉ lại vào nấp « ép » thần nữa.

Hai người anh có ý không bằng lòng, họ bàn nhau giấu hết dao cuốc sắc đi. Khi người bố bắt đi làm họ lấy cớ không có dao cuốc, họ không đi. Người con út tìm mãi thấy được con dao cùn ở góc nhà, anh nhớ ra là con dao cùn của trời cho vút lay lắt hết xó này đến xó kia chả ai đoái hoài đến. Anh đem ra mài nhưng mài thế nào cũng không sắc. Nghĩ đến cái cảnh phải đi ăn xin, anh không muốn và một mình cầm dao lên rừng. Anh chọn được miếng đất ưng ý rồi lấy dao ra phát và lạ thay, con dao cùn lia đến đâu thì cây cối đổ rạp đến đấy một cách nhẹ nhàng. Chàng Út lấy dao bập thủ vào một cây gỗ lim ba người ôm, cây gỗ đứt đôi đổ xuống, thật còn dễ hơn người ta phát một tàu lá chuối.

Trong lúc chàng Út cầm cuốc dọn nương thì hai người anh ở nhà lục lọi tìm bằng được cái nấp « ép khâu » định đồ gạo đem đi chợ bán để mua lụa là và các món ăn ngon. Nhưng họ lắc, họ vỗ và đồ thế nào cái nấp « ép khâu » cũng không ra gạo nữa. Người anh cả tức mình bóp bẹp rồi ném vào xó nhà. Người bố nhận thấy chàng Cả, chàng Hai đã đến tuổi ở riêng, ông bèn đi hỏi vợ cho để cho hai con biết sống tự lập. Hai chàng cưới được hai cô vợ xinh xắn và với số của cải của bố cho, họ làm nhà đi ở riêng.

Ngày ngày, chàng Út cùng với bố cần mẫn làm ruộng làm nương và thỉnh thoảng đi làm giúp những nhà neo người. Một hôm chàng Út thấy bọn trẻ lấy gậy giả làm ngựa phi, chàng cũng ra đùa với chúng. Tìm quanh không kiếm được cây gậy nào, nhớ tới cây gậy bố giắt ở mái nhà, chàng Út liền lấy xuống đùa với trẻ con. Bất chước đám trẻ chàng hát:

— Ngựa thần! Hãy đưa ta đến cung vua! — Chàng Út vừa nói dứt câu, lập tức chiếc gậy nâng chàng Út khỏi mặt đất và bay thẳng đến cung vua. Chàng Út lượn quanh cung vua mấy vòng và chàng nhìn thấy công chúa thứ ba đang chải tóc bên lầu, chàng bảo gậy thần cho chàng đổ xuống. Nhìn công chúa xinh xắn, ăn mặc lộng lẫy, chàng sinh mê và ngổ ỷ với nàng muốn xin đến ở rể. Còn công chúa thấy chàng chỉ có bộ cánh màu chàm đã bạc, chân đi đất, nàng mỉm cười trả lời :

— Chàng ăn mặc thế này e vua cha không ưng. Chàng hãy trở về nhà sắm quần áo như một vị hoàng tử rồi hãy đến đây.

Chàng Út vui lắm, chàng chào công chúa rồi vội vã về nhà sắm quần áo, giày, mũ như một vị hoàng tử. Hôm sau chàng cưỡi gậy thần đến lầu công chúa, công chúa ngỡ ngàng mãi mới nhận ra chàng trai mặc áo chàm chân đi đất hôm trước. Thấy chàng Út đẹp trai, ăn mặc lộng lẫy nàng sinh mê và từ đấy không ngày nào là họ không đến với nhau. Tới một ngày họ quá say nhau, nàng công chúa dẫn chàng Út đến vua cha xin cho phép cưới nhau. Nhà vua tỏ ra bức mình và hẹn ba ngày sau sẽ trả lời.

Sau khi cho người đi tra xét về dòng dõi, tông tích chàng Út, biết được cha con chàng Út trước đây chỉ là kẻ đi xin cơm thừa, gạo mồi để sống, nhà vua mỉa mai bảo :

— Bây giờ người muốn làm con rể ta, trước tiên người phải đắp một con đường toàn bằng gạo, cao một sải, rộng ba sải từ nhà người đến tận cổng cung vua đã, sau đó hãy nói đến chuyện cưới xin.

Chàng Út nhận lời. Khi chàng Út sử dụng, nắp « ép khầu » lại không ngừng sinh ra gạo. Nhờ có cái nắp « ép khầu » thần kia, chỉ sau một đêm chàng đã có một con đường

đắp toàn bằng gạo cao một sải, rộng ba sải đến tận cổng nhà vua. Nhà vua vừa ngạc nhiên vừa mừng, vua ra lệnh cho quân hầu xúc hết gạo đổ vào kho, nhưng gạo nhiều quá không để đâu cho hết, vua lại ra điều kiện cho chàng Út trong ba ngày phải làm xong một kho lớn đủ để chứa số gạo đem đắp đường đó. Nhờ có con dao cùn của trời cho, chỉ trong một ngày một đêm chàng Út đã làm xong một nhà kho chứa đủ số gạo như ý muốn của vua. Nhà vua vừa mừng nhưng lại vừa sợ chàng Út, vì vua tin chắc rằng chàng Út có phép lạ, chứ bình thường thì sức người không thể làm được những việc lớn như vậy. Nhà vua không còn cơ gì để bác lời cầu hôn của chàng Út, vua đành giả làm lễ cưới cho chàng, nhưng trong bữa tiệc, vua cố ý ép chàng Út uống rượu thật say, khi chàng Út đã ngà ngà, vua tỏ ra thân thiết bảo :

— Ta rất tự hào chọn được con làm con rể. Bây giờ con đã là con của ta, cơ ngơi sự nghiệp này là của con. Ta đã già không sống được bao lâu, nên rất lo lắng cho các con sau này, vậy con còn những thứ gì quý giá thì nói cho ta biết để ta yên lòng.

Chàng Út lúc đó đã say, bèn kể lại những thứ quý của trời cho. Nhà vua một mực không tin, bắt chàng Út phải đem những thứ đó đến cho vua nhìn thấy mới tin được. Chàng Út đang say lại bị kích động, chàng đem những thứ đó đến và làm thử cho vua xem. Nhà vua mừng rỡ ra mặt rồi tự tay rót một bát đầy rượu chúc cho con rể. Chàng Út cười nói hể hả và càng ra sức đấu rượu chúc mọi người. Khi chàng Út tỉnh rượu thì thấy mình đang nằm trong ngục đá tối om. Chàng Út biết được đây là ngục giam những người sắp bị tử hình. Chàng lo sợ hét gọi nhưng chả ai thèm trả lời chàng. Một người canh ngục, tuổi đã cao, được chứng

kiến hết mọi chuyện về chàng, thấy chàng sẽ phải chết một cách vô lý thì không đành lòng, nên nửa đêm hôm ấy ông đã giúp chàng trốn thoát.

Chàng Út buồn rầu đi lang thang hết rừng này đến rừng kia. Một buổi chiều chàng thấy bụng đói cồn cào, người càng thêm mệt mỏi, nhìn xa xa chàng thấy một đám chuối rừng, chàng lần đến định bụng sẽ lấy nõn chuối ăn cho đỡ đói. Đến nơi chàng thấy một buồng chuối tiêu quả rất to, chín vàng, thơm lừng. Đang đói, chàng bẻ lấy một nải ăn hết. Ăn xong chàng thấy trong người ngứa ngáy khó chịu. Một lúc sau chàng thấy khắp người đau nhức và sừng mọc ra tua tủa. Chàng sợ quá không biết làm thế nào, chàng gào khóc, nhưng chàng càng gào lên bao nhiêu thì cổ càng cháy khát bấy nhiêu. Nghe có tiếng nước suối chảy róc rách, chàng cố tìm đến, nhưng khi tìm được lạch nước, chàng không tài nào cúi xuống uống được vì khắp người sừng đã mọc dài ra. Không biết làm thế nào hơn được, chàng ngửa cổ kêu trời và chàng thấy một cành cam có ba quả chín đỏ đang đung đưa trên đầu mình. Chàng vớ tay hái một quả bóc vỏ rồi cho vào mồm nhai ngấu nghiến, ăn xong chàng thấy trong người khoan khoái và tự nhiên sừng biến đi đâu hết cả. Ngâm nghĩ một lúc, chàng liền hái luôn hai quả cam rồi trở lại cây chuối tiêu chặt lấy cả buồng vác đi.

Vài ngày sau, mọi người thấy ở chợ của nhà vua có một người con trai vác một buồng chuối, quả nào quả ấy to bằng chiếc ngà voi, chín vàng, thơm lừng. Ai hỏi mua thế nào chàng cũng không bán, chàng nói đây là lễ vật để đi hỏi vợ. Nghe đồn có buồng chuối lạ, nhà vua cho người gọi chàng vào để xem. Chàng vác buồng chuối đó vào cung và tỏ ra rất nể, rất kính nhà vua nên xin biểu nhà vua một nửa, còn một nửa phải đem đến nhà họ ngoại.

Nhà vua tham lam không chia cho bất cứ một ai ngoài vua và vợ con. Nhà vua bóc thử một quả ăn, thấy chuối ngọt, thơm ngon, ăn vào người khoan khoái, nên hai vợ chồng vua ăn đến lúc thật no mới thôi. Riêng nàng ba công chúa, sau cái đám cưới giả ấy, nàng thấy cha không những đã lừa chàng Út mà còn lừa cả nàng, nên nàng rất buồn, không ăn không uống gì, khi mẹ mang chuối lạ đến nàng cũng không buồn ăn.

Một lúc sau, cả kinh thành nhốn nháo hẳn lên vì tiếng kêu gào của vợ chồng nhà vua. Tất cả quan quân chạy đến xem thì thấy khắp người vợ chồng vua sừng mọc ra tua tủa. Nhà vua hét quân lính đi lùng bắt người con trai vác buồng chuối đã biếu vua, song chả ai biết chàng ta đã đi đâu, ở đâu mà tìm. Nhà vua liền hét các quan đi triệu các thầy thuốc giỏi ở khắp mừng khắp bản về chữa cho vua.

Thầy thuốc ở khắp nơi, người ra kẻ vào cung vua iếp nập nhưng chẳng ai chữa nổi. Đến ngày thứ ba, một thầy thuốc trẻ tuổi bước vào cung vua. Thầy thuốc xem mạch cho vợ chồng nhà vua rồi nói :

— Bệnh này không khó chữa, chỉ trong ba ngày sau thì khỏi. Đây là oan hồn chàng rể hờ của nhà vua báo oán, muốn chữa khỏi trước hết phải lập đàn cúng, trên bàn thờ phải bày đủ ba thứ quý của chàng trai ấy mà vua đã lấy là : nắp « ép khâu » thần, con dao cùn thần, gậy thần, sau đó cho uống thuốc thì bệnh mới khỏi.

Nhà vua phải làm theo lời chàng trai trẻ nọ, nhưng khi bày những vật quý kia thì nhà vua chỉ mang ra một con dao cùn. Người thầy thuốc trẻ thấy vậy hỏi vua còn hai vật quý kia nữa đâu thì vua chối không lấy. Thầy thuốc không nói năng gì, sau khi khấn vái xong, chàng cho vợ chồng vua mỗi người một mũi cam, lập tức

sừng trên người vợ chồng vua rút ngắn lại một tí. Vua mừng lắm và xin chàng cho tiếp cam nữa, nhưng chàng lắc đầu bảo :

— Nhà vua không thật thà, nên bệnh chỉ giảm được đến thế, tôi không tài nào chữa khỏi được, xin chào nhà vua, tôi xin phép về. Vua cuống quýt giữ chàng lại, hứa sẽ gả con gái, hứa sẽ chia nửa giang sơn, nhưng chàng lắc đầu :

— Còn hai vật quý kia không phải của nhà vua mà của oan hồn chàng trai nọ, nhà vua còn cố giữ lấy thì bệnh không tài nào chữa được. Một là nhà vua chịu trả lại những vật quý kia thì sừng trên người sẽ mất đi, hai là vua chiếm được của quý mà chịu để sừng mọc đầy người, trong hai việc đó xin vua hãy chọn lấy một.

Cuối cùng nhà vua đành phải mang nốt hai vật quý kia để trên bàn cúng. Người thầy thuốc trẻ cầm lên xem cẩn thận, sau đấy chàng cười lên gậy thần nói :

— Người đã cướp hết số gạo ta đắp đường, bắt ta làm kho, vờ cưới con gái cho ta để cướp nốt những vật quý của ta, bây giờ còn đòi ta chữa hết sừng trên người thì điều đó thật quá đáng. Thôi ! Chào vợ chồng người, ta phải về thăm bố ta đã. Nói xong chàng Út bảo gậy thần bay đi. Gậy thần nhẹ nhàng nâng chàng rời khỏi cung vua bay về với bố.

Ít lâu sau dân các mừng các bản nghe được tin vợ chồng nhà vua vì uất ức, vì xấu hổ đã học máu mồm ra mà chết, còn chàng Út đã lấy được một cô gái đẹp, nét na nhất mừng và họ sống rất hạnh phúc.

HOÀNG VĂN ỌI — xã Thanh Xương
Điện Biên Phủ, Lai Châu kể

HOÀNG TAM KHÔI
sưu tầm, biên dịch

LÁ THUỐC

Có một bà góa nghèo ở một túp lều rách nát, tàn tạ nắng sương, nhịn ăn, nhịn mặc dành dụm nuôi ba đứa con trai từ tấm bé cho đến lúc lớn khôn. Năm tháng làm lưng vất vả, bữa đói bữa khát, sức bà mỗi ngày một yếu và rồi bà lâm bệnh nặng.

Thấy mẹ lâm bệnh nặng, người con út lo lắng, anh đi hết bản nọ đến bản kia tìm thuốc, kiếm thức ăn về cho mẹ. Trong lúc ấy thì người anh Cả, anh Hai thậm thụt bàn nhau :

Anh Cả nói : — Bố chết, để lại chỉ có một cái nỏ và ống tên, một cái ninh đồng đồ xoi, một cái chài. Bây giờ mẹ chết, tao là anh cả, tao phải lấy cái nỏ và ống tên, cái ninh, còn cái chài thì phần chú.

— Không được rồi ! — Anh Hai nói — nỏ và tên còn mới, ninh bằng đồng, còn cái chài kia chỉ là sợi gai và nó đã rách. Còn hai thứ ninh và nỏ, anh phải chia thêm cho tôi một thứ.

Thế rồi, người nhận nỏ, kẻ nhận ninh mãi vẫn không ngã ngũ, cuối cùng anh Cả lấy quyền của mình và gọi cả chàng Út đến nói :

— Tao là anh cả, tao lấy cái ninh, thằng Hai lấy cái chài và nỏ, thằng Út lấy cái lều này mà ở.

Chàng Út buồn rầu bảo hai anh :

— Các anh thích cái gì thì cứ việc lấy, còn tôi, tôi chỉ cần lo cho mẹ qua được cơn bệnh nặng này.

Người mẹ nghe thấy các con bàn nhau chia của trong lúc mình chưa qua khỏi, bà uất lên và tắt thở. Ba anh em lo khám liệm cho mẹ, nhưng khi mọi việc đã xong thì tạo bản không cho chôn trong nghĩa địa của bản vì tang chủ không có đủ rượu, thịt, gạo làm lễ cúng nhập hồn với ma bản, ma rừng. Tạo bản bắt ba anh em phải khiêng mẹ đi một ngày đường mới được chôn cất. Thấy vậy anh Cả vội phân chia việc :

— Tao đưa mẹ đi từ sớm đến trưa, thằng Hai đưa từ trưa đến chiều, thằng Út đưa từ chiều đến tối.

Khi đưa người xấu số về nơi an nghỉ cuối cùng, bà con dân bản đều có mặt đông đủ để tiễn đưa. Người anh khôn ngoan nhờ các trai bản khiêng giúp linh cữu. Tới lúc mọi người khẩn chào người quá cố ra về thì anh Cả nói với hai em :

— Tao đã hết phận sự và phải quay về lo liệu nhà cửa, chúng mày hãy đưa mẹ đến nơi mai táng.

Người anh Cả ra về, còn lại hai anh em, họ vất vả lắm mới khiêng được quan tài mẹ đi. Tới chiều, anh Hai nói :

— Út ơi ! Tao đã hết phần việc của mình, mày hãy đưa mẹ đi tiếp và lo chôn cất cho mẹ. Nói xong, anh quay về.

Mặt trời sắp hết nắng, còn lại một mình giữa rừng sâu với linh cữu mẹ, chàng Út không biết xoay xở thế nào, anh ôm lấy quan tài mẹ khóc thảm thiết. Các loài chim nghe thấy tiếng của một người con trai gọi mẹ, chúng thấy lạ, hết đàn nọ đến đàn kia bay lại quanh anh, khi biết rõ sự việc, chúng đồng thanh hót thee

những giọng trầm buồn. Bỗng một con chim mỏ vàng chân bạc bay tới sau cùng, nói được tiếng người, bảo anh :

— *Đừng khóc ! Chàng trai !*

Theo đường thẳng đó,

Gặp cây hoa đỏ,

Lá óng ánh xanh,

Hái về cho nhanh,

Đắp lên miệng mẹ.

Theo lời chim mách, chàng Út lần ngược theo khe nước gần đấy, anh gặp những cây có lá xanh óng ánh, hoa đỏ rực rỡ, anh hái lấy ba lá, đem về nhai ra rồi đắp lên miệng mẹ. Một lúc sau, người mẹ từ từ mở mắt, anh mừng quá gục vào lòng mẹ thồn thức.

Chàng Út đưa mẹ về đến nhà thì gà đã gáy sáng lần thứ nhất. Lúc ấy anh Cả, anh Hai vẫn chưa ngủ vì họ còn đang cãi nhau ai lấy nỏ, ai lấy nình, lấy chài. Người em gọi họ mở cửa, họ tưởng mẹ đã thành ma hiện về, người anh Cả hốt hoảng tay vãi lia lịa, miệng líu riu khấn :

— *Ơi mẹ thương ! Mẹ quý ! Vắng mẹ mới có một đêm, chúng con nhớ thương mẹ mà không tài nào nhắm được mắt. Chúng con đã lo liệu cho mẹ mồ yên mả đẹp, mẹ hãy trở về nương Trời của mẹ đi, ngày mai chúng con sẽ mua trâu mổ để cúng mẹ !*

Người anh hai cũng vội vàng chấp tay lạy và nói theo :

— *Lạy mẹ thương ! Lạy mẹ quý ! Chúng con đang bàn lấy những thứ còn lại để mua trâu cúng cho mẹ đây, mẹ hãy phù hộ cho chúng con.*

Người mẹ mệt mỏi, đưa mắt nhìn hai người con rồi bảo :

— *Đủ rồi ! Đủ rồi ! Chúng mày hãy xéo đi đâu thì đi đi. Út ơi ! Vào rải đệm cho mẹ ngủ, mẹ mệt lắm rồi.*

Thấy chàng Út vào, hai người anh ngỡ ngác, mặt cắt không còn một giọt máu, và đến lúc ấy họ mới tin được là mẹ đã sống lại.

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa. Tiếng lành chở bằng thuyền xuôi xuống tận mừng người Kinh vùng biển, thồ bằng ngựa lên đến ngọn núi cao người Mèo, rằng « Có ba anh em nhà nọ, người em út thương mẹ thương từ trong lòng thương ra và đã được chim thần mách cho thuốc thần để cứu sống mẹ. Còn hai người anh thương mẹ chỉ thương cửa miệng nên đang ế vợ! » Tiếng đồn đi xa, rồi tiếng đồn lại trở lại chui vào tai nai người anh kia. Chỉ nghe lời đồn, hai người anh đã thấy bức bối trong người. Không những thế họ đi đến đâu các cô gái mừng, gái bản cũng đều tránh mặt và họ còn nói bóng nói gió : « Hồ vắn ngoài da, con người ta vắn trong bụng ». Suy đi tính lại, nếu không có thằng Út kia thì họ đâu đến nỗi bị thành tiếng thành tăm như thế, tất cả là do thằng Út và họ căm ghét đứa em mình thật sự.

Năm ấy, con gái của châu mừng ở mừng nọ, không may bị bệnh nặng và khó qua được cái chết. Châu mừng cho loan báo : nếu ai chữa khỏi bệnh con gái, thì châu mừng sẽ gả cho làm vợ và cho cai quản nửa mừng.

Nghe được tin đó, người anh cả hí hửng đỗ ngon đồ ngọt chàng Út :

— Út ơi ! Em hãy giúp anh nhé ! Em chịu khó vào rừng lấy cho anh nắm lá thuốc cứu sống người để anh đến chữa cho con gái châu mừng. Anh đã đến tuổi lấy vợ và khi anh được cai quản nửa mừng thì mẹ và em cũng được nhờ.

Người anh hai cũng thì thầm với chàng Út :

— Này ! Út đừng lấy lá thuốc cho anh Cả nhé ! Bình thường anh ấy còn đối với mẹ như thế, huống chi anh

ấy được cai quản nửa rừng. Còn anh, anh luôn nghĩ tới mẹ và em, vậy em hãy giúp anh mà lấy cho anh năm lá thuốc, khi anh được cai quản nửa rừng thì mẹ và em sẽ được sung sướng.

Chàng Út trả lời chung cho cả hai anh :

— Việc gì tôi phải lấy cho các anh? Tôi lấy cho tôi thì sao?

— Nhưng mày còn bé, chưa xứng làm chồng con gái chầu mừng.

— Thôi được! — Chàng Út trả lời — Tôi sẽ giúp các anh, còn tôi không cần một thứ gì cả.

Chàng Út nói lại điều đó với mẹ, mẹ anh bảo :

— Cứu giúp người là một điều tốt nên làm, nhưng đừng bắt người ta phải cho mình cái này cái kia để mình làm giàu. Còn con lấy lá thuốc cho hai thằng anh con thì con phải ngâm sẵn ba lá thuốc ở dưới lưôi.

Sáng hôm sau, chàng Út vào rừng lấy lá thuốc. Hai người anh đòi đi theo cùng, nhưng chàng Út dứt khoát không cho đi. Chàng Út vừa đi được một lúc thì anh Cả đã lén xuống cầu thang phải, anh Hai lén xuống cầu thang trái đuổi theo. Mỗi người đi một đường, họ đuổi mãi mà không gặp chàng Út. Đến một bờ vực, anh Cả dừng lại nghỉ thì cũng vừa gặp anh Hai đến. Vừa mệt, vừa lo người này sẽ cướp phần của người kia, hai người quay ra cãi nhau. Cãi nhau không xong, họ đánh nhau. Người anh cả khỏe hơn, đẩy ngã người anh hai xuống vực. Vừa lúc ấy thì chàng Út đi tới. Anh Cả tươi cười hỏi :

— Lá thuốc đâu đưa đây cho anh.

Chàng Út vừa đưa thuốc cho anh vừa hỏi anh Hai đi đâu? Anh Cả chỉ tay xuống vực thản nhiên nói :

— Nó trượt chân ngã xuống vực rồi, mày hãy xuống cứu nó đi. Chàng Út ra mép bờ vực nhìn xuống, người

anh cả đẩy nhẹ tay một cái, chàng Út mất đà ngã luôn xuống. Nhưng nhớ lời mẹ dặn, trước khi đưa thuốc cho anh, chàng Út đã ngậm sẵn ba lá thuốc dưới lưỡi, nên anh không việc gì, chỉ bị đau qua loa? Nhìn thấy anh Hai nằm chết trong một vũng nước, chàng Út vội vọt lên và lấy ba lá thuốc vắt nước vào mũi, vào mồm anh. Một lúc sau anh Hai tỉnh dậy và hai anh em tìm đường về nhà.

Nói về người anh cả, sau khi được ba lá thuốc, hắn vội vã chạy thẳng đến nhà châu mừng. Hắn khoác lác là hắn đã chữa cho mẹ, cho các châu mừng. Châu các mừng ấy đã biếu hắn nhiều vàng bạc và gả con gái cho hắn nhưng hắn đều chối từ. Hắn khoa chân múa tay làm phép, rồi làm thuốc cho con gái châu mừng, quả nhiên sau một lúc con gái châu mừng tỉnh dậy và ba ngày sau cô gái đã khỏe mạnh như trước. Giữ đúng lời hứa, châu mừng chia cho hắn một nửa mừng để hắn cai quản, còn việc gả con gái, châu mừng hứa khi nào cô gái thật khỏe mạnh sẽ nói chuyện sau.

Nhưng một điều không may cho châu mừng và cũng là điều không may cho người anh cả kia, vợ châu mừng lại sinh bệnh nặng. Châu mừng gọi người anh cả kia đến giao cho việc lấy thuốc để chữa. Hắn đâm lo sợ, vì nghĩ chàng Út đã chết rồi, không thể nhờ chàng Út được nữa, hắn tìm cớ chối quanh. Thấy vậy châu mừng sinh nghi và nói nếu không chữa được thì sẽ chém đầu. Hắn càng lo sợ và vội vã đi vào rừng tìm thuốc. Nhưng một ngày qua đi, rồi hai ngày, ba ngày... hắn vẫn chưa tìm được thuốc, trong khi đó thì vợ châu mừng bệnh càng tăng. Châu mừng vội cho loan báo: nếu ai chữa khỏi bệnh được cho vợ châu mừng, thì châu mừng xin nhường lại chức.

Nghe được tin loan báo của châu mừng, anh Hai bảo chàng Út:

— Ở đời này người ta chỉ lừa nhau được một lần. Chú có lòng thương người, tính thật thà ngay thẳng, chú đáng làm châu mừng lắm, chú hãy đi lấy lá thuốc đi.

Chàng Út cảm động nhìn anh Hai rồi lẳng lẳng đi vào rừng lấy lá thuốc. Khi lấy được thuốc, chàng Út không cầm đến nhà châu mừng mà đem về đưa cho anh Hai mang đến chữa.

Người anh Cả không tìm được thuốc đang nói dối quanh với châu mừng thì gặp anh Hai đến. Mặt hăn tái đi như gà cắt tiết. Châu mừng nhận ra điều đó và gắng hỏi nguyên do. Người anh Hai nói: xin chữa khỏi bệnh cho vợ châu mừng đã rồi mọi chuyện xin nói sau.

Trong lúc người anh Hai chữa bệnh cho vợ châu mừng thì anh Cả vội tìm đường lẩn trốn. Nhưng hăn đi đến đâu mọi người đều xa lánh hăn, hăn vừa uất ức vừa xấu hổ và hăn vào rừng thất cổ tự tử.

Sau khi nghe anh Hai kể lại mọi việc, châu mừng cho người mời chàng Út đến để gả con gái cho và chia cho nửa mừng để chàng cai quản. Chàng Út cảm ơn và từ chối tất cả, chàng chỉ xin châu mừng được quyền đi khắp mọi nơi, mọi chốn để tìm thuốc chữa cho mọi người.

Những lá thuốc quý ấy do chàng Út truyền lại từ đời này sang đời khác và cho đến ngày nay, bản nào mừng nào cũng biết tìm lá thuốc chữa bệnh chống lại cái chết.

QUANG VĂN PHANH
xã Noong Hẹt, Điện Biên kè
PHAN KIẾN GIANG
sưu tầm, biên dịch

THAM THÌ THÂM

Có hai anh em nhà nọ mỗi người một nết. Từ nhỏ người anh đã láu lỉnh tham ăn, gì cũng giành phần hơn về mình. Trái lại người em thật thà, chăm việc, lại biết chiều cha, kính mẹ, nhường nhịn anh em, bè bạn. Họ đến tuổi thanh niên thì cha mẹ qua đời. Người anh lấy vợ, chiếm cả ngôi nhà sàn lát gỗ bảy gian, chặn đẽm cùng vườn tược, trâu, lợn của bố mẹ để lại xong, chỉ làm cho em một túp lều bằng tre, nửa lúp xúp ở cuối bản, chia cho em một con dao cùn, một con trâu đã quá già yếu với một con chó còm nhom. Người anh ngọt ngào nói:

— Dao cùn nhưng thép tốt, nó đã biết đi qua nhiều mùa nương, mùa ruộng; trâu tuy già mà đường cày nó thẳng. Chú khỏe, chẳng ngại. Giàu ở đôi bàn tay, khó ở đôi bàn tay, chú ơi!

Ra ở riêng với cái gia tài ấy, hàng ngày người em ra đồng cày cuốc, trồng cấy nuôi thân. Dân bản thương anh, các cô gái bản đem lòng yêu mến anh. Thế là anh cũng lấy vợ. Hai vợ chồng lam làm nhất nhạnh, cung cúc như đôi gà con nhặt tằm, trâu nhà anh không khỏe nhưng được cái chuyên cần.

Qua một mùa, hai mùa, con trâu của anh, dầu được chăm nom cẩn thận nhưng vì già yếu quá không qua được kỳ rét năm ấy nên lăn ra chết. Chẳng thể mượn được trâu cày, vợ chồng đành dắt chó ra cày ruộng.

Vợ đi trước dắt chó, chồng đi sau cầm cày, vừa cày vừa đẩy, cứ thế khi nào mệt, dừng lại cùng nghỉ. Một hôm có một cụ già râu tóc đã bạc phơ đi qua. Cụ dắt một đàn trâu rất đông, thấy thế bèn hỏi :

— Anh chị dắt chó đi cày à ?

— Vâng — anh trả lời — tôi không có trâu !

— Xưa nay tôi chưa từng trông thấy ai dắt chó đi cày. Anh cày cho tôi xem, nếu được tôi sẽ cho anh một con trâu cày khỏe !

Vợ chồng người em thật thà cày vài đường cho ông cụ xem. Con chó ngoan ngoãn kéo cái cày to, nặng gấp mấy bản thân nó.

Giữ đúng lời hứa, ông cụ cho vợ chồng anh một con trâu khỏe nhất đàn. Thực mà như mơ, hai vợ chồng mừng lắm, thay nhau chăn dắt nên con trâu càng ngày càng béo dầy, cày bao nhiêu cũng không mệt. Cày xong ruộng nhà mình, anh còn cày giúp ruộng của bà con xóm bản. Đời sống của hai vợ chồng cũng khấm khá hơn lên chút ít. Họ sửa sang được nhà cửa, dệt đủ chăn đệm.

Một hôm người anh đến nhà em, vừa trông thấy em đi cày về liền hỏi ngay :

— Sao bảo trâu chú chết rồi. Con trâu nào mà đẹp thế ?

Người em thật thà, kể lại đầu đuôi câu chuyện : mình dắt chó cày và gặp cụ già tốt bụng nọ.

Nghe xong, máu tham bốc lên, người anh vội bảo :

— Ngày mai, chú cho tôi mượn con chó nhà chú nhé !

Người em bằng lòng. Hôm sau, từ tờ mờ sáng, người anh đã tong tả dắt chó ra ruộng, ngay từ đầu bờ anh ta đã đặt ngay ách vào cổ chó, cày chiều lệ vài đường. Những đường cày xiên xẹo không ra lối ngang đường dọc gì cả. Anh ta nóng lòng chờ ông cụ già ấy. Mãi chẳng thấy bóng cụ nào đi qua. Ngày thứ hai, anh lại

dắt chó ra ruộng dặt ách vào cổ chó, rồi ruột đi đi, lại lại trên bờ. Bỗng nhiên có một cụ già vác cây đuổi trâu đi qua, hỏi:

— Sao anh lại dắt chó đi cày! Thế trâu... cụ già chưa kịp nói hết lời, anh đã liền thoảng:

— Bao nhiêu gia sản bố mẹ để lại, tôi đều nhường cho chú nó. Tôi chỉ lấy một con trâu già yếu, không may, trâu nhà tôi chết, tôi không biết lấy gì cày bừa sinh sống, đành dắt con chó tội nghiệp này đi cày đấy!

— Thế thì anh cày thử cho tôi xem. Nếu cày được, thì tôi sẽ biếu anh hẳn một đàn trâu.

Anh ta mừng quýnh, cuống quýt lội xuống ruộng, vội ra roi thúc chó đi. Con chó bước lưng chừng lẳng chằng, anh ta tức điên người, quát nhặng xị, roi vút tới tấp vào lưng chó. Chó nổi khùng lên, quay lại cắn vào chân anh ta. Sẵn cày trong tay, anh nện luôn vào đầu chó. Con chó khôn ngoan và tội nghiệp lăn ra chết.

Anh liền xách xác chó quăng trả cho em.

Thương chó, vợ chồng người em khóc, và không nỡ ăn thịt, mang ra vườn chôn. Ít lâu sau, từ mộ chó mọc lên mấy bụi cỏ to tướng tỏa hương thơm dịu mát, ngọt ngào. Chị vợ cắt cỏ, phơi khô, đem lót ổ cho gà đẻ. Gà nhà chị đẻ mỗi ngày một trứng. Đàn gà cứ mỗi ngày một đông đúc thêm. Sáng sáng gà trống thi nhau cất tiếng gáy, tiếng thanh tiếng trầm nghe vui tai.

Nghe tiếng, người anh lại ghen tức, đến nhà người em chơi! Thấy đàn gà quây quần, riu rít xung quanh nhà, người anh hỏi:

— Chú làm thế nào mà được nhiều gà thế?

— Tôi lót ổ cho gà đẻ bằng cỏ đấy!

— Cỏ nhà chú lấy ở đâu về?

— Ở ngay vườn nhà. Cỏ mọc trên mộ con chó ngày trước ấy mà.

Ra về, người anh lại xin cỏ để lót ổ cho gà đẻ. Nhưng lót cỏ vào ổ gà, khi đi lấy trứng chẳng thấy trứng đâu, mà gà thì ngày một mòn mỏi, bị chồn cáo ăn gần tiệt. Chờ lúc vợ chồng người em đi làm đồng vắng, anh ta lén đem lửa đốt sạch những bụi cỏ trên mộ chó. Vợ chồng người em đi làm về, thấy cỏ trên mộ chó cháy trụi, chỉ còn đám tro xám. Đánh lấy gio bón cho bí. Năm ấy, bí rất sai quả. Và quả rất to, có quả to bằng cả người. Nhưng được quả nào to thì cứ bị mất đêm. Người em không hiểu nguyên cớ thế nào, nên quyết rình xem. Anh khoét một lỗ ở quả bí to nhất, chui vào ngồi ở trong lòng quả bí và đẩy lại như cũ. Đêm ấy, có một đàn khỉ đến khiêng trộm bí. Chúng chọn quả to nhất, lắc lè khiêng đi! Cứ đến chỗ gập ghềnh, đầu anh va lục cục vào thành quả bí. Nghe tiếng lạ, đàn khỉ dừng lại nghe ngóng, cứ như thế, mỗi lần đầu anh va vào thành quả bí là chúng dừng lại rất lâu để thăm dò động tĩnh.

Đến hang, đàn khỉ thận trọng đặt quả bí xuống và giục nhau đi khiêng quả khác.

Lúc lâu, biết chúng đi hết, anh mới từ trong quả bí chui ra. Chao ôi! Trong một ngách hang, hàng chục quả bí nằm la liệt. Và từ một ngách hang khác, lại có những luồng ánh sáng phát ra loà loà như ánh mặt trời. Anh đến xem, thì thấy cơ man là vàng bạc. Anh nhặt một ít bỏ đầy vào túi áo, mang về. Từ đấy, vợ chồng anh trở nên giàu có nhất vùng. Những người nghèo khó đều được anh giúp đỡ. Vợ chồng người anh

thèm thường ước muốn được như em, anh ta đến nhà người em, chưa kịp chào hỏi gì, đã vội nói luôn:

— Chú làm cách nào mà giàu có thế?

Người em thật thà kể lại tất cả những gì mình gặp. Nghe xong, người anh bảo ngay:

— Đêm nay, chú cho tôi chui vào trong một quả bí nhé.

Người em bằng lòng.

Đêm ấy, người anh cũng mang dao ra ruộng khoét quả bí to nhất chui vào ngòi trong đó. Nhưng đêm đó đàn khỉ không đến khiêng trộm! Rồi đêm sau, đêm sau nữa, anh ta kiên nhẫn đợi, cứ đêm đêm chui vào ruột quả bí to nhất. Một hôm, đàn khỉ lại mò đến. Chúng chọn quả bí to nhất để khiêng và chúng khiêng đúng quả bí mà người anh đang ngồi. Phải khiêng quả bí to mà người anh lại nặng, đàn khỉ cứ vấp ngã luôn, mỗi lần như thế đầu anh va bồm bộp vào thành quả bí. Nghe tiếng động lạ, bầy khỉ cũng dừng lại nghe ngóng. Cứ thế bao nhiêu lần, anh ta rất sốt ruột, giục:

— Đi nhanh lên! Sao một tý lại dừng thế?

Đàn khỉ không nghe tiếng, lại tiếp tục đi. Một lần khác, một con trong bọn bị vấp ngã, chúng nghỉ lại rất lâu. Sốt ruột, anh ta lại giục:

— Đi nhanh lên không chết với tao giờ!

Đàn khỉ lại giục nhau khiêng đi. Chúng đi thận trọng hơn, không con nào vấp ngã nữa. Ngồi trong quả bí mù mịt, người anh sung sướng nghĩ: « Ta đã lừa được chúng rồi, sắp được nhiều vàng bạc rồi, ta phải đàn một đôi bung thật to để khiêng. Giàu có đến nơi rồi »!

Và, đàn khỉ cũng đã khiêng quả bí đến cửa hang, chúng dừng lại để tìm lối xuống. Ngồi trong quả bí anh ta cảm thấy chúng dừng lâu quá, quát lớn:

— Đi nhanh lên! Không tao giết chết cả lũ bây giờ!

Đàn khỉ hốt hoảng bởi tiếng quát đột ngột ấy. Không còn hồn vía nào để giữ quả bí. Thế là quả bí lăn tòm xuống đáy hang thăm thẳm. Bí vỡ nát. Đầu anh ta va vào đá chết tươi.

LÒ VĂN KHỤT

xã Thanh Chấn, Điện Biên kè.

PHAN KIẾN GIANG

sưu tầm, biên dịch

CHÀNG RÙA (Tạo Tầu)

Ngày xưa ở một bản nọ tại vùng mừng Quén⁽¹⁾ có một bà già, chồng chết, không con cái, sống cô đơn trong một cái nhà sàn nhỏ bé. Bà sống bằng nghề đi mò cua bắt ốc. Cả cuộc đời cần cù cơ chỉ làm ăn mà lúc nào bà cũng thiếu thốn đói nghèo.

Một hôm trời mưa lâm thâm, bà đeo giỏ đi mò cua tại một dòng suối lớn. Mò từ sáng đến chiều, bà chỉ bắt được một con rùa. Về nhà, định làm thịt rùa nấu ăn thì bà bỗng nghe rùa nói: « Mẹ ơi, đừng làm thịt con, hãy cố gắng nuôi con, lớn lên con sẽ giúp mẹ ». Bà ngạc nhiên vô cùng. Nghĩ rằng, đây là rùa thần, bà đặt rùa vào một cái mảnh sành rồi ngày ngày nuôi nấng tử tế.

Rùa lớn nhanh như thổi. Từ một con rùa bằng nắm tay, chẳng bao lâu rùa đã to bằng cái ghế ngồi. Thấy mẹ lam lũ, Rùa nói với mẹ: « Mẹ ơi, kiếm cho con con dao thật tốt để mai con vào rừng phát nương làm rẫy ».

— Con cầm dao sao được?

— Mẹ cứ mua dao đi, con cầm được.

Sắm được dao rồi, mẹ không muốn cho Rùa đi: « Con ơi, có hai mẹ con, con ăn hết mấy mươi mà phải vất vả. Hơn nữa, mẹ không muốn xa con ». Rùa van mãi,

(1) Mừng Quén: tức vùng Châu Tiến, Quỳnh Châu, Nghệ An.

bà mới bỏ Rùa vào một cái bể rồi đợi Rùa đi. Đến một triền núi, Rùa nói với mẹ: « Mẹ ơi, đặt con xuống đây rồi về nấu cơm cho con ăn. Mẹ không phải vào rừng đón con nữa. Con đã nhớ đường về ».

Nghe lời Rùa, bà mẹ đặt Rùa cạnh con dao rồi trở lại nhà. Mẹ vừa đi khỏi. Rùa hóa phép, từ trong cái mai rùa hiện ra không biết cơ man nào là chàng trai trắng, mỗi người cầm một con dao, hăm hở đi vào rừng chặt cây, phạt cỏ. Chỉ một chốc, họ đã phát được một cái rẫy lớn. Tối đến, Rùa nói với mẹ: « Mẹ ơi rẫy đã phát xong rồi, mai mẹ cho con lửa để con đốt rẫy ». Bà mẹ không tin, sáng hôm sau vào rừng xem thử, quả là cả một khu rừng miên mông, cây đã được chặt, cỏ đã được phạt sạch. Bà ngạc nhiên quá, chắc là Rùa có phép lạ gì đây. Về nhà, bà đưa lửa cho Rùa rồi lại đem Rùa vào rừng. Rùa vừa châm lửa, cây tươi lá xanh đều cháy rừng rực. Tối hôm ấy, Rùa bàn với mẹ: « Ta đừng tía lúa mẹ ạ. Ta trồng dưa. Đã không phải làm cỏ mà lại đổi được nhiều gạo ».

Bà mẹ nghe lời con, tìm hạt dưa về trồng. Gần đến mùa hái quả, Rùa bảo mẹ vào rẫy xem sao: dưa thật sây quả, quả nào cũng to, nằm ngổn ngang khắp cả rẫy.

Nhưng từ đó Rùa nói với mẹ một điều mà không bao giờ bà mẹ có thể ngờ tới. Ấy là sắm túi đựng trầu, ống vôi, dao con và mua cho một chiếc khèn bè để Rùa đi chơi với con gái. Gái trong mường thì nhiều. Nhưng bảy cô của tạo mường xinh đẹp hơn cả. Một buổi tối ăn cơm xong, Rùa bảo mẹ đem đặt mình ở chân cầu thang nhà tạo mường. Rùa ra sức thổi khèn và hát. Tiếng khèn man mác, tiếng hát du dương của Rùa làm bảy cô gái động lòng. Nhưng khi biết tiếng khèn, tiếng hát đó là của một con rùa, ai cũng cho là điều kỳ lạ nhưng chẳng ai đoái hoài. Rùa gọi bảy cô: « Thương

Rùa với, đừng để Rùa bơ vơ như chiếc lá, thiếu não như tiếng tắc kè trong đêm mà tội nghiệp ». Sáu cô không¹ để ý. Nhưng nàng Lả — cô gái út — vội vàng bước xuống thang bế Rùa lên. Rùa mở túi, đưa trầu ra mời, sáu cô đều không ai ăn, nàng Lả cầm trầu.

Rùa biết nàng Lả đã có lòng với mình, về bảo mẹ ra rẫy hái dưa. Bà mẹ hái về một bể. Rùa chỉ giữ lại hai quả già. Những quả còn non, Rùa bảo mẹ đem vào nướng, nôi lại với dây. Nhưng bà mẹ không nôi, chỉ vứt vào nướng thôi. Thế nhưng, quả dưa nào đã bứt ra từ dây nào vẫn lăn lại với dây ấy.

Sáng hôm sau, Rùa bảo mẹ đem hai quả dưa già làm quà, đến nhà tạo mừng hỏi nàng Lả làm vợ. Bà mẹ nói: « Không được đâu con ơi, nhà ta nghèo lắm ». Nhưng Rùa khẩn khoản mãi, bà phải đi. Đến nhà tạo mừng, bà mẹ rón rén khẽ đặt hai quả dưa xuống sàn rồi thưa với tạo chủ rằng: « Cái chân tôi không muốn đi nhưng tôi phải đi, cái bụng tôi không muốn nói nhưng tôi phải nói, thẳng Rùa con tôi, muốn hỏi nàng Lả làm vợ đó ». Tạo mừng rất bức, cho là bà này khinh mình, đuổi bà mẹ. Bà mẹ chạy. Tạo mừng cầm hai quả dưa ném theo. Quả dưa vỡ, văng ra toàn vàng bạc. Tạo mừng thích quá, nhặt vội nhặt vàng.

Sau đó tạo mừng cho người nhà đến hỏi: « Dưa lấy ở đâu, đem đến cho tạo chủ vài quả nữa ». Rùa lại bảo bà mẹ ra nướng, bứt mang về. Được thêm dưa, tạo mừng nói với bà mẹ: « Có thật Rùa là con bà không? Đem cho ta mười quả dưa nữa, ta sẽ gả nàng Lả cho con bà ». Ngày cưới, Rùa cũng bảo mẹ đem toàn là dưa.

Sáu cô chị cười em lấy chồng Rùa. Nhưng nàng Lả im lặng. Về nhà chồng, nàng cần cù, chịu khó làm ăn, sống với mẹ, với chồng rất tử tế. Được một thời gian, sáu cô chị đều có chồng. Chồng các cô đều là con cháu mừng họ, cháu bản kia.

Khi tạo mừng đã già, một hôm trong người khó chịu, gọi bảy chàng rể đến bảo: « Ta muốn uống nước

nhọt nhoi...»⁽¹⁾ Sáu chàng rề đầu lập tức vào rừng. Họ đèn các đầu khe, lấy ống nứa, hứng những giọt nước từ trong lòng đất rỉ ra. Đã đầy ống, sáu anh tấp từng mang về, nhưng tạo mường không thích. Sáu anh lại ra đi, tìm kiếm nước nhọt nhoi. Nhưng chàng Rùa vẫn nằm một chỗ. Một hôm nàng Lả khóc với chồng. Rùa nói: «Đến mai hãy đem tôi vào rừng». Sáng hôm sau, nàng Lả bỏ chàng Rùa vào cái «poọc-xin» rồi đem lên đầu khe. Khi vợ đã đi khuất, Rùa hóa thành một trăm chàng trai cao lớn, leo trèo rất giỏi, sục sạo trong rừng, kiếm mật ong. Chiều tối, Rùa về bảo nàng Lả: «Nhọt nhoi, ta đã kiếm được rồi, để ở ngoài bìa rừng ấy, nói với cha sai người đến vác về». Tạo mường sai sáu anh rề ra đi. Sáu anh rề đến thấy sáu ống nước to tướng. Vác về đến nhà, rót cho cha uống, cha bảo: «Ngọt, ngọt đúng là nước nhọt nhoi» uống đã chán, thấy trong người khỏe hẳn lên, cha bảo cất đi năm ống, chỉ để một ống để cho sáu chàng rề cùng uống. Sáu anh uống, thấy đó là một thứ nước không có nước gì ngọt bằng tranh nhau uống, liếm vôi liếm vàng, nên anh thì sứt môi, anh rách lưỡi.

Một hôm khác, tạo mường bảo các con gái: «Ta muốn ăn thịt hươu nai tái. Hươu ở rừng xa, nai ở rừng rậm, hãy cố bắt về, làm thịt tái cho ta ăn». Sáu cô chị về nói với chồng. Sáu anh rủ nhau ra đi, săn suốt một ngày, chỉ bắt được con chồn nhắt. Về làm thịt, nướng lên, đem cho cha ăn, cha không bằng lòng. Tạo mường gọi nàng Lả tới. Nàng Lả về khóc nói với chồng. Rùa bảo: «Có khó gì, sáng mai hãy đem tôi vào rừng». Và cũng như lần trước, lần này chàng hóa thành nhiều chàng trai khỏe mạnh, kẻ cưỡi ngựa bắn cung, người cầm nỏ... Chiều về, Rùa nói với nàng Lả: «Hươu, nai, lợn ri... ta đã cột ở bìa rừng. Hãy cho người tới dắt về». Nàng Lả đến nói với tạo mường. Tạo mường cho sáu chàng rề ra xem. Đến nơi, thấy

(1) Nhọt nhoi: nước nhỏ từng giọt một.

không biết cơ man nào là các loại thú rừng, tưởng có hổ, beo, họ xô nhau chạy thẳng, nên bị vấp ngã, anh thì gãy cẳng, anh thì sứt chân. Tào mường phải cho dân bản đem giáo mác ra, dân bày thú về.

Lại một hôm khác, tào mường muốn ăn cá gỏi. Sáu chàng rể đầu đem lưới ra suối đánh cá, đánh suốt một ngày, chỉ được mấy con cá rô. Tối về, làm gỏi cho cha ăn, cha không ăn. Tào cho người đem Rùa tới, nói rõ ý mình. Đêm ấy, Rùa hóa mình thành những dân chài đánh cá trên sông lớn. Về sáng, chàng bảo vợ: « Cá được rất nhiều, nhưng ta chỉ bắt mấy con to thôi, đang buộc ở bên sông », nàng bảo cha cho người ra mang về mà làm gỏi ». Tào mường cho sáu chàng rể ra bến. Sáu chàng rể vừa tới nơi thấy cá quây, to như cột nhà, ngỡ là rồng, cá sấu... liền bảo nhau quay gót, chân chạy mồm van. Tào mường nghe tiếng van phải nổi trống nổi chiêng cho dân bản ra khiêng cá về. Chỉ mấy con cá mà trong ngày hôm ấy cả dân bản ăn không hết.

Bây giờ đến việc làm nhà. Cha muốn ở trong một cái nhà sàn to, cao rộng. Sáu chàng rể đầu đi vào rừng chặt gỗ. Chặt hết ngày nọ qua ngày kia mới đủ gỗ làm một cái nhà, cột bằng cây chuối, kèo bằng cây mưng, sàn lát bằng cây sậy. Họ mời cha đến ở. Cha vừa trèo lên nhà thì sàn nhà ọp ẹp. Suốt đêm hôm ấy, sáu chàng rể phải cầm gậy thức suốt đêm để đuổi lợn, kéo lợn ăn mất cột nhà.

Ngủ lại một đêm, cha về, cho gọi nàng Lả đến. Nàng Lả về nói với chồng ý muốn lần này của cha. Rùa bảo, hãy đem Rùa vào rừng. Chờ cho tối lại, Rùa hóa thành nhiều người to khỏe, kẻ chặt cây quí, người cưa xẻ làm nhà. Quá nửa đêm thì một ngôi nhà đồ sộ, đã làm xong đứng sừng sững giữa rừng với đầy đủ mọi thứ cần thiết. Rùa lại hóa phép khác, đưa cha mẹ và sáu anh chị đến ở, rồi về nhà mình.

Trời sáng, khi cha mẹ và sáu anh chị dậy, thấy mình nằm trong một « lâu đài » cao ráo, đẹp đẽ, ai nấy ngạc nhiên, người nọ gọi người kia.

Từ đó, cha mẹ và sáu anh chị không dám khinh Rùa nữa. Tất cả đều quý trọng Rùa.

Một hôm cha mẹ bảo Rùa : « Sao con không làm nhà mà ở ». Rùa cũng làm nhà, làm trong một cái hũm hẻo lánh. Nàng Lả đi theo rình xem chồng mình đã làm nhà ra sao. Nàng nấp trong một bụi cây rậm. Thấy Rùa vừa lột mai ra thì hàng trăm người cầm dao đi vào rừng. Còn Rùa là một chàng trai khôi ngô, cưỡi con ngựa quý, chỉ bảo người này việc này, người kia việc nọ. Nàng xô tới, lấy cái lột Rùa, đem về nhà đốt đi. Đang mê mải với công việc làm nhà, Rùa nghe tiếng gió, mùi khen khét của khói mai rùa đang bị đốt ! Rùa cho ngựa chạy tới chỗ đã cất mai tìm xem. Không còn nữa, Rùa hốt hoảng. Theo làn khói Rùa cho ngựa chạy thẳng. Chạy về cái lều của mẹ thì thấy vợ đang đốt xác mình. Rùa giật ra, nhưng cái xác đã bị đốt gần hết rồi, Rùa nói : « Nàng ơi, chỉ còn ít ngày nữa, anh sẽ hết hạn bị dày làm con rùa. Chúng ta sẽ chung sống trong ngôi nhà mà anh đang làm dở. Nhưng bây giờ, nàng đốt mất xác anh rồi. Then biết, then nổi giận. Thôi anh đi đây... » Nói xong, Rùa chảy nước mắt từ biệt mẹ rồi phi ngựa thẳng vào rừng.

Nàng Lả hối hả chạy về phía tây, chạy lên đến rừng Hin thì trời tối. Núi rừng trùng điệp, cây cối âm u, thú dữ gầm hè, nhưng nàng quên hết. Nàng đang chạy, bỗng vấp ngã, nằm bất tỉnh.

Tỉnh dậy, nàng Lả thấy mình nằm trong một hang đá, bên cạnh có một ông lão tóc bạc phơ. Ông lão nói :

— Nàng Lả, ta thương con. Con là của hiếm ở rừng lùm này. Hãy mau mau đem cành lá này về chỗ chàng Rùa lột xác trước buổi bình minh, đặt lên mặt chàng. Sau đó, con sẽ được như nguyện ước.

Nàng Lả vội vàng cầm lấy cành lá rồi quên cả cảm ơn ông lão, tất tưởi chạy về nhưng lạ chưa, chân nàng chạy mà không chạm đất. Về tới rừng Quén, chạy

đến chỗ Rùa định làm nhà, nàng Lả thấy bao người, gái có, trai có, nhìn mình ngơ ngác. Họ dọn chỗ cho nàng đi tới bên Rùa. Rùa, người chồng đẹp dễ, khỏe mạnh có nhiều tài ba, phép lạ của nàng giờ đây chỉ như một cục bùn nhão nhoét, nằm thoi thóp thở, da xanh mướt, chân tay không cử động. Nàng đưa cánh lá thần ra, đặt lên mặt chàng. Kỳ diệu thay, chỉ một lát sau thôi, chàng thở mạnh, chân tay cử động, thân thể hồng hào. Chàng ngồi bật dậy. Nàng Lả ôm lấy chồng. Quá mừng vui, nước mắt nàng chảy giàn giụa.

Chàng Rùa tiếp tục công việc làm nhà. Sáng hôm sau ông mặt trời vừa ló khỏi ngọn núi ở rừng Chiếng Ngám thì nhà cũng làm xong. Chàng về bản cũ, mời mẹ lên cùng ở. Từ đó, hai vợ chồng sống yên vui. Bên cạnh chàng, ngoài mẹ già, còn bao người khác từ cái mai rùa hiện ra trong cái đêm chàng làm nhà ở bản này. Họ là người nhà, là tôi tớ, ngày đêm chịu sự sai bảo của vợ chồng chàng.

Chàng sống đến bao giờ, không ai biết, nhưng ngày nay ai đi qua Châu Tiến đến bản Tàu còn được nhân dân kể chuyện này.

Soạn theo lời kể của cụ
LANG VĂN TÒN ở bản Pòn.
xã Châu Hạnh, Qui Châu.

NINH VIẾT GIAO

KHẢ « XÍ-PÁK-HẢ-LĂNG »

(Giết « Bốn-mồm-năm-mũi »)

Xưa ở vùng rừng này, con người và các loài vật chết dần chết mòn và luôn lo khốn về một con quỷ hung ác. Nó có tới năm lỗ mũi để ngửi và bốn cái mồm để ăn thịt người lẫn thịt thú. Vì thế không riêng gì loài người thù ghét nó mà cả loài thú trên khắp vùng này con nào cũng căm giận đến tột cùng!

Một lần, gặp « ải Chạng Nọi » (chàng Voi Con) nó đòi móc óc Chạng Nọi ăn. Chạng Nọi tức quá liền xông vào đánh làm cho nó bị choáng váng tối tăm mặt mũi rồi túm cổ nó lẳng xuống một cái hồ nước sâu tím. Nhưng nhờ có bốn cái mồm và cái bụng khổng lồ, sau khi Chạng Nọi đi khỏi, hắn uống cạn hết nước hồ lại lên bờ như thường.

Bốn cái mồm của nó đã ăn hết không biết bao nhiêu là người, đến nỗi người ta để tang nhau trắng xóa cả bản làng.

Lần này đến lượt một cậu bé nghèo khổ mà người ta quen gọi là bả Khó (thằng Khó) nộp mạng. Khó thấy lòng mình nửa buồn nửa vui vì sống quá khổ cực nên chết đi cũng chẳng tiếc gì cuộc đời — Khó nghĩ như thế. Nhưng người mẹ của Khó sống khổ hơn nên muốn được chết thay Khó cho hết cái nỗi nghèo khổ triền miên của gia đình. Nhưng Khó lại nghĩ thương mẹ quá và người mẹ cũng thấy thương con nhiều mà chẳng có cách nào hơn đành ngồi bên nhau khóc than khóc thở

cho số phận tủi nhục của mình. Cuối cùng, khi hai mẹ con không còn nước mắt để khóc nữa, Khó mới nghĩ được cách :

— Nếu vậy, hai mẹ con mình sống thì sống cả, chết thì chết hết, mẹ hãy theo con, ta đi giết nó xem sao.

Nói xong, Khó dẫn mẹ ra ngã ba đường ngồi mài dao hì hục, hết buổi này qua ngày khác không lúc nào nghỉ tay. Có người qua thấy lạ, hỏi thì Khó niềm nở đáp :

— Tôi mài dao cắt cổ Xí-pák-hả-lăng. Ai không muốn nộp thịt mình cho nó ăn, hãy cùng tôi đi giết nó.

Có người nghe thế đã run chân run tay và lắc đầu thở dài rồi lặng lẽ ra về. Khó không nản lòng, vẫn say sưa mài dao.

Hôm sau có một người đến, ông ta đội mũ xanh, mặc quần áo đỏ. Hỏi ra mới biết đó là thần Ớt. Nghe Khó kể đầu đuôi câu chuyện, thần Ớt cười hề hà một lúc rồi tự nhiên xì mặt xuống ngồi im lặng, buồn bã, nặng nề. Khó hỏi lại thì Ớt nói :

— Vì tôi chẳng có tài gì để theo Khó giết quỷ, nên hân lắm !

Khó giảng giải thêm :

— Nếu có chí thì ta sẽ có tài.

Thần Ớt thấy vui hơn, nhận lời đi theo Khó và sau đó thần Ớt đi gọi thêm họ hàng nhà Ớt sang giúp giết quỷ.

Thần Ớt vừa đi khỏi, thì thấy chúa Ong cũng đến hỏi và Khó cũng nói rõ ý định của mình cho chúa Ong nghe. Chúa Ong suy nghĩ hồi lâu rồi cũng bay đi theo thần Ớt để làm theo lời dặn của Khó.

Thần Ớt và chúa Ong đi một hồi lâu rồi trở về. Họ rủ được hai người bạn. Khó hỏi thăm hai người này rất thân mật. Người mặc quần áo xanh trả lời :

— Tên tôi là Rêu.

Và người mặc quần áo sọc trắng nói :

— Tôi là Rắn. Tôi không chân không tay thế này liệu có thể giúp anh được cái gì không anh Khó ?

Khó điềm tĩnh trả lời :

— Ít nhiều đều có thể làm được. Cốt nhất là phải có chí và dũng cảm. Ta sẽ bàn thêm.

Họ cùng ngồi tùm tùm bên nhau bàn tính công việc. Đang bàn thì tướng Bì và tướng Rùa đến. Họ thò lộ : « Lâu nay bọn tôi cũng cảm không sao nói hết đối với con quỷ Xi-pák-hả-lăng ». Và họ thiết tha xin được cùng bàn tìm cách giết nó. Cuối cuộc bàn luận, lại thấy tướng Cáo và chú Khỉ đến thêm. Họ cũng tỏ vẻ có mối thù sâu sắc con Xi-pák-hả-lăng. Nhưng sau đó chú Khỉ hèn nhát chỉ cười nói ba hoa một lát rồi lên đi, chỉ còn Cáo ở lại.

Sau cùng Khó lần lượt hỏi mẹ và các bạn, mỗi người có những tài riêng gì ?

Mẹ Khó nói trước :

— Tao chỉ có mỗi cái tài đặt ống nước trên khung cửa ra vào mà tao đã học được ở bọn con trai khi tao còn trẻ.

Tiếp đó tướng Cáo thưa :

— Tôi hơn người ta là cái khiếu bắt gà.

Thần Ớt láu lỉnh nói :

— Tôi đã vào mắt vào mũi ai thì chỉ có sặc sụa và sưng húp lên ngay vì sức cay sức nóng của tôi.

Chúa Ong nói xuýt xoa :

— Tôi thì hiền từ thật, nhưng hễ tôi thò kim ra đốt thì cây bí cũng phải « sảy thai » ! (rụng quả).

Rêu đá rất chậm rãi nói :

— Tôi thì chỉ có sức trơn là hơn cả.

Chàng Rắn ậm ừ nhưng lời chắc nịch :

— Tôi mà cắn rồi phun nước bọt (có chất độc) vào thì nước lã cũng phải « lên cơn sốt » (sùi bọt).

Tướng Bí nói :

— Tôi mà bật khỏi dây từ trên cao đồ xuống va vào đầu ai cũng chỉ có thâm thối ra !

Sau cùng tướng Rùa phì phào :

— Tôi chỉ quen khoe tài với người ta về sức thổi của mình, có lúc hơn cả gió bão !

Sau khi nghe mẹ và các bạn kể hết những tài riêng của mình, Khó giao cụ thể cho từng người những công việc cần làm rồi hẹn nhau vào khi gà gáy lần thứ nhất là ta cùng khởi sự.

Đêm ấy, Xi-pák-hả-lăng đi kiếm ăn ở nơi xa về rất mệt, nó ngủ sớm và ngáy vang động cả khu rừng. Nó chắc mẩm là sáng mai sẽ được ăn thịt người như mọi khi. Tất cả các tướng và mẹ con Khó, người nào người nấy đều lặng lẽ lén vào khu nhà của Xi-pák-hả-lăng. Khi gà cất tiếng gáy thứ nhất, tướng Cáo nhảy bổ vào chuồng gà, gà sợ hãi kêu quang quác, Xi-pák-hả-lăng tỉnh giấc, nó tức lắm định chạy xuống tóm cổ Cáo.

Nhưng Xi-pák-hả-lăng mắc thói cứ mở mắt ra là phải ăn đã rồi làm gì hăng làm và đi đâu mới đi.

Nó vừa dụi mắt vừa thò tay vào chỗ xoi thì lập tức bị Rắn dớp luôn một phát rồi nhảy ra cuộn mình thít chặt lấy cổ. Nó hoảng hốt đến ngơ ngác lúng túng, giằng mãi Rắn mới chịu buông cổ nó ra. Nó cuống quýt chạy đến bếp để thổi lửa thì gặp ngay họ hàng nhà Ớt phục sẵn ở đó nhảy tung bụi, tung hạt vào, cả đôi mắt nó đỏ bừng, sưng húp, tối mịt. Nó cố sờ soạng cúi đầu xuống thổi lửa thì đụng ngay vào quân Rùa thò cổ phun phì phò giữa bếp làm tắt ngấm mọi tia lửa. Nó chạy cuống ra ngoài sân, nhưng tay mới đẩy cửa ra thì cả hàng trăm ống nước trút đồ xuống đầu nó và khi nó vừa mới thò đầu ra khỏi mái gianh thì lập tức tướng Bí hạ lệnh : hàng loạt quân Bí tới

tấp từ trên mái nhà lăn xuống trúng đầu. Và, phía trong đầu hồi chúa Ong tung quân ra đốt từ tung làm nó sừng mặt sừng mày. Nó hốt hoảng kêu thét: «Trời ơi không sống được rồi!» Cứ thế nó định chạy trốn chết, nhưng bước tới đầu cầu thang thì chạm phải nơi quân Rêu mai phục đẩy nó ngã lộn xuống đất. Thế là anh Khó hai tay cầm chắc con dao băm bổ vào người nó. Băm cho đến khi mỗi cả tay mà vẫn chưa nát hết thịt nó.

Xi-pák-hả-lăng bị chết, chúa Ong vui sướng kéo đàn kéo lũ bay đi rợp trời báo tin cho tất cả các bản mừng biết rõ và loài người cùng các loài vật vùng núi rừng này vui mừng mở hội tiệc mừng mừng suốt mấy ngày đêm không dứt để mừng thắng lợi và ghi nhớ công ơn anh Khó.

LEO VĂN BƯƠNG

mường Bú, mường La kẻ

LÒ VĂN SỸ — TÔNG SÚ — ĐINH LÀNH ghi

CÁI LỐT HỒ

Ngày xưa tại một bản nọ có một anh chàng nghèo lắm làm nghề đi săn. Hôm đó chàng săn sâu trong rừng nên quên mất đường về. Chàng phải ẩn mình trong cái hang. Bên cái hang này có hòn đá nhô ra như cái mái nhà. Lau lách mọc um tùm dưới hòn đá ấy. Chàng đi săn không biết đó là nơi hồ thường ở.

Một đêm trăng sáng, chín mươi con hồ kéo đến. Ngồi trong cái hang, chàng thấy chúng cỏi lốt hiện thành người. Trai có, gái có. Chúng cũng chơi bời, hát hò, nói chuyện,... không khác gì người vậy. Chàng đi săn để ý một cô. Cô này duyên dáng và trông có vẻ hiền lành.

Thừa lúc họ rủ nhau đi chơi xa, chàng đi săn từ trên hang bò xuống. Lấy cái lốt hồ của cô duyên dáng ấy, chàng giấu vào một nơi kín đáo. Lát sau, họ trở về. Người nào cũng có lốt hồ mặc vào mình. Họ lại thành hồ. Riêng cô ta tìm mãi không thấy. Đàn hồ vờn, nhảy một chập rồi đi. Cô vẫn bơ vơ. Cô khóc, khóc mãi. Chờ trời sáng, chàng đi săn mới bò xuống và vờ hỏi duyên do. Hai người đều nghĩ thầm là có duyên kiếp gì đây. Họ đính ước làm vợ chồng rồi vạch rừng trở về bản làm ăn.

Hai năm sau họ sinh đứa con trai đầu lòng đặt tên là Lộc. Hai năm nữa, họ sinh đứa con gái đặt tên là Lữ. Rồi cứ hai năm một bận sinh, Lương và Quang nối tiếp ra đời. Khi Quang mới được bảy tám tháng, chàng đi săn có việc đi xa. Trước lúc lên đường, chàng

đã cẩn thận dặn các con là đừng để mẹ mở cái rương khóa kín để trong góc sàn nhà. Nhưng lạ gì tính con trẻ. Lộc và Lữ đem chuyện ấy hỏi mẹ. Người mẹ bồi hồi. Chị biết cái gì cất trong đó rồi. Chị nấu cơm cho các con lớn ăn, cho con nhỏ bú no nê. Chị dọn dẹp nhà cửa ngăn nắp, sạch sẽ. Xong rồi chị mở rương lấy cái lốt hồ bỏ vào gùi và giả đi hái củi. Hàng ngày khi nào đi hái củi, chị cũng gọi chị em trong bản, nhưng hôm nay chị không gọi ai. Chị nhìn đàn con đầy quyến luyến. Chị ôm ghì đứa con nhỏ nhất vào lòng. Khi trao Quang cho đứa lớn, chị dặn nó « Khi nào em khóc đòi bú, con bông em ra cửa rừng gọi mẹ nhé ». Nói rồi chị đi thẳng. Đến rừng sâu, chị mặc lốt hồ vào nhưng vẫn quần quanh nơi chị thường đến hái củi.

Mãi chiều chàng đi săn mới về. Thấy con khóc, anh hỏi : « Mẹ đi đâu rồi ? ». Đứa con lớn đáp : « Mẹ đi hái củi ». Anh chờ mãi. Một linh tinh báo cho anh biết có gì không hay. Anh vào mở rương. Cái lốt hồ đã mất rồi ! Anh hỏi con :

— Mẹ đi có dặn gì không ?

— Mẹ dặn khi nào em khóc đòi bú, bông em vào bìa rừng gọi mẹ — Thăng Lộc đáp.

Anh ôm con vào lòng rồi tất tả đi ra bìa rừng. Anh cất tiếng gọi. Các con lớn của anh cũng cất tiếng gọi. Tiếng gọi của mấy cha con nghe náo nức, vọng mãi vào rừng sâu. Người vợ vội vàng nhẩy ra, bỏ lốt hồ, ôm ghì lấy con, cho con bú. Đã hai ba ngày như vậy. Ngày thứ tư, người vợ nói với chàng đi săn : « Từ nay chàng cố nuôi con. Tôi không thể cởi lốt hiện thành vợ anh được nữa ! ». Người chồng năn nỉ. Chị ta giải bày tâm sự :

— Tôi vốn là người ở nương Phà. Một hôm đi vác nước về, lúc bước lên thang gác, người yêu của tôi đứng xa vậy gọi. Tôi ngẩn cổ nhìn, chẳng may sảy

chân, cả ống nước rơi vào đầu con trai phà đang đứng chơi ở chân cầu thang. Phà giận, bắt tôi làm hồ và đuổi xuống mừng Người. Sống với chàng chín mười năm, phà biết, phà sẽ phạt nặng hơn.

Nói rồi chị rửa nước mắt và đi thẳng vào rừng. Mấy cha con chàng đi sẵn thờ thần đứng nhìn theo.

Cảnh gà trống nuôi con ! Bao vất vả, nhưng con anh cũng dần dần khôn lớn. Chẳng mấy chốc mà con trai đã có vợ, con gái đã có chồng. Rồi sinh sôi nảy nở mãi ra. Trước còn quây quần trong một bản, sau đi nhiều mừng khác, phát rừng làm nương, dựng bản mới. Nhưng cháu chắt đều dùng tên của hai vợ chồng anh đặt cho cha mẹ ông bà chúng làm họ. Vì thế, ở miền núi Nghệ An, các họ Lộc, Lữ, Lương và Quang của dân tộc Thái đều là bà con với nhau và không bao giờ ăn thịt hổ.

Soạn theo tài liệu của
LƯƠNG VĂN HÙNG và ghi theo lời kể
của một cụ già ở bản mừng Hin
(Quế Phong)

NINH VIẾT GIAO

TIẾNG SÁO NÀNG NI

Ngày xưa có một cô gái xinh đẹp nhất vùng, cha mẹ đặt tên cho cô là Ni. Nàng Ni lớn lên rồi cưới chồng. Vợ chồng chưa được ăn ở với nhau bao lâu thì chồng của nàng bị gọi đi đánh giặc xa. Ngày hai vợ chồng chia tay nhau, nàng Ni đã có mang. Cách đó mấy tháng, nàng Ni ở nhà sinh được một đứa con gái. Mấy mùa cây gạo đơm hoa, đứa con gái tuổi đã lên năm mà tin tức của chồng vẫn vắng.

Gái một con, nàng Ni càng trở nên xinh đẹp. Tên tào mường ở vùng này muốn chiếm nàng Ni về ở lễ hầu hạ.

Một lòng chung thủy với chồng, nàng Ni đã quyết bỏ nhà ra đi để đợi ngày chồng về hoặc chết theo chồng chứ nhất quyết không để lọt vào tay tên tào mường gian ác. Nàng Ni dắt đứa con năm tuổi lên núi và đã không quên đem theo cây sáo «ôi» mà người chồng khi đi chinh chiến đã gửi lại bảo nàng cất giữ.

Nàng Ni chạy lên núi và sống trên các mỏm núi năm này qua năm khác. Đến đâu nàng cũng nhờ những hang đá kín che nắng che mưa rồi đi phát nương làm rẫy. Đứa con gái của nàng cũng đã lớn dần, biết ở nhà đồ cơm chờ mẹ. Và con chó mực của nàng đem theo cũng khôn ngoan khác lạ, hàng ngày hẩn đi sục sạo những hang đá, hốc cây, bụi rậm, cắn tha về bao nhiêu là chuột, cầy cáo, chồn, nhím...

Mỗi buổi đi nương về, thường khi thấy trong người mệt mỏi, hoặc lúc cô đơn buồn bã, nàng lại lấy cây sáo

của chồng để lại đưa ra thối. Tiếng sáo khi du dương, trầm bổng, khi véo von thánh thót, cái mệt trong người biến tan đâu mất. Và cứ từng bầy, từng bầy đủ các loài chim muông bay đến hát ca mùa nháy rộn vang làm cho nàng Ni đỡ cô đơn buồn sầu.

Lại một mùa trám rụng. Ngày ấy nàng Ni đi hái trám từ một mỏm núi xa, không may nàng sa chân ngã xuống vực sâu. Đứa con gái ở nhà đợi mẹ từ sớm đến trưa, từ trưa đến chiều mà không thấy mẹ về. Con bé nhớ mẹ nó gọi khàn cả tiếng. Tiếng con bé vọng đi chỉ có tiếng từ vách đá vọng về, chứ đâu có nghe tiếng mẹ thưa. Bé buồn tủi khóc. Con chó mực chạy đến ngừng đầu liếm nhẹ vào con bé, con bé liền cúi xuống ôm lấy cổ con mực, nói khẽ:

— Mày đi tìm mẹ ta về đi! Chị ở nhà một mình được. Con chó tinh khôn liền nháy xỏ ra khỏi cửa hang luôn rừng đi tìm nàng Ni. Một hồi lâu con mực về, bé chạy đến hỏi:

— Mẹ ta đâu, mày có tìm thấy không?

Con mực quẫy đuôi rồi chạy đến chỗ hông xói sữa ăng ăng. Con bé hiểu ý liền gói một chùm xôi buộc vào cổ con mực. Con mực lại chạy miết vào rừng đến chỗ miệng vực sâu thả chùm xôi xuống cho nàng Ni. Được ăn xôi lại sức, nàng Ni bảo con mực:

— Mày về lấy cây sáo lại đây!

Thấy con mực về một mình, con bé lại vội vã hỏi:

— Mẹ ta đâu? Mẹ chưa về à?

Con mực lại quẫy đuôi chạy đến chỗ có cây sáo giắt trên vách đá ngẳng đầu sữa ăng ăng. Con bé biết ý, lấy cây sáo buộc vào cổ con mực. Con mực lại nhanh chân chạy miết vào rừng đến chỗ miệng vực thả cây sáo xuống cho nàng Ni. Được cây sáo, nàng Ni cất tiếng sáo véo von dưới hang sâu, tiếng sáo vui, những bầy vượn ở các đỉnh núi cạnh đấy nháy đến ào ào. Nghe

tiếng chân đàn vượn tới, nàng Ni càng thỗi sáo mạnh, tiếng sáo của nàng vút cao êm ái dịu dàng. Đàn vượn đi tới miệng vực, chúng cất tiếng hỏi:

— Cô nàng ơi, cô cho chúng tôi cây sáo ấy đi!

Nàng Ni cứ thỗi, tiếng sáo càng bay xa, càng say đắm bâng khuâng tha thiết. Đàn vượn lại cất tiếng khẩn khoản:

— Cô nàng ơi, cô cho chúng tôi cây sáo để chúng tôi làm vui núi vui rừng, chúng tôi sẽ hái cho cô rau xanh quả ngọt.

Nàng Ni không thỗi sáo nữa, nàng nhìn bầy vượn rồi cất tiếng dịu dàng:

— Chúng mày đưa ta lên khỏi vực sâu thì ta sẽ biếu cho cây sáo này.

Đàn vượn mừng rỡ, chúng liền nối tay nhau xuống tận đáy vực để kéo nàng Ni lên. Nàng Ni đã biếu cho đàn vượn cây sáo đúng như lời hứa, sau đó nàng trở về với đứa con gái sống trên núi rừng đợi ngày chồng về.

Cứ mỗi buổi sáng, khi bình minh tỏa về trên các đỉnh núi, loài vượn lại cất tiếng hót thánh thót vang vọng khắp núi rừng. Người ta bảo rằng loài vượn đã đem cây sáo « ôi » của nàng Ni cho ra thỗi nên những thanh âm trầm bổng ấy. Vì thế, người Thái gọi con vượn là « chan Ni ».

Cụ HÀ VĂN ỎI kể

BÙI TIÊN ghi

ĐÔI YÈNG VÀNG ⁽¹⁾

Hồi ấy sáng trời cũng không bằng sáng lửa, nắng nào đẹp và khéo dẹt mặt chẵn cũng không bằng nắng con út ở Chiềng Ván, mừng Luộc. Nghe nói nắng đã mười tám tuổi. Hiền Mương, con một tù trưởng ở Quí Châu có đền chín gian, đã hai mươi lăm tuổi, muốn được nắng về hong xoi để chiều chiều bày cúng tổ tiên. Hiền Mương đã nghe người ta ca ngợi rằng gái xứ dưới

(1) Truyện này rất phổ biến ở vùng Quế Phong, Quí Châu, Quí Hợp, (Nghệ An). Truyện còn được bà con ghi chép trên giấy. Chúng tôi chưa dịch ra thơ được, xin ghi lược ý.

Đôi chim yềng vàng là một truyện thơ. Truyện kể: đôi chim yềng được ông Hiền có đền chín gian ở Quí Châu sai sang Chiềng Ván, mừng Luộc (Thanh Hóa) hỏi nắng Ôn La thay cho mình, chỉ là cái cớ. Thâm ý của tác giả là muốn ca ngợi xứ sở Quỳ Châu với bao núi sông hùng vĩ, sản vật phong phú, cảnh trí nên thơ, trong sáng. Những tên núi, tên sông, tên bản mừng,... trong truyện này đều có thật — hiện nay vẫn như vậy — nhưng qua lời diễn tả, những địa danh ấy vang lên trong lòng chúng ta lòng triu mến và niềm gắn bó thiết tha đối với miền thượng du đất Nghệ. Cả truyện thơ đẹp như một buổi chiều vàng trong đó lung linh những cảnh sắc và quyến quỵen một đôi yềng ân tình.

Truyện này nguyên văn bằng chữ Thái, chúng tôi sưu tầm ở bản Kảng, xã mừng Nọc, huyện Quế Phong. Bạn Lo Khánh Xuyên, trưởng phòng giáo dục huyện Quế Phong cùng với một số bộ, mẹ ở bản Dồn, bản Cỏ Moong (mừng Nọc) đã giúp đỡ chúng tôi nhiều trong vấn đề tìm hiểu cũng như dịch ý. Ở đây có nhiều địa danh mới như Đồng Minh, kẻ Bọn, đập Tràn,... chúng tôi nghi là do người sau thêm thắt vào.

khéo dệt tơ, gái Chè Lè⁽¹⁾ khéo thêu chân váy, nhưng cũng thua nàng xa. Tên nàng là Ôn La.

Hiền Mương muốn sai người đi xem mặt và đưa thư, sai chim chích sợ nó bị mắc lưới thưa, sai con cò sợ nó bị mắc lưới chài. Hiền Mương liền gọi :

— Đôi chim bồ câu của ta ơi, ra đây để ta nhả, ra đây để ta khiến. Ta sẽ viết thư buộc vào đầu cánh, găm vào kẽ đuôi, nhét vào giữa ực, để các con bay sang xứ lạ, đến tận Chiềng Ván, mừng Luộc, ngắm nàng Ôn La thay ta và trao thư cho ta.

Đôi bồ câu se sẽ cất tiếng thưa với chủ :

— Ngài giẫm đục, đục sẽ cắm vào bàn chân. Ngài giẫm dùi, dùi cũng đâm vào cẳng. Ngài sai chúng tôi, chúng tôi không dám chối lời. Nhưng mà hai chúng tôi đi, lấy ai bẻ lá trái cho con nằm, lấy ai giúp đỡ khi vợ đẻ trứng, xin ngài tha cho.

Hiền Mương bỏ qua, không sai đôi bồ câu nữa lại gọi :

— Đôi phượng hoàng có đuôi mượt của ta, đôi kè kè có đuôi xám vàng của ta, ra đây để ta nhả, ra đây để ta sai. Ta sẽ viết thư buộc vào đầu cánh, găm vào phao câu, nhét vào kẽ ực, để các người bay sang xứ lạ, ngắm nàng Ôn La thay ta và trao thư cho ta.

Bốn con chim chậm rãi thưa rằng :

— Chim phượng hoàng, ngài thường cho là của quý; chim kè kè ngài thường cho là của hiếm. Ngài sai chúng tôi, chúng tôi không dám chối lời. Nhưng mà sáng sáng chúng tôi dậy sớm còn muốn bay lượn trên dải đất Quý Châu, còn muốn đưa mắt nhìn những quả chín vàng ở chung quanh khu nhà chín gian này. Vậy xin ngài bỏ qua, cho chúng tôi ở lại.

(1) Chè Lè: bây giờ là xã Tri Lễ, kéo dài từ bản Bò lên bản Kăm cho mãi tới bản Hồi Ho giáp biên giới Việt - Lào.

— Hiền Mương gọi đến đôi chim gáy cồ hoa, chân ngắn. Đôi chim gáy thưa : « Đóng dùi vào gỗ, gỗ phải thủng ; nện đục vào gỗ, gỗ sẽ bị đục cắm sâu, ngái sai chúng tôi, chúng tôi phải đi, đâu dám cưỡng lời.

Nhưng mà sáng mai ngủ dậy, chúng tôi muốn gáy mấy tiếng « cu cu » ở chân bản cho vui. Vậy xin ngài tha cho ». Cứ thế, Hiền Mương gọi đến đôi sáo hay quẩn quýt bên chân trâu, đôi sáo cũng thưa như đôi gáy, rồi viện cớ : « Trưa trưa chúng tôi còn muốn đem con ra nướng rẫy để chúng vui đùa, nhảy nhót, tắm nắng. Chiều chiều chúng tôi muốn đem con vào rừng kiếm quả « mây ». Gọi đến đôi bói cá thường đứng ở bờ suối chờ cá mương, rồi đôi « ồn ọc » hay bơi dật mà nằm, gọi cả đôi chim vẹt biết « chào khách » đằng xa, đôi ngỗng cồ xanh hay kêu « quéo quéo » thường khệ nệ dắt đàn con đi lại dưới sân, đôi vịt bầu béo tròn lông vàng óng,... Nhưng chúng đều nói còn bận săn mồi hái quả để nuôi con. Riêng đôi vịt bầu thưa : « Chúng tôi đi đường nước thì sợ ướt mất thư, đi đường đất thì chân ngắn biết khi nào mới tới nơi. Hơn nữa giọng nói của chúng tôi dở lắm, nàng Ôn La nghe sao được ».

Bực quá, Hiền Mương to tiếng nói : « Đi mở cửa hang cho con đại bàng ra, đi lật khối đá cho con đại bàng đến, đi rút cái chèn cho con đại bàng vào nhà. Đại bàng muốn ăn cơm thì dọn cơm ra, muốn ăn tắm thì đem tắm lại. Phải cho đại bàng ăn trong thúng lưng đan lòng dôi, hoặc thúng tre đan chặt có kết hoa ». Đại bàng ăn cơm nhà quan xong mới đến thưa, ăn tắm nhà quan xong mới đến trình : « Chủ sai tôi, tôi đâu dám trái lời. Nhưng mà đến khuya tôi muốn bay lên trời cao, khi gà gáy tôi còn muốn lướt theo các vì sao, lúc trời nhô mặt tôi còn muốn ngắm nhìn các ngọn núi ở Quì Châu, xin ngài tha cho ». Sai đại bàng không được, Hiền Mương gọi đến đôi chim « bắt cô trói cột »

khó tính hay kiếm chuyện. Đòi chim « bắt cò trời cột » cũng thừa: « Nhưng mà sao người đầy nhà đầy cửa ông không sai ai, sai chúng tôi đi xừ lạ, chúng tôi không biết nói những lời dịu dàng khéo léo với nàng Ôn La, xin ông tha cho ».

Đã đến lúc không thể chịu được, mặt Hiền Mương đỏ gay, đỏ hơn cả nước cây tò mọc. Hiền Mương vung tay đập vào võng vàng đang nằm, làm dây võng xuyt nữa bị đứt; co chân đập vào cây cột làm cả khu nhà chín gian đều rung rinh. Hiền Mương ngoảnh mặt vào nhà trong hỏi mẹ: « Mẹ ơi, mẹ à! Đâu con dao nhỏ đưa lại cho con. Con sẽ mổ bụng muôn nghìn con chim, xem gan, xem ruột, xem mề chúng ra sao. Con đã nuôi chúng bao năm vất vả nay sai chúng sang xừ lạ, nơi Chiềng Ván mừng Luộc để chúng ngấm nàng Ôn La thay con, đưa thư hộ con. Con nào cũng chối lời ».

Mẹ Hiền Mương mới dịu dàng nói rằng: « Con hiềm của mẹ ơi! Con trai yêu quý của mẹ ơi! Đừng làm cho tim con sôi lên như tim con rồng dữ, đừng làm cho lòng con nóng lên như lòng con hổ đói, kéo nàng Ôn La biết gan biết ruột, sẽ không về ở chung với ta đây. Ta còn đòi yềng vàng và đòi vành khuyên. Hãy cho chúng ăn mặc sang trọng rồi sai chúng đi ». Nghe mẹ nói xong, Hiền Mương nở một nụ cười rồi cất tiếng gọi:

— Ở đâu đòi yềng vàng và đòi vành khuyên của ta, ra đây để ta nhìn, ra đây để ta khiến. Ta sẽ buộc thư vào đầu cánh, gắn vào phao câu, nhét vào kẽ ỉc, để các con bay sang xừ lạ, đến tận Chiềng Ván mừng Luộc, ngấm nàng Ôn La thay ta và trao thư cho ta.

Hiền Mương nói vừa dứt, đòi yềng vàng vỗ cánh nhận lời:

— Chủ đã gọi, chúng tôi xin có mặt. Chủ đã gieo mầm lúa xuống ruộng lầy, mạ sẽ mọc lên xanh tốt.

Chủ sai chúng tôi đi xứ lạ, chúng tôi đâu dám cưỡng lời. Nhưng chúng tôi đi sớm muốn có gói cơm trưa, chúng tôi đi trưa muốn có gói cơm chiều.

Hiền Mương vui vẻ hẳn lên, tiếng gọi vang nhà:

— Các nàng gái trẻ của ta ơi! Hãy vào rừng ngắt lá tươi để gói cơm trưa cơm chiều, ngắt lá khô để gói thịt chua, ngắt lá cơm nếp để gói mỡ lợn, cho đôi yềng vàng của ta tới xứ lạ. Các nàng cũng không quên bẻ những quả chuối ngọt lừ mà ta thường ăn, bẻ buồng cau sây tròn trữu quả, hái những lá trầu trên giàn trước cửa, lấy thuốc Lào mẹ ta thường ăn cho đôi yềng đi Chiềng Ván. Rồi vào nhà lấy khăn đào cho đôi yềng gói trầu gói cau, lấy khăn sồi cho đôi yềng lau mồ hôi nhé. Suy nghĩ một lúc Hiền Mương lại nói rằng:

— Các chàng trai trẻ ở bản giữa của ta! Các bạn gái trẻ ở bản trên bản dưới của ta ơi! Tất cả hãy thay cho lòng dạ của ta, đến giúp việc cho ta. Ai biết viết sẽ nằm viết, ai biết chữ sẽ ngồi ghi; viết cho đẹp chữ, ghi cho thẳng hàng, viết cho ta cái thư thật đẹp lời đẹp ý để đôi yềng vàng mang sang xứ lạ, trao cho nàng Ôn La.

Xong đâu đấy, Hiền Mương lại tươi cười nói:

— Các chàng trai trẻ, các cô gái trẻ của ta ơi! Hãy chắt suối cho nước dâng đầy, hãy lấy ống luống múc nước về dựng trước cửa ra vào, hãy mở lớp lá và trấu trên miệng các chum rượu, hãy cắm cần, cắm cho sâu tận đáy chum, hãy đổ nước vào, đổ đến cổ chum, đổ lên miệng chum, hãy đem chiếc xanh đồng đỏ, hồng hồng ra đựng nước, hãy đặt sẵn gáo, sừng trâu,⁽¹⁾ khay trầu ở giữa sàn, hãy nhường lời cho ông mo.

Ông mo cúng rằng:

(1) Sừng trâu: bà con thường gọi là cái « phong » dùng để làm chường và thưởng phạt khi uống rượu cần.

— Tuần một xin mời tất cả các vị tổ tiên về uống cho đầy đủ để phù hộ cho đôi yểng vàng đi xư la gặp nàng Ôn La ở Chiềng Ván mừng Luộc được mọi sự tốt lành.

— Tuần hai xin nhường cho ba mốt bà dì, năm mốt bà cô, tất cả về uống cho đầy đủ rồi phù hộ cho đôi yểng: đi đường sông đừng gặp xác cá bọp, đi đường bộ đừng gặp xác chồn hương, đi đường rừng đừng gặp xác hươu nai, sang xư la đừng gặp xác cáo cắt đuôi,... để đến Chiềng Ván mừng Luộc được bình an.

— Tuần ba xin nhường cho các ma ở những bản thường về cúng ở đền chín gian, bản cũ quê ta, hãy về uống cho đầy đủ rồi phù hộ cho đôi yểng vàng đi đường vô sự để gặp nàng Ôn La ở Chiềng Ván.

Cúng rượu ba tuần xong, ông mo thôi, Hiền Mương cho các chàng trai trẻ, các cô gái trẻ uống rượu. Có chum nặng đến hai mươi người khiêng. Tất cả đều ngọt lừ. Uống rượu mới được một tuần, đang còn vui vẻ. Uống rượu xong tuần thứ hai, đôi yểng sắp sửa bay đi. Chúng mang những gói cơm trưa, cơm chiều cùng các gói đồ ăn khác. Chúng không quên gói trầu. Xập xòe hai cánh, yểng chồng nói: « Đi đường, đàn ông hay đàn bà đi trước? Cho đàn bà đi trước rồi đàn ông đi sau ». Yểng vợ đáp: « Trời đã trồng cây trúc, nhưng trúc sao có thể làm ống nước cũng như đàn bà không thể đi trước đàn ông. Vậy đi đường đàn ông cứ đi trước, đàn bà sẽ theo sau ». Yểng chồng đáp lại: « Cá dưới sông đâu dám cưỡng lại chài, đã là đàn bà thì đừng có chối lời đàn ông »⁽¹⁾.

Yểng chồng nói xong, cả hai vỗ cánh. Chúng bước ra ngưỡng cửa, mãi mê ngắm nhìn bản mừng Quí

(1) Phản ánh tục coi trọng phụ nữ bảo vệ phụ nữ trong lúc đi đường.

Châu trước khi đi. Hai con bảo nhau: « Chúng ta hãy nhảy lên nóc nhà của Hiền Mương. Ta ngó bên này thấy một dãy cột biên giới của bản mường, cột nào cũng vuông bốn cạnh, trong bản mường của ông Hiền, cái gì cũng đầy đủ giàu có. Kìa, xa xa có một cây, gốc to bằng cái cối, ngọn như cây mía, sớm sớm từng chùm cô gái kéo đến đấy nhởi chơi. Nhìn bên này thật là đẹp. Ta còn phải ngấm phía khác. Ta hãy nhìn cái thác Hữu Văn ở bản Lè. Rồi kìa là bản Đò, bản Giang. Ở đấy có suối nước ngầm, lũ làng không phải làm mương phai cũng có nước. Mạch nước ngầm đi qua các gốc cây chảy về ruộng. Bên cạnh là bản Na Xái, bản San, bản Chổi. Hai bên bờ sông chảy qua bản Chổi có những bụi luồng rùm ròa, có rừng buong um tùm. Trong bản, trai gái hay nhảy sạp, tung còn. Ta nhìn sang tí nữa là hòn « Ngó người yêu », là cánh đồng Cỏ Lếu. Ôi đẹp quá! Một bên các em bé đang phơi chăn; một bên các bà phơi tơ, phơi trầu cau. Hãy mở cửa và gọi mọi người ra ngấm. Đứng trên hòn « Ngó người yêu », ta nhìn thấy bản Kắng dưới chân, bên sông là bản Cỏ Ba, bến Bè, mường Mùn. Liếc đi tí nữa, phía dưới là bản Na Phí, Đòn Chám, Đồng Bảng, Na Công⁽¹⁾ Và nhìn ngoảnh lên là bản Lắm, đền Tám. Đền Tám dựng giữa cánh đồng, trông thật xinh. Đầu năm cứ ngày mùng mười tháng giêng, người ta mổ trâu bạc đem đến cúng. Ngày ấy, trên con sông chảy sát đền Tám, ta thấy cả chiếc thuyền đồng có đề giá chiêng của ông cai mường. Ông cai mường này, ngày ngày thường đi hành hạt các bản... Chúng ta đã ngấm các bản, đã điếm qua các mường. Bây giờ đôi ta hãy bay cao để ông Hiền Mương ngấm rồi bay thấp để ông Hiền Mương vui ».

(1) Những tên đất này đều ở quanh đền chín gian thuộc xã Châu Kim huyện Quế Phong bây giờ.

Xong rồi đôi yểng bay đi. Đôi yểng bay sóng đôi theo các bãi ven sông. « Đôi ta bay thẳng về đập Tràn⁽¹⁾, bay qua con sông đến cánh đồng Đồn Cón, thấy trai gái Đồn Cón ra sân « hườn không » chơi rất đông, con trai nô nức đánh quay, con gái hơn hờ ném còn. Ta chỉ nói sơ qua vậy thôi cho vui lúc đi đường ».

Đôi yểng lướt nhanh, vỗ cánh bay thẳng lên trời, qua những rừng cây, những núi đá, qua nhiều bãi cỏ xanh tươi đến bản Dồn. Rồi lại rừng qua rừng, núi qua núi, đến bản Piêng Pần. Đôi yểng lướt bay xuống bản Bon, bản Tạng. Ở bản Tạng, đôi yểng nhìn sang thấy hang Con Tằm ở giữa cánh đồng bản Léch, cứ mùa xuân đến biết bao phía tạo tới chơi. Dưới bản Tạng là Kăng Phốt, đôi yểng thấy các lối đi đan chéo nhau chẳng chịt. « Đường bên trái đôi ta dừng đi, đó là đường xa lắm, lên mãi mừng Việc. Ta chỉ vỗ cánh bay qua khu rừng xuống mừng Hin. Sừng sừng trên một quả đồi có dòng suối từ bản Hăn chảy về uốn quanh là nhà ông cai mừng Hin. Từ sáng đến chiều, khách từ mừng Khúc, mừng Boóc ra lễ ngựa voi; khách từ mừng Pốm, mừng Piệt ra lễ tơ vàng. Ông cai mừng muốn ăn trâu có người ở Năm Niên đem đến, muốn uống rượu có người ở Na Cày đem tiến, muốn ăn cá dưới sông hay muốn ăn hoẵng trong rừng có người ở Nà Pển đem dâng. Ta chỉ nói sơ qua vậy thôi cho vui lúc đi đường ».

Đôi yểng vàng lại lướt qua cánh đồng, vỗ cánh bay đến bản Phạm. Người nơi đây nhìn thấy nhà ông cai mừng ở đầu cánh đồng, cũng trên một ngọn đồi, trước nhà có cái bến, nước trong xanh trời lặn lặn. Sớm sớm biết bao ông cai ở các bản mừng xung quanh

(1) Những tên đất từ đập Tràn đến mừng Mủn đều nằm ven theo con sông Con, cạnh đường tỉnh lộ 48, chạy từ huyện lỵ Quế Phong cho mãi gần hết địa phận Quỳ Châu bây giờ.

đến hợp. Họ nộp thuế cho nhà tạo không biết bao nhiêu la bạc. Từ bản Phạm, đôi yểng bay xuống bản Đan, rồi qua đò Voi Hảng đến mừng Chiếng Ngám. Người ở mừng Chiếng Ngám ăn cá ba ngả sông. Sông Nậm Việc mà vui thì sông Nậm Hát thêm đầy. Sông Nậm Giai mà cạn thì sông Quang Phong lại có. Người Chiếng Ngám lấy củi không cần dao. Đến tháng tám, nước cuốn củi trên sông về chỉ ra sông vớt lấy.

Đôi yểng vàng vẫn vỗ cánh bay trên trời đến bản Ban. Rồi lại qua rừng, qua núi, qua Piềng Câu thẳng đến Pù Bài. Hết Pù Bài, yểng vàng bay thẳng về xuôi đến Noong Ngu. Từ Noong Ngu, bay theo bãi sông đến kẻ Bọn⁽¹⁾. Ở kẻ Bọn, núi chắn bên sông, người kẻ Bọn phải đào thành bậc như thang dê. Cứ đến buổi trưa, bao cô nàng kéo ra tắm, giặt và múc nước.

Đôi yểng vàng bay nhanh xuống mừng Miêng, thấy bản Đồng Minh nằm ở giữa cánh đồng khô hạn. Nắng đã làm cạn hết nước mà nương ruộng không có phai. Đã nhiều mùa, lũ làng phải nhìn lúa không trở bông.

Đôi yểng vàng vẫn bay đi. Chúng bay đến Đò Lè, thấy thuyền bè đậu san sát ở bến sông. « Ta nhìn kỹ thấy người bốn phương về mua bán. Thuyền bè đậu đó nhưng ta không cần nó để sang sông. Ta vỗ cánh lướt trên trời cao như đôi én. Hai ta sóng đôi bay về Noong Móng rồi từ Noong Móng ta bay tới mừng Mủn. Ta nhìn thấy nhà ông cai mừng Mủn dựng ở dưới chân

(1) Kẻ Bọn: huyện lỵ của Quỳnh Châu hiện tại. Cách đây khoảng một trăm năm Quỳnh Châu chạy từ Chè Lè xuống Nghĩa Đàn và từ bản Cô Ba qua Tam Giang tức là gồm cả Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ và một phần Anh Sơn hiện tại. Phủ lỵ đóng tại Trù tức Nghĩa Khánh bây giờ. Trong những năm bị quân Minh chiếm, Quỳnh Châu thuộc Thanh Hóa.

đôi. Xung quanh nhà, trồng toàn dừa gai, trông rất đẹp. Ngoài ra, thứ gì cũng có. Ta chỉ nói sơ qua cho vui lúc đi đường rồi bay đi ».

Chẳng mấy chốc đôi yểng đã bay tới Thanh Nga, Gia Hội. Đó là biên giới của mừng ta. Chúng gặp đôi điều hầu. Đôi điều hầu cất tiếng hỏi rằng: « Các người cất chân đi từ đâu? Đi sớm đã có gói cơm trưa chưa? Đi trưa đã gói cơm tối chưa? Đi xứ lạ có việc gì? ». Đôi yểng vàng mở lời lạnh thưa rằng: « Hiền Mương tôi viết giấy buộc vào đầu cánh, xếp giấy vào phao câu, cho chúng tôi đi sang xứ lạ để ngắm nàng Ôn La thay cho chủ ». Nói xong đôi yểng vỗ cánh bay đi. Gặp một cây si sai quả chín vàng, chúng hạ cánh dừng nghỉ rồi mở gói cơm. Yểng vợ nói với chồng rằng: « Đi đường ta đừng chơi nhởi dọc đường, kéo người xứ lạ giương nỏ mạnh bắn cho. Ta hãy bay lên đỉnh núi cao tìm một hòn đá to, rồi hãy mở gói cơm ». Yểng đực nghe lời vợ. Cả hai bay nhanh tới một đỉnh núi đá. Thấy hòn đá xanh vừa to vừa phẳng, yểng vàng trái lá xanh mở gói cơm trưa, trái lá khô mở gói thịt chua, trái lá cơm nếp mở gói mỡ lợn. Xong rồi yểng chồng nói: « Người ta ăn cơm trưa thường cúng ma rừng. Ta có nên cúng ma rừng không? Người ta ăn cơm tối thường cúng ma người yêu. Người yêu thứ nhất của nàng về ăn bằng con trâu. Người yêu liếc ngó qua bờ rào của nàng về ăn bằng con nghé ». Yểng chồng nói xong, yểng vợ đáp lại bằng những lời nhẹ nhàng yêu quý: « Ô, lời sao quái lạ! Tôi chưa từng nghe, tôi chưa từng thấy! Ta là yểng vàng khi nói phải nghĩ, nói như con dao sut cán đem đâm gỗ sao? ».

Yểng chồng biết mình lỡ lời, nói sang chuyện khác.

— Đang giữa mùa đông này, nếu nàng không đi cùng thì không có hạn, buồn biết bao! Thôi ta ăn cơm đi. Ăn cơm xong ta sẽ ăn trâu. Trước khi cất mình bay

sang xứ lạ, ta hãy nhìn lại Phủ Quì ta. Này nàng ơi, mừng chi có con sông chảy vòng quanh rồi chia ra hai ngã?

— Mừng có con sông chảy vòng quanh rồi chia ra hai ngã, tôi nói đó là bản Lè và Thanh Nga. Bản mừng này giáp với đất người Kinh, nhìn về phía nào cũng đẹp. Người Kinh ăn cơm có đũa, mặc quần áo không thuê thửa, không ở nhà sàn, không gội đầu bằng nước vo gạo như bản mừng ta — Yềng vợ trả lời.

— Hãy nhìn khắp mọi phương, mừng chi có ao cá trê và ao cá tràu (cá quả) đó, nàng hãy nói đi.

— Tôi nói đó là mừng Miêng có đất kẻ Bọn vui vẻ và bản làng đông đúc.

— Hãy ngắm các bản mừng cho kỹ, mừng chi có nhiều cá đến tìm chỗ đẻ trứng, người đến sum vầy như ong làm tổ?

— Tôi nói đó là mừng Chiếng Ngám, ăn cá ba ngã sông. Từ đây có thể thấy bản Phạm nằm giữa một cánh đồng, bên một ngọn đồi và một dòng suối nhỏ. Dòng suối này, lúc nào nước cũng chảy lặng lặng. Rồi có thể thấy cả mừng Hin.

— Mừng chi có cây xoài sừng sững giữa bản?

— Tôi nói đó là mừng Việt và bản Khửn Nậm. Mừng này thường tới ông chủ ta cúng trâu. Ở đây, nhìn bên nào cũng đẹp, ngó bên nào cũng xinh.

— Mừng chi có vòng núi tựa cặp nong vây lấy cánh đồng mà mỗi ngày có chín con voi chết vì mắc phải dây leo?

— Tôi nói đó là mừng Nọc với núi Trâu có đền thờ trâu của Cầm Hiền ông chủ ta. Nhìn đi, nhìn đi, nhìn lối nào cũng đẹp, ngó lối nào cũng yêu. Nhìn lên Chè Lè mênh mông, đất trùng trời thấp, sáng dậy nhìn ra chỗ nào đất cũng bằng, ruộng cũng phẳng. Ngó bên

này có con suối Nậm Pít chảy đến. Ngó bên kia có con suối Chà Lam chảy ra. Hai bên Chè Lè đất trời lúc nào cũng sáng bạc như hai bãi muối. Từ đây nhìn thấy Kắm Muộn, thôn Boi liền nhau như tờ giấy, thấy nước ở suối Nậm Quya có vàng, lũ làng không đắp mương phai mà nước cứ chảy vào ruộng. Rồi thấy cả Quang Phong, ruộng nương nằm vành theo triền núi, vừa bậc thang, vừa uốn khúc,...

— Ta nhìn xem nhiều lối. Mường chi có lồng gà nhỏ thường treo ở cọc sào?

— Tôi nói đó là mường Xiềng Khó và mường Chai. Có ngày ta sẽ bước qua Pù Tén đi đến đền Thánh...

— Ta lại nhìn xem các nẻo. Mường chi có cảnh mạn đến chắn cảnh đào?

-- Tôi nói đó là mường Tháng và mường Lự. Người ở hai mường này hề có chuyện xích mích thường trở thành giặc của nhau.

— Mường chi đầu bản có cây móc, giữa bản có cây cam?

— Mường ấy, tôi nói là bản Toong và bản Bon. Tạo mường đã khéo cùng dân bản xây dựng bản mường nên ngắm bên nào cũng đẹp, ngó bên nào cũng xinh.

Đôi yểng vừa bay trên trời cao vừa hỏi đáp về các bản mường ở Quỳ Châu. Bãi cỏ vắng có bụi hồng rùm ròa, người qua lại thường nghỉ chân đây rồi.

— Bản Luộc của nàng Ôn La đấy, ta hãy giữ sao cho khỏi bị tên nỏ của người bắn lên. Yểng chồng nói với vẻ lo âu.

— Đừng vội lo chi. Tôi đã thấy cơn đông sắp dâng lên hoặc cơn gió Lào sắp thổi đến làm cho hoa « xươg rỗng » rơi rụng. Trời oi bức. Đàn bồ câu của nàng Ôn La từ trong bản sắp bay ra uống nước. Ta sẽ nhập đàn rồi cùng bay vào.

Ngay lúc đó, cơn gió Lào ào ào thổi đến. Hoa « xường rồng » rơi lả tả. Hoa ban cũng đưa mùi thơm ngan ngát. Bỗng đàn bồ câu của nàng Ôn La bay ra rồi sà bên bờ suối. Uống nước xong, chúng đậu ở vách đá cheo leo. Đôi yểng bay tới nhập đàn. Bay vào bản được rồi, chúng đậu trên ngọn cây cọ sum sê rồi vút tới một cây cao cao.

— Nhà đằng trước có cây bưởi là nhà nào ? Nhà đằng trước có cây săng lẻ là nhà nào ? Nhà đằng trước có cây dẻ là nhà nào ? Nhà có cây dừa là nhà nào ? Yểng chông hỏi.

— Nhà đằng trước có cây bưởi là nhà chùa. Nhà đằng trước có cây săng lẻ là nhà quan. Nhà đằng trước có cây dẻ là nhà tạo. Còn nhà có cây dừa là nhà nàng Ôn La. Nàng Ôn La ông chủ ta chưa biết mặt mà đã sai ta đi hỏi làm vợ rồi đó.

Đôi yểng bay vào nhà nàng Ôn La rồi đậu trên xà nhà. Chúng nhìn phía trong thấy một dãy khung cửi dệt chẵn, nhìn phía ngoài thấy một dãy khung cửi dệt tơ. Cái khung dệt đẹp hơn cả, có go cửi xinh xắn hơn cả chắc là của nàng Ôn La. Đôi yểng nhích vào tý nữa, đến bên buồng. Nàng đi nương hay đi rừng mà không thấy bóng ? Bỗng một cô gái trẻ cầm cái ống nước đứng ở trước cửa nói rằng : « Nàng Ôn La đem người đi cấy tại đám ruộng lớn nhất ở bản Chiềng Ván ».

Vừa lúc đó, nàng về. Đôi yểng đưa mắt ngấm nhìn, thấy những ngón tay thon nhỏ của nàng như có ai lấy dao vót, thân hình của nàng trong trắng như hoa ban mới nở, mềm mại như cây tràm mới mọc giữa rừng. Cánh tay của nàng cũng thon tròn như chiếc vòng tay bạc. Cô nàng đẹp lắm. Chẳng thế mà tám tiếng vắng đến tai cả ông chủ mừng ta !

Ôn La ngồi ở cạnh cửa vào buồng. Một đàn con gái nhộn nhịp đi dọn cơm cho cô nàng ăn. Ăn no rồi, cô

nàng liền nhai trầu. Sau đó cô nàng trèo lên khung cửng ngồi dẹt tơ. Đôi yểng từ trên xà nhà bay xuống đậu ở thành khung cửng. Chúng ngắm nàng lần nữa rồi cất tiếng nói : « Nàng Ôn La ơi, chúng tôi đem thư của ông Hiền Mương tận xứ Quí Châu, chủ chúng tôi, đến cho nàng ».

Ôn La liền ngoảnh mặt vào nhà trong hỏi mẹ : « Mẹ ơi, đã bao lần con ngồi lên khung cửng dẹt mặt chần, dẹt tơ vàng, dẹt hoa rường, nhưng từ ngày lớn lên, con chưa bao giờ bị cảm sốt. Sao hôm nay thấy đôi yểng bay tới đậu trên thành khung cửng, chúng chạm phải vai áo con và biết nói như người ; thấy loài quỷ quái này, con liền gai gai muốn sốt. Không biết ma gì ở đâu đến làm hại con hay là ma ở bản mường ta. Mẹ hãy lấy áo ngắn của con đi bói xem con ma nào định hại con ».

Mẹ cất tiếng nói rằng : « Con yêu con út của mẹ ơi, con mẹ bị sốt à ! Trong bản ta có ông mo biết đoán như mắt thấy con dao cắt lá, mẹ sẽ đi bói ngay xem ma gì đã làm cho con của mẹ bị cảm sốt ». Nói xong mẹ cất tiếng gọi :

— Các cô gái và các chàng trai trẻ của ta ơi, hãy cầm chiếc áo của con gái ta xếp vào giỏ rồi lấy cau trầu đi đến nhà ông mo để bói giúp ta.

Một đoàn cô gái và chàng trai liền bước xuống cầu thang rồi đặt chân lên đất, họ đi ra khỏi bờ rào rồi tiến đến nhà ông mo. Nhà ông mo dựng giữa bản làng, xung quanh có rừng cau cao ngất tỏa những bóng dài xuống các mái nhà. Những bụi dừa gai xanh mượt bao kín khu vườn rộng. Nhà ông mo đẹp nhất bản. Người đến bói đông không kể xiết. Dưới trần gian xa gần ai cũng cho ông mo này đoán giỏi nhất. Đoàn trai gái trèo lên cái thang gỗ chắc, bước qua khung cửa rồi vào nhà. Ông mo mời hỏi rằng : « Các cô gái và

các chàng trai kia ơi, nhà chưa quét để tôi quét, chiếu chưa trải để tôi trải, tôi sẽ tìm ghế cho các người cùng ngồi ». Ông mo cầm tay chào từng người hỏi có khỏe không? Ai nấy đều giơ tay lên. Rồi nói rằng : « Có việc chẳng lành, chúng tôi mới đến đây. Cha và mẹ của cô nàng cũng hãy còn khỏe, còn ngồi đủ chung quanh mâm cơm. Ngay cô nàng, ngày ngày vẫn cố ngồi, cố ăn, cố cầm đũa. Trưa trưa cô nàng lên khung cửi dệt. Nhưng không biết ma gì ở nơi đây đến gây quái gỡ cho cô nàng. Trưa hôm nay, tự nhiên có đôi yểng vàng đến đậu trên thành khung cửi, cô nàng liền bị cảm sốt... »

Ông mo lần cái áo rồi khéo đếm ngón tay. Đếm xong ông cười rồi vỗ tay cười to hơn : « Đôi chim đó không phải chim xấu mà là chim tốt, chim của tạo mường ở Quý Châu có nhà chín gian, có vồng vàng. Chúng đến để trao thư và ngắm nàng Ôn La thay chủ. Nhưng không biết rồi thế nào đây? Nàng có được đi xứ lạ thăm tạo mường, có được đến Quý Châu chung buổi giữ việc hông xoi, chung cúng then với tạo mường không? ».

Ông mo vừa nói xong, các cô gái đều chảy nước mắt. Ông mo lại nói rằng : « Cứ đứng dậy đi, cứ về đi, bảo nàng Ôn La tìm chum rượu có hoa đem ra cầu vía cho chim, rồi sẽ thấy ở đầu cánh của nó có chữ, ở kẽ đuôi của nó có thư của Hiền Mương gửi đến thăm, có quà của Hiền Mương gửi đến tặng, có gói trầu của Hiền Mương gửi đến trao ».

Các cô gái, các chàng trai đứng dậy, gấp lấy áo và chào ông mo. Ông mo chào lại : « Các người đứng dậy, các người đi, các người về để xem thứ nếp ngon mùa hè có hợp với ruộng lầy không ».

Đoàn trai gái ra khỏi nhà đi qua cánh đồng rồi theo ven mương về thẳng nhà. Họ thưa với mẹ cô nàng : « Cái chum hoa ở dưới giường của ta đâu, cái chum

hoa bên chõng của ta đâu, mẹ ơ? Ta hãy vắn ra cúng
vía cho yểng vàng». Mẹ nàng bảo:

— Các người hãy ra suối chặn nước cho nước chảy
về đầy chạn, rồi lấy ống vác nước đựng ở bên cửa ra
vào. Các người mở cái lá bịt miệng chum rượu, bới
trấu ở trên miệng chum, lấy cái que chọc nhiều lỗ, cắm
những cái cần thật đẹp vào. Sau cùng các người đổ
nước cho đầy miệng chum. Nhớ lấy chiếc xanh đồng ra
để đựng nước, đựng gạo, đựng « phong ». Nhớ mời
đôi yểng vàng đến thăm nàng Ôn La ngồi giữa chiếu.

— Nhà ta nghèo lắm, chỉ kiếm được một vò rượu con,
xin mời đôi yểng cúng ma của tào chủ ở Quý Châu cho.

Đôi yểng thưa rằng: « Trời sinh ra cây trúc, cây trúc
không thể làm máng. Chúng tôi loài chim muông đâu
biết cúng rượu. Xin nhường các cụ già ở bản mừng
ta đến cúng rượu ». Nàng Ôn La nói lại rằng: « Cá ở
dưới sông đâu dám cưỡng lại chài, đã là ông mo
đâu dám chối lời khi người ta nhờ ». Đôi yểng phải
cúng rượu:

— Tuần một cúng cho mọi ma ở Chiềng Ván mừng
Luộc, quê của nàng Ôn La đều về cùng uống rồi phù
hộ cho mọi việc tốt lành.

— Tuần hai cúng cho các tổ tiên đã chết từ lâu hãy
về cùng uống để phù hộ cho chúng tôi đi lại được
bình yên.

— Tuần ba cúng cho các ma ở đền chín gian quê của
chúng tôi cùng uống để phù hộ cho mọi điều đều
tốt lành,

— Tuần bốn cúng cho ma của ông cai mừng cũng
về uống để đừng sinh những chuyện lời thòi.

— Tuần năm cúng cho con gà trống có cựa vàng,
đem thường cất tiếng gáy giống giả cũng về uống để
phù hộ cho chúng tôi khỏi gặp những chuyện không may.

— Tuần sáu cúng cho những con hoẵng ở trong rừng cũng về uống để khi chúng tôi đi đường đừng chạy ngang trước mặt vì đó là điềm không tốt.

— Tuần bảy cúng cho những con ve trên cành cây rừng cũng về uống để đừng cất tiếng than sầu não vì đó là điềm gây những chuyện đau buồn cho ta.

— Tuần tám cúng cho con dù di kêu tiếng rủ rì ở chân bản trong những đêm khuya khoắt cũng về uống để đừng gây những điều rủi ro.

— Tuần chín cúng cho con cá ở dưới sông hay về lượn chơi ở bên nước thường quấy đuôi làm đục dòng suối cũng về uống để làm sao trong khi chúng tôi đi sang xứ lạ trở về, trên đường đừng gặp xác con cá, đừng thấy xác con từ quy, vì đó là những điềm không may mắn.

Cúng xong, chim bỏ cần để các chàng trai, các cô gái trẻ chen nhau nếm thử rượu. Rượu vừa đắng vừa ngon. Ai nấy đều ngồi quanh chum rượu. Uống rượu lượt thứ nhất chưa nói. Uống rượu xong lượt thứ hai, đôi yểng mới tháo giấy ở kẽ đuôi, gỡ thư ở đầu cánh, trân trọng đưa cho nàng Ôn La để nàng đọc tiếng đảm thắm của Hiền tạo gửi sang. Ôn La cất tiếng gọi rằng: « Ai biết chữ lại đây đọc chữ! Giấy này của ông Hiền tạo ngài gửi đến, chữ này của ông Hiền tạo ngài gửi trao ».

Thư nói rằng: « Sáng trắng không bằng sáng đèn. Ai đẹp cũng không bằng nàng Ôn La, ai khéo dệt tơ, dệt mặt chăn cũng không bằng nàng Ôn La ở nương Luộc, Chiềng Ván. Muốn được nàng về cùng nhà cửa với tạo. Muốn được nàng về sống chung một buồng để cùng cai quản bản nương với tạo ».

Nhìn vào mặt cô nàng, má đỏ hây hây, miệng nhoẻn nụ cười duyên dáng. Nàng nói rằng: « Yểng vàng ơi, muốn được ta về chung buồng với chủ người, hãy về thưa với Hiền tạo rằng: tìm cho được mười cục bạc,

chín cục vàng to bằng chín cục đá bắc bếp. Cửa ấy đất, cửa ấy hiếm nhưng cửa ấy phải có. Rồi tìm cho được cái màn tơ đất hơn thoi vàng, tìm cho được ba chục ống thịt chim chích chua ở trên rừng, ba chục ống thịt diệc chua ở ngoài đồng. Ngoài ra còn phải tìm cho được ba chục sọt thịt khải⁽¹⁾ chua, ba chục nốc⁽²⁾ thịt rồng chua. Tìm đủ từng nấy Hiền Mương sẽ đến dạm ta ».

Đòi yềng vàng tìm lời dịu dàng thưa với nàng rằng : « Nhà ông Hiền Mương chủ chúng tôi có cánh cửa bạc, có cánh cửa vàng; có cả vại bạc, có cả vại vàng để trong buồng ngâm gạo, lại có cả ống nước bằng bạc, ống nước bằng vàng để mức nước ngoài suối. Hôm chúng tôi ra đi, Hiền Mương đã sai trai gái đem bầy vào rừng để tìm chim chích, vác bầy ra đồng để tìm chim diệc. Phía trên, Hiền Mương đuổi chim từ ngọn nguồn sông Mã, phía dưới từ cửa sông Năm Khoong. Hai bên lùa lại thấy chim phượng hoàng đầu đỏ, chim kè kè đầy chồng lên nhau, chim cu xanh hay gù, chim cú mắt tròn, chim khướu đầu bạc, con « ồn ọc » hay nằm dưới đất,... cũng đến. Chỉ con chim đại bàng thường bay qua chín ngàn bến và bay cao đến bốn vạn cánh tay là đập cánh nhìn bầy Hiền Mương rồi bay đi. Bởi vì bầy của ông Hiền Mương tôi đã đứt dây. Hiền Mương đã lấy cau vào đĩa hoa, tằm trầu vào đĩa xanh, đi lên trời mượn con diều có chân sắt mỏ đồng, gáy kêu như sấm động. Nó sẽ giúp Hiền Mương tôi níu con đại bàng lại.

« Để có ba chục sọt thịt khải chua, Hiền Mương tôi đã cầm nỏ đứng chờ lối hổ thường về rừng, đứng chắn lối hổ thường ra rừng. Tối đến, con hổ sắp đi ra lối cũ, mắt nó sợ sệt dò xét. Vừa lúc đó Hiền Mương chủ tôi giơ nỏ lên, bắn trúng đầu hổ con. Nơi chết không

(1) Thịt khải : thịt hổ (B.T).

(2) Nốc : thuyền (B.T).

chết, hồ con nằm chết tại bụi dong, sẵn có lá để lót sọt. Hiền Mương bắn trúng cả con hồ mẹ. Chỗ chết không chết, hồ mẹ nằm chết tại bụi nứa, sẵn có nan để đan sọt.

« Bây giờ chỉ còn ba chục nốc thịt rồng chưa. Ông Hiền Mương tôi đã cho người vào rừng chặt củi đốt than. Than không bén lửa không lấy. Than cháy chậm không lấy. Than tre, than nứa tro chóng tàn cũng không lấy. Chỉ chặt những cây gỗ chắc, gốc bằng gốc luồng, rồi dùng bó đuốc đốt lên thành than. Khi tưới nước, nước ở bên đồng và nước ở dưới bến không lấy, nước ở vũng ao trâu hay tắm cũng không lấy. Chỉ lấy nước trên ngọn núi đá từ nguồn sông Mã chảy về. Hiền Mương tôi bảo các cô gái, các chàng trai trẻ của mình rằng: « Chặt lấy nứa, chặt lấy tre chẻ nan cho khéo để đan sọt. Rồi lên núi đập đá, xếp đá cho khéo, đừng đập đá to, đừng xếp đá to, đá sẽ không thành vôi. Tiếp đó, vác cái xuống (thuồng), cái xẻng để đào lò. Hãy đào đất ở trần gian, đào thành cái hố. Hố đào xong, xếp đá vào lò, hòn nào to để dưới, hòn nào nhỏ để trên, ở giữa bỏ than, ở dưới cùng cũng bỏ than, trên cùng lấp bằng than. Hãy lên trời giạt lấy cái bê thụt đem về thổi lửa. Nung nhiều ngày, đá sẽ thành vôi. Vôi chín trông đẹp lắm.

« Xong đâu đấy, Hiền Mương tôi bảo các cô gái các chàng trai trẻ của mình rằng: « Hãy lấy vôi trong lò bỏ vào chiếc thuyền to nhất rồi chống thuyền lên sông Nậm Nấu, sông Nậm Nấu chảy vào sông Mã. Đổ vôi xuống nguồn sông Mã, đổ vôi xuống cả nguồn sông Đà. Cá chết nổi lênh trên mặt nước. Rồng cũng chết nằm ngổn ngang trên mặt nước. Sẵn nốc đó, vớt từng nốc đem về, ủ thành thịt chua, đem trao cho ông mỗi ».

Ông mối (tức yểng vàng) khéo nói, mẹ nàng vừa ý lắm, bảo nàng Ôn La nghĩ sao. Nàng liền nhoẻn miệng cười.

Nàng nói rằng: « Hiên Mương đã cho người đến đây thăm con, bước sang xứ lạ hỏi con. Con có chiếc chăn dệt hoa, muốn tặng ông Hiên bên Quý Châu có nhà chín gian, để ông Hiên ngắm thay mặt con, may ra số con khá từ ngày còn nhỏ, sẽ được làm dâu đất mường Nọc chẳng !

« Chăn này có dệt chùm hoa dẻ vàng, hoa ban trắng. Chỉ thêu cũng bóng trông rất đẹp. Đây là của quý. Mẹ tôi đã bao công phu dạy tôi dệt để ngày lấy chồng... Yểng vàng ơi, hãy đem về trao tận tay Hiên tạo yểng nhé. Chủ người không ưng, đừng vút vào lửa, lửa sẽ cháy; đừng vút xuống nước, nước sẽ cuốn trôi đi; đừng vút vào cát, cát sẽ vùi. Không ưng, xin gửi trả lại cho chủ nó, yểng vàng nhé ».

Ôn La nói xong đưa chiếc chăn cho yểng cầm, nàng khay trầu mời yểng xơi.

Đôi yểng ăn trầu xong, cất tiếng thưa rằng: « Hôm chúng tôi đi, chúng tôi đã bỏ bầy con ở nhà không ai giữ, bỏ kho vàng kho bạc của ông Hiên không ai trông. Chúng tôi sẽ đem tiếng nàng về thưa lại với Hiên tạo, nói lại với mọi người trong bản !

Đôi yểng vàng nói xong liền vỗ cánh bay lên bản trời Chiềng Ván, mường Luộc. Ôn La lại cất tiếng nhắn thêm rằng: « Yểng vàng ơi, bay cao để ta ngắm, bay thấp để ta trông, bay vòng quanh quê ta rồi hãy bay về. Yểng thấy mường chỉ có chín núi đá chụm lại thành cụm, có chín con voi quây đầu lại với nhau. Đó chính là mường Nọc, Quý Châu, từ nay đã thân thiết với ta đó ».

Yềng vàng biết rõ đâu là quê hương, bay lướt thẳng về Quỷ Châu đến đậu ở cây quế thơm trên núi Pù Vai Nhàng rồi bay vào nhà Hiền Mương, đứng giữa chiếc chiếu dệt bằng vàng.

Được tin yềng vàng về, nghìn nghìn giống chim muông, con nào cũng đến xúm quanh. Hiền tạo mặc bộ quần áo đẹp nhất rồi đến trước mặt hỏi rằng : « Yềng vàng của ta ơi, ta cho yềng đi xư lạ, có đến nhà nàng Ôn La không ? »

Yềng vàng xin thưa rằng : « Lạy chủ Hiền Mương, chúng tôi không những đến nhà mà còn mang về theo chiếc chăn hoa. Đó là quà nàng Ôn La gửi qua xư lạ, xin trao lại cho chủ ».

Tạo Hiền mang cái khăn ấy vào buồng trong nâng niu ngắm nghía để thấy hình dáng nàng Ôn La, để may ra giống nếp thơm mùa hè có hợp với ruộng lầy chăng ? Hiền Mương nở nụ cười rạng rỡ cả khuôn mặt, rồi lấy cái dùi gỗ vào cái chiêng to nhất, đánh vào cái trống đồng đẹp nhất. Dân trong mường không biết Hiền Mương gọi có việc gì. Tất cả đều có mặt. Ông cai bản Đô, ông cai bản Giang, ông cai mường Hin, ông cai bản Phạm cũng đến.

Hiền Mương nói với mọi người rằng : « Hãy ra bến nhìn xem chiếc thuyền lớn, chiếc thuyền rồng có ở bãi cát bên sông không ? Các người hãy lấp lá vào đàn mui rồi sắp sẵn chiếc chài bằng tơ. Nhớ lấy cả cái nỏ hai dây có cái lẫy bằng đồng bắn mỗi phát hai tên. Phải chọn mái chèo thon như lá nira và cây sào tròn dài như cây cờ. Lấy cả cơm chín để ăn buổi trưa và buổi tối. Cơm để vào ép. Thịt chua bỏ vào ống. Lấy quần lấy áo. Những đồ sắm sửa để làm khách đi xa của ta đâu ? Quai nón đào dành đi xư lạ của ta đâu ? Để cho cô nàng ngắm ! Để cho cô nàng nhìn ! ».

« Các cô gái, các chàng trai trẻ của ta ơi ! Ta sẽ xuống thuyền rồi rời xa bến, đi qua các cồn cát bên sông. Đuôi thuyền thì để đồ đạc, đầu thuyền thì để trầu cau

Giữa thuyền ta ngồi. Ai khéo lái ngồi lái trên sắp thuyền đằng đuôi. Ai biết chống đứng chống đang mũi. Chống thuyền trôi theo nước, đưa thuyền lướt qua ghềnh về xuôi. Ghềnh nào có con cá con cua lập lờ chồn vờn là ta giăng lưới. Ở giữa sông thì ta quăng lưới chài. Cua cá sợ chui vào bụi vào bờ thì ta quăng lưới dày. Cua cá chạy ra mắc lưới sẽ vào tay ta ».

Hiền Mương nói: « Tại sao cua cá đến đây gây điều không lành cho ta. Ta sắp đi tới xứ lạ Chiềng Ván mừng Luộc ». Một con cá nói rằng: « Xin lay ông và thưa ông! Ông trời sinh ra tôi bảo tôi bơi ở đây tôi phải bơi ở đây. Ông trời bảo tôi xuống tôi phải xuống dưới nước. Trưa trưa tôi rúc vào khe đá để tìm mồi. Xin ông hãy tha cho tôi ». Con cua cũng nói rằng: « Ông trời sinh ra tôi bảo tôi bò ở đây tôi phải bò ở đây. Trưa trưa tôi rúc vào các khe đá để tìm mồi. Xin ông hãy tha cho tôi ». Hiền Mương nghe xong thả cua về với đồng, thả cá về với sông rồi tiếp tục đưa thuyền lướt đi.

Thuyền lại qua bao thác bao ghềnh, nhìn thấy con sóc ăn quả bồ quân, con chồn hương ăn quả sấu, Hiền Mương nói:

— Ở đâu chiếc nỏ của ta ơi, lại đây để ta bắn con sóc, lại đây để ta bắn con chồn hương.

Một mũi tên trúng vào bụng con sóc. Một mũi tên xuyên qua chân con chồn hương. Chúng liền rơi xuống đất. Hiền Mương cầm lấy và nói: « Tại sao các người lại gây điều không lành cho ta? Ta sắp đi sang xứ lạ để gặp nàng Ôn La ». Con sóc thưa rằng: « Lay ông và thưa ông, lay các ông già và tất cả mọi người, ông trời bảo tôi xuống tôi phải xuống. Sáng sớm tôi leo cành cây ăn quả. Buổi trưa tôi nhảy cành lá tìm mồi. Tôi cùng người yêu ăn quả rừng thay cơm, xin ông và tất

cả mọi người tha cho ». Con chồn hương cũng thừa như vậy. Hiền Mương thả con sóc về với cánh, thả con chồn hương về với cây rồi nói :

— Các cô gái và các chàng trai trẻ của ta ơi ! Véo von nghe tiếng sáo ai thổi, trầm trầm nghe tiếng đàn môi ai gảy. Ta cứ chống thuyền lướt qua ghềnh, cho thuyền băng qua thác. Thuyền ta xuống đến Nậm Chám. Ta đưa thuyền đi men theo bãi cát ở bên sông. Ta đẩy thuyền qua bao đoạn nước réo. Thuyền đến mừng Lự, đậu đề đây. Ta gửi thuyền lại cho ông cai mừng, ai đi qua mượn đừng cho.

Hiền Mương hỏi đường : đường đi Chiềng Ván đường nào dễ đi ? Ông cai bản nói rằng : đường đi qua chân bản, rừng có nhiều cỏ sắng rậm rạp lắm. Hãy theo đường có nhiều cây luồng bóng mát che phủ lúc nghỉ chân.

Hiền Mương đi theo con suối đến Chiềng Ván mừng Luộc. Đến nơi, Hiền Mương sai hai cô gái trẻ vào báo cho cô nàng biết trước và chào cô nàng. Cô nàng cất tiếng chào lại, không quên chào cả « ông » mới : « Hôm bước chân ra đi, tất cả bản mừng có được mạnh khỏe không ? ».

Chào xong, hai cô gái trở ra. Dọc đường hai cô bàn với nhau rằng : « Ta sẽ làm sao đây cho cô nàng xa cách Hiền Mương ». Ôn La chạy theo hai cô nhắc thêm : « Hai cô trở về gặp Hiền Mương gửi lời chào thay ta ». Hai cô nói : « Lạy nàng và thưa với nàng, nàng cho chúng tôi thay lời về chào với ông, chúng tôi phải gửi lời. Nàng ơi, ông chủ của chúng tôi, khôn thật có khôn, giàu thật có giàu, song ông chủ chúng tôi không đẹp, nàng không chê thì nàng về với ông... »

Ôn La đứng sững lại, mắt đắm đắm...

Hiền Mương liền nói với các cô gái và các chàng trai trẻ rằng : « Hôm ta đi không mỗ trâu đen để cúng

ma, không mỡ trâu bạc để cúng đền, nhưng sao con trâu thui cháy lông cháy da lại đứng đây ăn cỏ, sao con gà luộc cạn ba lần nước lại vỗ cánh bay đi, không biết ma gì ở dưới trần gian đã gây điều không tốt lành cho ta » ⁽¹⁾.

Hiền Mương vào nhà Ôn La. Nàng ở mãi trong buồng kín. Tủi hổ, Hiền Mương bỏ ra về. Chàng hát mấy câu từ biệt. Chàng hát hay quá. Tiếng hát trầm trầm tha thiết. Tiếng hát buồn ngùi cảm động. Chàng đi đã xa, gió rừng còn đưa tiếng hát lại, Ôn La ra cửa, nhìn theo. Nàng không biết nàng bị tiếng hát lôi cuốn từ lúc nào. Hiền Mương cười voi. Voi đi chậm rãi từng bước một. Ôn La trước còn trông thấy cả con voi sau chỉ trông thấy lưng Hiền Mương, rồi mất hút. Nhưng tiếng hát vẫn vẳng lại. Nàng với nhìn theo, không may sẩy chân, từ trên nhà sàn rơi xuống đất. Nàng chết, ôm theo một mối hận tình.

NINH VIẾT GIAO sưu tầm
ở Quế Phong, Quỳ Châu. N.A

(1) Có người nói chuyện chỉ đến đây là hết. Đoạn sau là truyền thuyết mới thêm thắt vào.

CHÀNG CHỒN

Ngày xưa ở vùng mừng Khay có một ông châu mừng giàu có sinh được chín người con gái. Tám cô đã lấy chồng. Chỉ còn cô Lả, cô gái út, được cha mẹ cưng nhất chưa lấy ai. Đã hai ba chàng trai trong vùng đến nhòm ngó. Chàng trai nào châu mừng cũng ưng, nhưng cô Lả từ chối.

Một hôm cô Lả đi thăm rừng mét (luồng) của nhà mình. Từ xa bỗng vọng lại một điệu sáo kỳ lạ, nghe như nhắn nhủ như mời chào, nghe du dương gợi thương gợi mến. Tiếng sáo khi xa khi gần, khi trầm khi bổng. Cô Lả đứng lặng người nghe. Rồi cô đi theo phía có tiếng sáo. Cô đi loanh quanh mãi, chim chóc trong rừng ngừng liu lo và bay theo cô. Hươu, nai, vượn, khỉ... cũng hớn hờ tinh nghịch đi theo cô. Đến một suối nước trong veo, cô thấy một chàng trai, mặt mũi khôi ngô, ăn mặc bình thường, đang ngồi tựa gốc cây thổi sáo. Nước suối chảy róc rách như đệm cho tiếng sáo của anh. Cây cối chao mình đung đưa như cảm thông với nỗi niềm trong tiếng sáo. Cô Lả mãi nghe, lòng ngây ngất. Tiếng sáo vừa dứt, cô đánh bạo đến bên cạnh chàng trai. Kể sượng sùng, người e lệ. Phút đầu im lặng qua đi. Họ chuyện trò cùng nhau. Chàng là thánh Chồn. Thời gian trôi nhanh lúc nào không biết. Mặt trời vừa đứng đỉnh đầu thế mà bây giờ đã sắp khuất sau rặng núi trước mặt. Thánh Chồn chào cô Lả ra về. Nói xong chàng liền biến mất. Bên cạnh nàng

bồng có một con chồn. Con chồn nhìn nàng quyến luyến. Cô Lả bâng khuâng trở lại nhà. Tiếng sáo tha thiết bồi hồi lại vọng lên quẩn quít như bịn rịn tiễn cô đi.

Từ đó cô Lả ăn ngủ thất thường, khi cười nói say sưa, khi âm thầm đứng lặng nhìn về phía rừng, nơi có tiếng sáo hôm nào. Cha mẹ cô không hiểu, tưởng là cô bị ma bắt, đón thầy mo về cúng. Người cô gầy đi. Đã mấy lần cô vào rừng, đến tận dòng suối đã gặp chàng trai thồi sáo chuyện trò. Suối vẫn chảy, cây rừng vẫn đứng đưa... nhưng thánh Chồn không thấy.

Ngày ngày, cô ngồi bên bếp, đăm đăm nhìn ngọn lửa.

Rồi một hôm tiếng sáo kỳ lạ bỗng vút lên. Tiếng sáo hôm nay nghe sao náo nức như gửi gắm, như chia xẻ nỗi lòng, như rủ rê. Cô Lả xuống cầu thang. Mặt cô tươi tỉnh hẳn lên. Cô chạy nhanh về phía có tiếng sáo. Cha mẹ cô rất ngạc nhiên, đưa mắt dõi theo. Cô chạy, chạy mãi. Lạ chưa, tiếng sáo hình như ở trước mặt mình mà cô đuổi mãi không được. Cho tới cái bờ suối hôm nọ, dưới gốc cây, thánh Chồn đang ngồi thồi sáo. Nàng Lả không kìm được lòng mình, ôm chầm lấy chàng, mắt nhắm nghiền, miệng thốt ra những lời thổ lộ than trách móc lẫn những lời chờ đợi nhớ nhung. Đến khi nàng mở mắt ra thì trước mắt nàng không phải là chàng trai thồi sáo mà lại là con chồn. Nàng Lả bỗng con chồn về nhà. Cha mẹ nàng thấy vậy vừa buồn cười vừa thương con, càng cho là nàng bị ma ám. Nhất là khi cha mẹ nàng định đem con chồn làm thịt, nàng nói: đây là chồng con, thì lại càng lo cho số phận của nàng hơn. Làm ba lợn, đón thầy về cúng, nàng vẫn thế. Làm chín lợn với một trâu, đón thầy mo khác tài giỏi hơn về cúng, nàng cũng vẫn thế. Ngày đêm nàng quẩn quýt bên con chồn, thương yêu ấp iu con chồn. Tức giận, nhiều hôm cha mẹ nàng chửi rửa nàng, nàng lặng lẽ chịu đựng.

Một hôm ông châu mừng gọi tất cả các rề đến, giao cho mỗi người ba chục con trâu để mai đi dẫm ruộng. Ai cho trâu dẫm xong một mẫu trong một buổi sẽ được ông cho toàn bộ tài sản và được ở ngay trong nhà ông. Nàng Lả lo lắng đưa cặp mắt thất vọng nhìn con chồn. Đêm hôm ấy thánh Chồn hiện thành chàng trai thối sáo bảo vợ: « Nàng cứ nhận ba chục con. Sáng mai ra ruộng, nàng lấy chạc (dây thừng) buộc mũi con trâu đầu đàn cho chắc chắn nhé ». Sáng hôm sau, tám anh rề kia đập trâu ra ruộng thì trâu chạy lung tung, hò được con này, con kia trốn đi ăn cỏ. Tại khoảnh ruộng bên bìa rừng, Chồn chạy trước, miệng cắn lấy chạc mũi con trâu đầu đàn, hai mươi chín con khác đi theo. Đến trưa, phần ruộng của Chồn đã xong. Tám anh rề đều lấy làm lạ. Cha mẹ nàng cũng lấy làm lạ.

Ông châu mừng lại muốn ăn thịt nai. Ông đưa cho mỗi chàng rề một bộ lưới và bảo vào rừng đi săn nai. Tám anh rề mỗi người vào một khu rừng. Họ săn hết ngày nọ qua ngày kia mà chẳng được con nai nào. Thánh Chồn cũng bảo vợ xách bộ lưới đi vào rừng. Tới một khu rừng có nhiều dấu chân nai, Chồn bỗng hiện thành một lực sĩ, chàng cầm cái áo giũ lòng ra, mỗi cái lòng biến thành một người lính. Chàng căng lưới rồi cho lính đi lùa trong rừng để lùa nai. Hết buổi sáng, chàng đã săn được hàng chục con nai. Thánh Chồn thu quân rồi lại biến thành chồn. Lần này cha mẹ nàng Lả rất bằng lòng. Nhưng cứ thấy con chồn chạy lon xon lại ngậm ngùi ngao ngán nên châu mừng chưa muốn cho toàn bộ tài sản như đã giao hẹn.

Bỗng có tin quân giặc đến cướp phá các bản xung quanh vùng mừng Khay. Chúng sắp kéo đến bản của châu mừng. Châu mừng rất lo sợ. Ông đã cho dân bản cùng các con rề canh gác ngày đêm. Khi nghe tin quân giặc đã kéo đến mấy bản trên, chúng đốt nhà, giết người, bắt trâu, cướp của, châu mừng càng lo sợ

hơn. Gọi vợ chồng anh Chồn ra, châu mừng hỏi : « Các con có thể cứu ta lúc này được không ? » Chồn gật. Đêm tới Chồn hóa thành người, báo vợ : « Nàng hãy nói với cha, kiếm cho ta một nghìn giáo sắt và một con ngựa ». Châu mừng vội vã cho người đi rèn giáo sắt và ngựa quý.

Quân giặc tới, Chồn lại cởi áo rū lông ra. Và như lần trước, mỗi cái lông lại biến thành một người lính. Có điều lần này lâu hơn, hăm hở hơn. Họ cầm giáo sắt ra trận. Thánh Chồn cũng nhảy lên ngựa phi ra trận. Chàng đã chỉ huy đoàn quân của mình đánh tan bọn giặc trong chốc lát.

Chàng thu quân nhưng không mặc áo lông chồn vào người nữa. Oai nghiêm trên lưng ngựa, chàng trở về trong nỗi mừng vô hạn của dân bản, của châu mừng. Châu mừng cho chàng được hưởng toàn bộ tài sản. Chàng và nàng Lả sống hạnh phúc bên nhau. Từ đó, những buổi chiều hôm hay những đêm trăng sáng, tiếng sáo của chàng lại cất lên ngân nga, dìu dặt, đắm thắm, yêu đời.

Soạn theo tài liệu của đồng chí
LƯƠNG PHÒNG và có sưu tầm
thêm ở xã Bồng Khê

NINH VIẾT GIAO

LÚA CHÀNG NAI

Có một người đàn bà góa chồng ở vùng Thanh Nga, Gia Hội bây giờ, một hôm vào rừng đào khoai mài, thấy vũng nước nai thường uống, khát, bà uống một ngụm. Ai ngờ bà có thai. Dân bản tra hỏi, bà nói thật sự tình. Dân bản nói: « Nếu đẻ ra người, thì bắt vạ, nhưng nếu khi đẻ ra có dấu vết gì của nai thì tha cho ». Bà lo lắm. Đến ngày sinh, bà sinh ra một mớ búng nhùng tựa như lòng nai. Mớ lòng nai ấy dần dần lớn lên thành một cậu con trai, bà đặt tên là Nai.

Khi biết nói, Nai hỏi: « Cha tôi đâu? ». Bà con dân bản nói: « Cậu lâu cô lố, không có bố mà cà, không có cha mà lớn ». Mẹ chàng đáp: « cha con là vũng nước nai uống trong rừng ».

Nai đòi mẹ nắm cơm để đi tìm cha. Vào rừng gặp con nai nào, Nai cũng gọi: « Cha ơi! ». Nhưng con nào nghe tiếng Nai cũng chạy vào rú. Cho đến một buổi chiều. Nai mệt lả, gọi khản cả cổ thì có một con nai già chạy lại. Con nai này ngửi ngửi người Nai, rồi cho Nai một cái gạc và dặn: « Dùng cái gạc này bôi rầy, đào gộc làm nương, làm thành ruộng đến đâu thì nói: « ruộng của cha Nai đó ».

Được cái gạc ấy, Nai đem về khoe với mẹ. « Con đã tìm được cha rồi ». Chẳng bao lâu mẹ chàng qua đời. Theo lời dặn của nai già, chàng đem cái gạc ấy ra làm rầy. Cái gạc có sức thần. Chàng mới làm rầy có mấy ngày ở một triền núi mà trước mắt chàng đã là một

khoảnh ruộng lớn. Chàng dùng cái gạc đào bốn cái lỗ bốn bên rồi cắm bốn cái cọc và nói: « Ruộng của cha Nai đó » sau khi đã tủa lúa. Lúa tốt như thổi và cũng lạ thay: không một con thú rừng nào phá hại.

Lúa chín. Chàng gặt không thể nào hết được. Gặt đến đâu bờ nọ thì đâu bờ kia, lúa đã chín rồi; lúa ùn ùn. Nai ngồi khóc. Có hai cô tiên ở trời đang đi bứt lá dâu cho tắm ăn, nghe tiếng Nai khóc, lại hỏi. Biết chuyện, hai cô bảo: « Anh đi bứt lá dâu, chúng tôi gặt lúa cho, gặt đến đâu chúng tôi nút ra lại đến đó ».

Hai cô tiên thoăn thoắt gặt lúa. Nai muốn lấy một cô làm vợ, nên tìm cách giấu hai cánh tiên vào một bó lúa. Gặt xong, hai cô tìm mãi chỉ thấy một đôi cánh, nên một cô bay về đất trời, một cô ngồi khóc. Nai đến bên van vi: « Ở với tôi, đất' người cũng sung sướng như đất trời, có kém chi ».

Sau ba năm, nàng đã có hai con, một gái một trai, đứa biết bò, đứa biết đi. Một hôm, Nai đi vắng, vợ Nai ở nhà đem bó lúa có giấu đôi cánh tiên ra làm gạo. Vừa mở bó lúa, đôi cánh xỏ ra. Nàng cầm lấy, giắt vào mình, tập bay. Hai con cười sảng sặc. Nàng nói: « sảng sặc chi bay, ba ngày vắng mẹ thì bày xương ra ». Làm gạo xong, nàng nấu cháo. Cháo chín, nàng múc ra nhiều bát. Chờ cho con ăn no, nàng dỗ chúng ngủ rồi bay về trời.

Chàng Nai trở lại nhà, không thấy vợ, ngồi khóc. Nhớ vợ quá, chàng bồng hai con hai bên nách rồi đi vào rừng sâu, gọi vợ. Tiếng gọi của chàng thấm thiết. Nai già lại hiện ra. Nai già bảo: « Hãy ngồi lên lưng ta, ta đưa đi tìm vợ ». Nai chạy như bay hết đồng nọ đến núi kia. Chẳng mấy chốc đã đến đất trời. Đến một bản có hoa quả thơm tho, nhà cao cửa rộng, Nai thấy bao cô gái, cô vác nước, cô ôm hũ rượu trấu, cô cầm sáo,... Tỉ tê hỏi, Nai

được một cô cho biết : nay uống rượu trầu và hát mừng một nàng tiên, con vua then mới về đất trời. Đúng vợ mình rồi, Nai nhờ hai cô bồng hai con của mình vào để xin ăn. Hai con thấy mẹ, sà xuống, ôm chầm lấy. Nàng tiên cũng nước mắt đầm đìa.

— Ai đưa các con đến đây ?

— Cha.

— Cha con đâu ?

— Đang đứng ngoài đầu bản.

Nàng tiên bồng hai con, đem tất cả sự thực, thưa với vua then. Vua then thương tình cho nàng được đoàn tụ với chàng Nai ở đất trời. Tiệc rượu mừng hóa thành tiệc rượu cười.

Được một thời gian, chàng nhớ bản làng, nhớ nương rẫy, nhớ cái nhà sàn, nhất là nhớ cái gác của nai già cho đặt bên bếp lửa. Chàng muốn trở về đất người. Mà nàng tiên cũng thế. Nhưng đường xa hiểm trở. Chàng buồn ủ rũ. Chàng khẩn nai già. Nai già hiện ra. Rồi một buổi sáng tinh mơ, sương mù bao phủ đặc đất then, nàng tiên chấp đôi cánh bồng con nhỏ lướt trên không, chàng Nai ôm con lớn trên lưng Nai già. Nai già phi vun vút. Họ trốn đất then.

Về ở đất người, chàng Nai lại ra sức phát rẫy làm nương tủa lúa. Lúa của chàng nhiều vô kể. Ăn không hết; chàng đem giúp đỡ bà con nghèo khó. Chàng giúp bà con bản gần rồi bản xa. Vì thế, dân bản có câu : « Lúa như lúa chàng Nai ».

Soạn theo lời kể của cụ

LANG VĂN NGUYỆT

ở Châu Bình (Quỳ Châu)

NINH VIẾT GIAO

THÁI SẮC SÍA

Có một trận mưa như trút kéo dài bảy ngày liền đổ xuống vùng Quỳ Châu. Làng bản bị ngập trong nước lũ. Nhà trôi, vật chết, dân bản cũng nhiều người bị chết. Những người sống sót dắt díu nhau lên núi tránh lụt.

Nước lũ vừa rút thì nắng cháy đất. Nắng ba tháng ròng. Suối cạn khô, cát nổi lửa, đất nứt nẻ. Nắng cháy cả lá rừng. Dân làng lại phải bồng bế nhau tìm chỗ bên bờ sông, bờ khe để ẩn náu.

Hai bố con một nhà nọ sống trong vất vả, trong đói nghèo. Họ bám riết lấy làng bản để sinh sống. Người bố thấy mình kiệt sức quá nói với con: « Cha chết đây, con giữ lấy cái « sắc sía » (con dao nhọn sắc) này, đâm cá mà ăn ».

Từ đó anh làm nghề đâm cá và dân bản gọi anh là Thái Sắc Sía. Thái Sắc Sía đi hết khe này, suối kia, làm lung vất vả mà kiếm cá không đủ ăn. Một hôm mệt quá, trong giấc ngủ anh mơ thấy trời đổ mưa, nước đầy khe suối, dân bản làm ăn vui vẻ, lúa ngô tươi tốt, chim chóc ca hát khắp nơi, cá tôm rất nhiều tung tăng bơi lội. Tỉnh dậy, anh thấy sự việc diễn ra trước mắt đúng như trong giấc mơ. Anh dùng dao đâm cá, hôm ấy anh đâm được rất nhiều, làm đủ nuôi thân. Những ngày sau nữa, anh đâm được nhiều hơn. Có hôm anh mời bè bạn đến ăn.

Sống no đủ, nhưng anh cảm thấy cô đơn. Anh muốn có một cô gái đẹp, siêng năng để chung sống. Một hôm anh đang ngồi trên chiếc thuyền độc mộc giữa sông để chực đâm cá thì mặt nước nổi sóng, con thuyền chòng chành muốn lật, rồi một con quái vật lừ lừ tiến về phía anh. Thái Sắc Sĩa hoảng quá, anh cầm con dao phóng vào quái vật. Quái vật bị thương, đau quá, giãy giụa làm mặt sông lại tung sóng rồi lặn mất. Thuyền dạt vào bờ, anh nằm mê man bất tỉnh. Lúc dậy, sờ tới con dao thì không còn nữa. Mất con dao như mất cánh tay. Thái Sắc Sĩa thân thờ tìm kiếm bên sông. Nhưng tìm mãi không thấy. Buồn, bảỉ hoại chân tay, anh ngủ thiếp đi dưới một gốc cây. Con khướu, con họa mi, con « tu huyết » thấy anh ngủ say đến thức anh nhưng anh cũng không dậy. Dưới nước bỗng hiện lên hai chàng trai đầu chít khăn đỏ, mình mặc áo xanh, lưng thắt đai vàng, mỗi người vác một thanh kiếm dài, tới lay anh dậy. Thái Sắc Sĩa ngồi dậy. Một chàng trai kể cho anh nghe: « Vua dưới nước thấy trên này trời nắng lên sưởi cho ấm, ở cung Nước lạnh lắm, không may bị một vật gì đâm vào lưng, đau nhói. Vết thương mỗi ngày một tấy lên, không ai chữa được. Trên này có ai chữa được nhờ anh chỉ giúp ».

Thái Sắc Sĩa nhớ lại sự việc xảy ra hôm trước. Anh nói: « Tôi có thể chữa được ». Hai chàng trai mời anh đi ngay. Đường xuống cung Nước rộng và đẹp lắm. Nhà cửa của vua Nước nguy nga tráng lệ. Vừa tới cổng, bảy cô gái vô cùng xinh đẹp ra đón anh. Họ đưa anh tới chỗ vua Nước nằm. Vua Nước chính là con quái vật hôm qua đây — đang rên hừ hừ. Anh nhìn mặt vua rồi lật áo vua và rút con dao nhọn ở lưng ra. Lập tức vua Nước khỏi đau. Để tạ ơn anh, vua cho anh chọn một trong bảy cô gái làm vợ. Anh lắc đầu. Vua cho anh rất nhiều vàng bạc châu báu, anh cũng lắc đầu. Vua cho anh con ngựa quý biết bay. Anh nhận. Trước lúc

anh rời cung Nước, vua dặn: « Khi không muốn đi đâu, con vỗ vào mông ngựa ba cái, ngựa sẽ biến thành mô đất; khi muốn đi đâu, con vỗ vào mô đất ba cái, mô đất sẽ trở thành con ngựa ». Sắc Sía sung sướng lên ngựa trở về với làng bản. Anh vẫn sống với nghề cầm « sắc » kiếm cá.

Một hôm cả nước xôn xao về việc công chúa mất tích. Nhà vua hạ lệnh, ai tìm được công chúa sẽ thưởng lớn. Có lẽ người bị con chim lớn quắp bay ngang đây hôm trước là công chúa chăng? Anh ra vỗ mô đất ba cái, lên ngựa quý, nhắm hướng chim lớn bay, lướt tới. Ngựa của anh bay nhanh hơn gió. Anh kéo dây cương cho ngựa vượt lên cao. Từ trên không trung, anh nhìn thấy con chim lớn ấy vẫn đang bay trước mặt. Anh thúc ngựa. Ngựa hí vang không trung. Con quỉ nhà trời — chính con chim lớn ấy là quỉ nhà trời — đã bắt nàng công chúa xinh đẹp đem về đất trời. Biết có người đang đuổi theo, nó đặt công chúa trên một ngọn núi cao rồi quay lại đánh nhau với Sắc Sía. Cánh nó quạt có làm cho Thái Sắc Sía chao đi, nhưng nhanh như tia chớp, anh rút dao nhọn, lao vào con quỉ. Quỉ bị thương, loạng choạng, loạng choạng, rồi rớt xuống đất người. Anh đến ngọn núi đá, bảo nàng công chúa ngồi sau lưng anh, cho ngựa bay trở lại kinh thành.

Nàng công chúa chưa hết run. Trước khi từ biệt anh, nàng chỉ kịp xé một vạt áo, tặng anh để làm kỷ niệm.

Công chúa trở về cung, nhà vua vô cùng mừng rỡ. Vua mở tiệc ăn mừng. Khắp nơi đều vui nhộn, rộn ràng. Nhưng chưa biết ai là người đã đưa công chúa về cung. Vua phán: « Ai cứu công chúa, hãy đến báo với ta, ta sẽ gả công chúa và nhường ngôi cho ».

Trai tráng xa gần nô nức kéo tới kinh thành. Người nào cũng nói rằng: « Tội ». Song công chúa nói thêm: « Ai có miếng vải đo vừa vạt áo của ta, người ấy sẽ là

chồng ta ». Người này xé áo, người kia xé áo, nhưng vật áo nào đưa tới, công chúa cũng lắc đầu.

Nhà vua buồn lắm. Công chúa càng buồn hơn. Chỉ còn hôm nay nữa là hết tiệc mừng. Kinh thành đã vẫn những chàng trai đến đo vật áo. Công chúa ngồi lặng trên chiếc ghế bọc nhung, mắt đắm đắm nhìn vào một phương trời xa thẳm. Nàng đã định quay gót trở vào cung.

Nhưng tự nhiên tiếng ngựa hí vang trời. Nét mặt công chúa rạng rỡ. Tiếng ngựa hí trước xa sau gần, và khi con ngựa từ trên trời cao lao xuống đứng giữa kinh thành thì mọi người ngơ ngác rồi xôn xao bàn tán. Từ trên đài, công chúa lật đật bước xuống. Thái Sắc Sía đưa vật áo ra. Lập tức anh trở thành phò mã.

Nhà vua cho anh nhiều của cải và đất đai. Anh nhận cả, nhưng anh đem chia cho những bà con nghèo nàn ở vùng núi quê anh. Sau khi vua chết, Sắc Sía được lên thay. Nhân dân khắp nơi đều ngợi ca, mến phục.

Soạn theo tài liệu của một học sinh
C/3 Quỳnh Châu năm học 64 — 65 và
lời kể của cụ LANG VĂN DỤC ở
bản Đồng Minh (Quỳnh Châu)

NINH VIẾT GIAO

HAI ANH EM

Ngày xưa tại một bản nọ thuộc vùng Tương Dương có một gia đình sinh được hai con trai khá khỏe mạnh. Nhưng không may, khi hai anh em vừa lớn lên thì mồ côi cả cha lẫn mẹ. Cảnh nhà sa sút, hai người phải cắt nhau đi xin ăn. Hai anh em rất thương nhau, không bao giờ xa nhau một bước và luôn luôn nhường nhịn nhau.

Xin ăn ở làng bản gần gũi một thời gian, hai anh em bàn đi nơi khác. Đến một bản, thấy dân làng làm ăn đông đúc, hai người lần vào. Nhờ tấm lòng thương yêu giúp đỡ của mọi người, hai người lần hồi no đủ. Lớn lên, hai anh em làm được một túp lều tranh bên cạnh bản. Người anh lấy vợ. Ba người sống với nhau rất hòa thuận. Thấy không thể chui rúc mãi trong túp lều nhỏ, người anh muốn đi làm ăn xa để kiếm một số vốn.

Người anh đi được một thời gian thì có một tên, con một nhà giàu trong bản, lân la đến chơi. Dần dà hắn cợt ghẹo, dụ dỗ vợ người anh. Thay lòng đổi dạ, cô ta đã tham giàu, một đêm bỏ nhà đi theo hắn. Hai đứa rủ nhau đi xa. Người em đã mấy chiều rồi, nước mắt rơi, mà đi hết núi rừng này, làng bản nọ, tìm mãi không thấy chị dâu. Một mình lủi thủi ra vào trong túp lều tranh.

Ngày tháng trôi qua, đã mấy lần hoa ban nở trắng rừng. Một hôm, người anh trở về. Chẳng thấy vợ, người anh cho là em ăn ở với chị càn rỡ thế nào đó, nên vợ

mình mới bỏ ra đi. Tức bực anh đã nặng lời mắng mỏ em lại còn muốn giết em. Nhưng bụng đói, anh bảo em nấu cơm cho ăn. Em lấy hai cái cọc đóng xuống đất làm kiềng. Bắc nồi lên, nồi đồ. Người anh bảo, sao em dốt thế, kiềng hai chân thì bắc nồi sao được. Lúc đó người em mới đóng thêm cái cọc nữa. Cơm chín, dọn cho anh ăn, người em lấy đũa chỉ có một chiếc. Anh lại mắng, sao em ngu thế, đũa phải có đôi chứ, một chiếc thì gắp sao được. Người em không nói gì, lấy thêm chiếc đũa nữa.

No nê rồi, người anh nói « Ta phải giết mày ! » Em than thở : « Anh giết em cũng được thôi. Nhưng anh thấy đấy, nấu cơm thì phải kiềng ba chân mới bắc được nồi, ăn cơm thì phải đũa có đôi mới gắp được cả thịt, hướng chi anh em ta, cha mẹ sinh ra, rồi mồ côi, nghèo khổ, sống đến bây giờ là do thương yêu nhau, nương tựa đùm bọc lẫn nhau ».

Người anh nghe xong hết hận, không giết em nữa, hỏi em tất cả sự tình về người vợ bội bạc rồi ôm lấy em mà khóc. Từ đó, hai anh em lại sống gần bó với nhau như những ngày nào còn vất vả long đong phải cù bơ cù bất lê la đi xin ăn hết bản này qua bản khác.

Soạn theo tài liệu của
LO VĂN LIẾN ở Tương Dương
NINH VIẾT GIAO

ĐÔI CHIM TỬ QUI

Những đêm ngồi trên nhà sàn, bên bếp lửa hồng, ta thường nghe hai con chim kêu phía núi bên kia « khảm » và dóng lại một tiếng đáp « khác ». Đôi chim ấy càng gần nhau thì trời cũng sáng dần.

Theo lời một bài *khắp* thì ngày xưa có hai người ở một bản nọ : người con trai tên là Khun Lồ và người con gái tên là U Tiếm. Nàng U Tiếm là con một nhà quan lang. Nàng rất đẹp. Cổ nàng, tay nàng đeo rất nhiều « púc-khen » bằng bạc. Bộ xà tích, ống vôi lưng lẳng ở thắt lưng. Tiếng hát và tài *khắp* của nàng đã vang dội khắp vùng. Nàng tía lúa, dệt vải, giã gạo giỏi hơn các « sao » trong bản và ngoài bản. Cha mẹ nàng quý nàng như chim gấm « cà-in ».

Tuy là con nhà lang, nhưng nàng rất thương các ông già bà già, chơi đùa thân mật với trẻ con trong bản. Những đêm trăng sáng, ngồi trên nhà sàn kéo sợi hoặc thêu thùa, hề có tiếng sáo của Khun Lồ vọng lại là trái tim nàng xao xuyến. Khun Lồ là con nhà nghèo. Chàng sống trong cái nhà sàn bé tí với mẹ già. Tất cả gia tài của chàng không bằng cái xanh năm. Khun Lồ làm việc rất chăm. Ngoài phát rẫy làm nương, săn bắn lấy củi,... anh còn giúp mẹ già giã gạo, vác nước,... Khun Lồ rất đẹp trai, nói chuyện có duyên. Anh đàn « dòn » rất khéo, thổi sáo « ôi » rất hay. Nhưng anh đàn « dòn », thổi sáo cũng không biết cho ai, để ai nghe.

Trong đời việc gì đáng xảy ra sẽ xảy ra. Nàng U Tiêm đã nhận « đón », đã cùng cất cao tiếng hát với anh. Song nhà anh không thể sánh với nhà lang. U Tiêm bàn với Khun Lồ là hãy xuống xuôi học tập thành tài rồi sẽ về bản cưới nhau. Buổi tiễn đưa kín đáo bên bờ suối vắng thật ý vị. Khun Lồ thối sáo « ôi ». U Tiêm hát hòa theo điệu « khắp ». Hai người vô cùng bịn rịn. Khun Lồ sẽ đi ba năm...

Ở lại bản, U Tiêm vẫn thường ngắm trộm chiếc sáo « ôi » và cái áo của Khun Lồ để lại làm kỷ niệm. Bỗng dưng, nhà nàng rộn rịp hẳn lên. Mọi người trong bản được quan lang đòi đến giúp việc. Hôm ấy kẻ làm thịt trâu, người hong xôi, người nấu cháo,... Mấy chum rượu trấu đã cắm cần. Bà con ra vào tấp nập. Nàng hỏi mãi mới biết được cái tin sét đánh ngang tai: lão Hắc Xam đến hỏi nàng làm vợ, bố nàng đã ưng thuận. Đêm ấy, trong buồng riêng, nước mắt nàng đã thấm ướt cái áo và chiếc sáo của Khun Lồ.

Hai năm sau, Hắc Xam đến xin bố nàng làm lễ cưới. Nàng khóc lóc xin hoãn lại. Cha nàng thì tham giàu tham sang (Hắc Xam là một quan lang khét tiếng giàu có và gian ác ở bản bên cạnh) và ham đồ dẫn cưới, nhất quyết không nghe. Biết làm thế nào được, giữa lúc hai họ đang ăn uống linh đình, U Tiêm dùng nắm lá ngón tự vẫn. Thi hài của nàng được « quàn » lại ở bản.

Ba năm tìm thầy học tập, Khun Lồ đã thành tài. Chàng từ biệt thầy, tìm đường về bản. Sinh lễ cưới U Tiêm sẽ là cái học vấn của chàng. Nỗi lòng của người xa quê hương, xa bạn lòng gần đến ngày gặp mặt, thật khó mà viết lên giấy được. Chàng về đến bản thì cảnh cũ vẫn y nguyên, mà U Tiêm đã là người thiên cổ. Chàng phá quan tài, ôm lấy thi hài U Tiêm thở than khóc lóc. Cuối cùng chàng cũng chết theo người yêu.

Tin đó đến tai Hắc Xam. Vì lòng ghen, vì tính hung bạo thô lỗ, Hắc Xam phá nát quan tài, vằm nhỏ thi thể của hai người rồi vứt qua hai bờ suối. Mỗi bờ suối bồng mọc lên một cây trúc xinh đẹp. Hai ngọn trúc khum khum vắt qua dòng suối rồi xoắn xuýt lấy nhau. Hắc Xam càng giận dữ. Hắn dẫn hai cây trúc về, chẻ lạt đan thành hai cái lồng, vứt một lồng đầu truông, một lồng cuối truông. Song hai cái lồng cứ lẫn lại gần nhau, cái bé lọt trong lòng cái lớn. Hắc Xam càng điên cuồng, hắn bắt gia nhân đốt hai cái lồng rồi vứt hai nắm than sang hai triền núi. Tự nhiên, hai nắm than trở thành hai con vật màu đen xám, có cánh. Đó là hai con tử qui. Hai con chim ấy, một trống, một mái, đêm đêm lại gọi nhau, con trống kêu « khảm » con mái kêu « khác » giống giả cả rừng khuya im lặng.

NINH VIẾT GIAO

Sưu tầm ở Nghĩa Đàn, có
tham khảo tài liệu của bạn

HOÀNG XUÂN HÂN

Khảo dị: Ở Qui Châu cũng có chuyện tử qui song tình tiết hơi khác. Đó không phải là một đôi trai gái yêu nhau mà là hai chị em một nhà nọ, sống với nhau rất hòa thuận. Người chị rất đẹp, còn em trai thì khỏe mạnh. Ngày hè nóng nực, hai chị em rủ nhau ra khe tắm. Khi chị cởi áo, em trai thấy ngực chị, cười khúc khích. Chị hổ thẹn mắng em, nhưng càng mắng em càng cười. Tức lên, chị định xông lại đập em. Em bỏ chạy. Hai chị em chạy vào trong rừng, sau một đôi, bị chết lả. Họ hóa thành đôi chim tử qui. Hóa thành chim rồi, họ lại nghĩ đến cuộc sống yêu thương êm đẹp trước kia, nên cả đêm giống giả gọi nhau, nhưng gần sáng thấy mặt

nhau, nhớ lại câu chuyện khi đi tắm, tính hồ thẹn dâng lên, hai con lại bay vút xa nhau.

Ở Quế Phong, tình tiết câu chuyện cũng là hai chị em. Đầu xuân, hai chị em đi trẩy hội lên Bua. Hang Bua tối om. Người em, trước sự thách thức của một bạn trai, đã ghẹo một cô gái đẹp. Nào ngờ đó là chị. Chị mắng. Em xấu hổ bỏ chạy. Chị thấy em chạy hoài, đuổi theo và sau câu chuyện cũng diễn biến như chuyện ở Qui Châu.

CHÀNG THUỜNG LUÔNG Ở MƯỜNG PHE

(Tạo Ngược mừng Phe)⁽¹⁾

Phía tây nam Pù Chông Cha có một bản trù phú, dân bản đông đúc, làm ăn chăm chỉ. Trong bản có một cô nàng đẹp người tốt nết, hay làm, quanh năm cứ lo việc hái dâu, chần tằm, kéo tơ, dệt lụa. Ngày ngày, một mình nàng mang giỏ ra vườn dâu ở cạnh bờ ao. Nàng vừa hái dâu vừa hát. Giọng hát của cô nàng trong như tiếng chuông đồng, nên dân bản thường gọi là «nàng Toòng». Tiếng hát của cô không những làm ấm rừng ấm núi, vui tai dân bản, mà cả những con cá con chim cũng say mê.

Dưới ao, tạo Ngược, con vua Nước, người cai quản tất cả loài vật ở dưới nước, ngày nào cũng ngoi đầu lên, ẩn mình trong đám rong rêu để lắng nghe tiếng hát của nàng. Dần dần họ làm quen với nhau. Và chẳng bao lâu, tạo Ngược ở dưới ao, nàng Toòng ở trên bản yêu nhau. Tạo Ngược cưới nàng Toòng làm vợ.

Tin tạo Ngược mừng Phe cưới nàng Toòng bay đi. Ngược mừng Hy⁽²⁾ hay tin, tức giận lắm. Ý tự cho mình ở sông lớn, có quyền rộng, tài cao, cai quản dòng loài vật ở dưới nước mà không lấy được nàng Toòng, để người con gái xinh đẹp, hát hay ấy vào trong

(1) Mường Phe : Có thể là tên gọi xưa nhất của xã Châu Thôn ở Quế Phong hiện tại.

(2) Mường Hy : ở Sầm Tở thượng nguồn sông Chu.

tay một chàng sức hèn, tài kém, thể lực chẳng có gì quanh năm luẩn quẩn trong một cái ao nhỏ.

Nghĩ vậy,[†] Ngựợc mừng Hy rắp tâm tìm cách cướp nàng Toòng về làm vợ. Y liền hô dân chúng xuôi theo dòng Nậm Xăm⁽¹⁾, tìm gặp người anh em là Ngựợc Văng Coòng⁽²⁾ để nhờ giúp sức.

Chúng tụ tập bàn bạc với nhau cách đem quân đi cướp nàng Toòng. Được tin, tào Ngựợc ở mừng Phe rất lo sợ. Vì nước nhỏ, dân không đông, lực lượng kém, bản thân lại không có tài ba, nên tào hóa thành người trên đầu buộc một khăn xanh, ngày nào cũng trèo lên cây sung bên bờ Văng Toòng⁽³⁾, nơi mà trước đây nàng Toòng thường tới gần hái dâu, để hễ gặp ai đi qua, tào cũng hỏi kể chống lại kẻ thù.

Một hôm ông nai Phan⁽⁴⁾ đi qua. Nai Phan thấy có người ngồi trên cây cao, bèn gọi xuống hỏi :

— Quê anh ở nơi nào, nhà anh ở đâu, mà ngồi trên đấy làm gì ?

Thấy nai Phan vóc nỏ lớn, vai mang ống tên đầy, tào đoán là người có tài, liền kể rõ đầu đuôi và tỏ lời cầu cứu.

— Nai Phan ơi, cháu là Ngựợc, cai quản ao này. Có duyên may, cháu lấy được nàng Toòng làm vợ. Bọn ở mừng Hy và Văng Coòng cậy thế mạnh, ghét ghen, chúng định đến đánh mừng Phe để cướp nàng Toòng, vợ của cháu. Mong nai Phan có cách gì giúp đỡ, sau này cháu sẽ không quên ơn báo đáp.

(1) Nậm Xăm : sông Chu, bắt nguồn từ Lào chảy qua Thông Thụ qua Thanh Hóa nhập vào sông Mã ở Giàng.

(2) Văng Coòng : vực nước sâu có tên là Coòng ở bên bờ sông Hiếu thuộc xã Châu Yên huyện Quỳ Hợp.

(3) Văng Toòng : hồ nước lớn ở xã Châu Thôn.

(4) Nai Phan : một người thợ săn giỏi, được dân trong làng săn tồn làm thợ cả.

Nai Phan nói :

— Việc trừ thú dữ, bác đã thường làm ; trừ kẻ độc hại, bác sẽ giúp. Nhưng cháu cũng như bọn cướp đêm là loài thường luồn cả, làm thế nào để phân biệt được đâu là quân của kẻ thù, đâu là quân của cháu.

— Nai Phan ơi, bác cứ giúp cháu, loài thường luồn chúng cháu đều mào đỏ cả, nhưng cháu sẽ đội mào xanh để bác dễ nhận.

Sáng hôm sau, nai Phan đem bè bạn của mình có đến hàng chục hàng trăm, kẻ vác nỏ có tên thuốc độc người đeo cung có tên tầm nước lá ngón,... tất cả đều nấp quanh bờ Văng Toòng, riêng nai Phan lên ngọn cây sung ngồi ra hiệu.

Trời đang trong xanh, bỗng nổi mưa to gió lớn, nước dâng lên tràn ngập cả núi rừng. Nai Phan biết là tào Ngạc mừng Phe và tào Ngạc mừng Hy đã đánh nhau. Nước lớn quá, quân của tào Ngạc mừng Phe chạy tán loạn. Nai Phan chỉ thấy thường luồn, mào xanh. Ngồi chờ lâu sốt ruột, nai Phan đã tưởng tào Ngạc mừng Phe thua cuộc rồi. Mãi tới chiều, nai Phan mới thấy hai con thường luồn mào đỏ hùng hùng hồ hồ dẫn hàng ngàn quân tiến vào Văng Toòng. Nai Phan giương nỏ bắn trúng đầu hai con thường luồn lớn. Những người đi theo nai Phan cũng kẻ nỏ người cung bắn tới tập vào toán quân ăn cướp. Chẳng bao lâu mưa tạnh, gió im, nước rút dần, mặt hồ trở lại yên tĩnh.

Bọn thường luồn mừng Hy bị trúng tên thuốc độc phải rút quân về, bỏ cả tâm cướp nàng Toòng.

Sau khi thoát nạn, Ngạc mừng Phe liền mời nai Phan và những người cùng đi xuống thủy cung dạo cảnh. Một bữa tiệc rất thịnh soạn được bày ra. Mọi người ăn uống no nê xong, Ngạc mừng Phe hỏi :

— Bây giờ tôi biết lấy gì để đền ơn nai Phan và dân bản ?

Nai Phan đáp : .

— Trừ kẻ làm hại là việc chung, chúng tôi không nghĩ đến*ơn huệ.

Nhưng Ngược mừng Phe không chịu. Chàng đem ra không biết cơ man nào là của quý và cố nài mọi người nhận cho kỳ được. Ai nấy bảo chàng :

— Cái ăn, ăn sẽ hết ; cái mặc, mặc sẽ rách. Tao cho chúng tôi cái gì để mọi người đều được hưởng, đời này được hưởng, con cháu sau này cũng được hưởng.

Nai Phan và dân bản ra về tay không.

Ngược mừng Phe nghĩ mãi. Thấy bà con thường hay khổ sở vì hạn hán, tạo bèn từ Văng Toòng trườn một vòng qua chân núi tới các nương rẫy. Lối đi của tạo trở thành một con mương lớn, bao bọc lấy bản. Bản ấy nay gọi là bản Na Toòng. Con mương ấy nước chảy quanh năm, mỗi ngày một sâu thêm, nay đã thành một con suối lớn ở xã Chân Thôn. Bà con bản Na Toòng nhìn dòng suối, nước lưu liên tưới cho các cánh đồng. không quên câu chuyện Ngược mừng Phe.

Theo LÊ ĐÌNH THIỀU
(Ty Văn hóa Nghệ An)
NINH VIẾT GIAO ghi

CHUYỆN CON CÂY BAY

Xưa có một cậu bé người Thái, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, mang tên là Bun. Bun sống một mình trong một túp lều con con với tất cả gia tài của bố mẹ để lại là một cái lưới câu.

Một hôm, Bun vác cần câu xuống suối. Nhưng Bun đã theo hết bờ vực này đến thác nước nọ mà lưới câu vẫn chẳng móc được một vầy cá. Bun chán nản định bỏ ra về thì bỗng cần câu bị kéo chúc xuống. Chắc hẳn là một con cá rất to đã ngoạm miếng mồi, Bun giật phắt cần lên thì ra một con ốc bùn, mình phủ đầy rêu. Cụt hứng, Bun câu tiết quảng vọi con ốc xuống suối rồi tra mồi câu tiếp. Nhưng lạ thay, Bun giật lên lần thứ hai cũng lại con ốc lúc nãy. Tức mình, Bun bỏ đi câu chỗ khác. Nhưng khi giật lên cũng chỉ là con ốc bùn cũ. Thấy thế Bun đành mang ốc về nhà để rồi nướng ăn. Bun bỏ con ốc lên gác bếp, rồi mãi dọn dẹp quét tước nhà cửa nên quên khuấy và khi cơm nước xong Bun ngủ thiếp đi.

Sáng sau, Bun dậy rất sớm đi câu. Nhưng cũng câu chẳng được đến một vầy cá. Bun đành mang cái bụng đói về không. Khi về tới nhà. Bun rất ngạc nhiên thấy giữa túp lều rách nát của mình lại có một mâm cơm bày toàn những thịt những cá và xôi dẻo còn tỏa hơi thơm ngọt. Bun ngồi vào ăn thật no nê cho bữa đói. Từ đó về sau, ngày nào cũng như ngày nào, cứ mỗi lần Bun đi câu về là ở giữa nhà đã có sẵn một mâm cơm

như thế. Và ngôi « nhà » của Bun cũng mỗi ngày một đổi khác. Từ một túp lều nhỏ bé, dột nát xưa kia được sửa sang lại dần đã thành một tòa nhà rộng lớn. Mỗi khi ngẩng nhìn ngôi nhà, Bun thấy lòng mình không chứa hết vui sướng. Nhưng cũng không làm sao quên hết được một nỗi nơm nớp vô cớ như thể sắp có một mối tai họa nào đến.

Một hôm, sau bữa cơm chiều, Bun ra ngồi bên cửa hóng mát bất chợt thấy ở chân cột góc sàn lại có một con ốc và sức nhớ đến con ốc mà mình đi câu được bữa trước, Bun chạy lại cầm xem thì ra chỉ còn là cái vỏ rỗng. Bun lầm bầm :

— Tội thật ! Cái tinh hay quên mà để đến nỗi chuột khoét sạch cả mình ốc thế này, có tiếc không chứ lý !

Nói xong Bun vô tư vứt bỏ vỏ ốc xuống gầm sàn va trúng phải hòn đá. Vỏ ốc vỡ tan từng mảnh. Ngay lúc ấy, bỗng có một người con gái, đôi môi đỏ như cánh hoa vông xuất hiện. Nàng lao từ trong nhà ra túm lấy cổ tay của Bun rồi nàng chúm chím đôi môi :

— Sao anh làm nát mất cái áo của em ? Thế là anh sẽ phải lên tận sau mặt trăng mà mua áo về đền em đấy nhá !

Bun ngỡ ngác như một con cua say bã rượu, chưa hiểu đầu đuôi ra sao thì nàng đã nhanh nhẩu, dịu dàng giảng giải :

— Em đến đây đã mấy ngày rồi mà anh vẫn không biết. Nhưng em đã biết anh là một người nghèo, trong sạch. Nếu anh bằng lòng thì ta sẽ thành vợ thành chồng. Và cơm đây là của chúng ta, nhà này là của chúng ta.

Từ đó hai người sống bên nhau. Hạnh phúc nhiều tựa một cái hồ tràn đầy nước mát. Chẳng bao lâu tiếng tăm về nàng tiên ốc xinh đẹp, tài giỏi lấy Bun làm chồng đã vang xa và đến tai cây bay. Hồi ấy cây bay

là chúa tể của muôn loài trên rừng. Nó cuống lên gọi tất cả bọn tay chân của nó đến và sai họ đi lũng bắt nàng tiên ốc về cho nó làm vợ. Đầu tiên nó sai đười ươi. Đười ươi đến nhà Bun thấy có một mâm đầy những thức ngon của lạ liền ngồi ngay vào chén. Cho đến khi bụng phình ra như cái bụng nó lăn kềnh xuống ngủ một cách ngon lành và thế là đười ươi quên sạch cả công việc của chúa cầy sai. Vợ chồng Bun đi nương về, bước chân lên cầu thang kêu kệt một cái, đười ươi giật nảy mình lao thẳng ra phía góc nhà rúc đầu vào cái bẫy lông mà Bun đã đặt phòng trước lúc đi khỏi nhà. Đười ươi hết cách chạy, đành phải nằm run trong lồng chờ chết. Bun rút dao ra định chém đứt đôi thì đười ươi rối rít van xin tha chết rồi thề :

— Nếu được sống, tôi xin giúp anh mọi việc.

Bun thương tình, rút con dao vào vỏ. Đười ươi vô cùng cảm tạ. Nó mách với Bun ngay tất cả những mưu mô nham hiểm của chúa cầy trên hang.

Ngong ngóng chờ mãi đã ngót nửa tuổi trắng mà vẫn chưa thấy đười ươi về báo tin gì hết, chúa cầy rất nóng lòng nhưng vẫn cố chờ. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày nữa mà vẫn chẳng thấy bóng đười ươi. Chúa cầy hậm hực sai tướng rết đi tiếp. Đón được tin ấy, đười ươi chạy vội về báo cho Bun biết và tìm cách đối phó.

Nghe đười ươi bày bảo, đêm ấy hai vợ chồng nàng tiên ốc chuyển đi chỗ khác. Cho đến khuya, thật khuya, Bun mới tay cầm cung tên đến xem nơi cũ mình nằm. Chẳng thấy gì, Bun liền lật gối lên xem thì trời ơi ! Một con rết to bằng lưỡi cây núc nác nhẩy ra. Lập tức Bun cầm chiếc cung phang mạnh một cái. Con rết xanh bị nát lưng, cuộn mình phọt mép ra rồi duỗi chết tại chỗ. Chờ mãi không thấy tướng rết về, chúa cầy lại đưa gậy thúc tướng rắn hổ mang và tướng thường luồng đến hại Bun. Nhưng nhờ có đười ươi báo trước, các tướng

vật đều phải bỏ mạng dưới đôi tay rắn chắc của Bun. Cuối cùng, cái tiết, chúa cây thân chinh xuống hang đi bắt nàng tiên ốc.

Lần này, Bun cũng được đười ươi báo trước. Nhưng vì chúa cây leo lên tận ngọn cây cao tit đề rình, nên Bun không thấy. Cây ở đó chờ cho đến khuya, vợ chồng Bun ngủ say, nó mới cất tiếng kêu : « Báng ngo ò ò, báng ngo ò ò »

Hồn nàng tiên nghe náo nùng, khủng khiếp liền lìa xác bay trốn. Cây bay ở trên cao nom thấy, nó bay ra đón lóm được đem về làm vợ mà Bun không hề biết. Sáng dậy, Bun thấy vợ mình nằm bên chết cứng. Bun lăn ra khóc thảm khóc thương. Lúc ấy đười ươi đến thăm liền bảo Bun :

— Anh cứ để xác vợ ở đó, đừng chôn vội. Tôi sẽ tìm cách giúp.

Theo kế của đười ươi, Bun chẻ tre già làm nan cứng đan một cái giỏ thật to với cái hom thật chắc, que nào cũng nhọn hoắt. Làm xong giỏ, Bun đưa cho đười ươi mang đến hang tìm gọi hồn nàng tiên ốc và bày cho nàng lập mưu giết cây. Đười ươi nói :

— Nếu nàng có nhớ thương và muốn trở về với chồng thì phải làm theo đúng như lời tôi đã dặn.

Đêm ấy, nàng tiên ốc làm cơm và mừng vui mời chúa cây uống rượu. Chúa cây uống đến say mềm rồi lăn mình ra ngủ như chết. Nàng tiên ốc sung sướng gõ mạnh xuống sàn nhà và thế là đười ươi đến trời cuộn con cây bỏ vào giỏ đem về nhà Bun. Chờ cho đến khi chúa cây tỉnh rượu, Bun mới kê dao vào cổ nó, quát :

— Mày có trả hồn cho vợ tao không?

Cây bay run lật bật kêu van :

— Tôi xin trả ngay bây giờ và xin ông đừng giết tôi !

Bun bỏ dao ra. Con cây khế vươn cổ lên cất tiếng kêu :
« Báng ngòòò, báng ngòòò... » Sau tiếng kêu của cây, hồn nàng tiên ốc bay về nhập xác. Nàng dần dần mở mắt, tỉnh dậy và da thịt lại hồng hào như xưa.

Bun không giết cây bay, nhưng để cho tiếng kêu của nó không còn thiêng và có hại với người đời, trước khi thả, Bun đã cắt mất năm văn mà chỉ để lại có ba văn trên lưỡi nó. Vì thế mà mãi mãi về sau, tiếng kêu của cây bay không còn làm mềm yếu hồn người như trước nữa.

Cụ LÒ VĂN PÂNG

Bản Nà Hin, Quài Tầu, Tuần Giáo

Lai Châu kẻ

LÒ VĂN SĨ ghi

CHÀNG HOA CHẤT

Ngày xưa, tại một bản nhỏ ở mường Chiền có hai vợ chồng một nhà nọ sinh được một đứa con trai, đặt tên là Hoa Chất. Hoa Chất đẹp trai, thông minh lại có tài vẽ. Vợ chồng thấy thế mừng lắm, nên cho con xuống miền xuôi theo học. Hoa Chất lên mười hai tuổi thì cha mẹ đều mất. Trong những ngày ở trường, Hoa Chất thích vẽ. Một con vật gì Hoa Chất đã vẽ thường sinh động, ai cũng thích nhưng từ khi cha mẹ chết, Hoa Chất đành phải bỏ học. Chàng đi lang thang khắp đó đây để kiếm ăn. Cuối cùng chàng phải đi ở với một tên chủ đất trong bản. Tên chủ đất này rất tham lam gian ác, nó bắt chàng làm quá sức. Một lần nó sai chàng trong một ngày phải dất mười hai con trâu giẫm sục bùn một đôi ruộng lớn. Hoa Chất làm không nổi, nó sai đầy tớ trói chàng lại, đánh cho một trận, và đuổi đi không cho ăn cơm.

Hoa Chất lại đi khắp đó đây. Khi đói, chàng phải vào rừng sâu tìm rau, quả để cho qua bữa. Một hôm mệt quá, chàng ngủ thiếp đi lúc nào không biết dưới gốc một cây săng lẻ già, trong mơ, chàng thấy một ông lão, mình người đầu chim vẹt, đến hỏi :

— Cháu ở đâu? Sao lại nằm ngủ ở đây?

— Cháu bị chủ đất đuổi, không có nhà cửa, cha mẹ, phải bơ vơ kiếm sống, cụ ơi, cứu giúp cháu với!

Trong mơ Hoa Chất thấy mình trả lời ông lão như vậy. Ông lão bảo :

-- Thế cháu muốn gì?

— Dạ thưa cụ, cháu muốn vẽ.

— Vậy thì cháu cứ ngủ ngon. Sáng mai ta sẽ gặp lại cháu.

Nói xong ông cụ biến mất. Tỉnh dậy, Hoa Chắt thắp thỏm ngồi chờ. Quả nhiên, trời vừa rạng sáng, ông lão lại đến. Vẫn hình thù ông lão trong giấc mơ đêm qua, cụ già hỏi?

— Cháu không biết sợ à?

— Sợ cái gì hở cụ, và sợ chỉ có chết thôi. Cụ bày cho cháu vẽ đi.

— Cháu biết vẽ, vậy đã vẽ được ý muốn của cháu chưa?

— Cháu chỉ vẽ những cái gì mắt thấy, chưa bao giờ vẽ những ý muốn của mình.

— Vậy cháu thử vẽ một con sông và một cái thuyền cho ta xem đi.

Hoa Chắt liền vẽ. Cụ già vừa xem vừa đắc ý gật đầu:

— Bây giờ ta cho cháu một cái bút. Cháu hãy giữ lấy cái bút này. Đó là cái bút quý đấy cháu ạ. Cháu vẽ cái gì theo ý muốn là được cái ấy. Nhưng phải dùng nó mà giúp đỡ những người như cháu.

Nói xong ông cụ biến mất. Hoa Chắt đưa mắt tìm vãn vợ. Đang lúc buồn, Hoa Chắt đem bút ông cụ tặng ra vẽ một con đường và một bầy dê thẳng tới nhà tên chủ đất. Vẽ vừa xong thì lạ chưa trước mặt Hoa Chắt là một bầy dê đang lon ton chạy trên con đường vào nhà chủ đất. Hoa Chắt vẽ thêm một đàn gà cũng như vậy. Tên chủ đất thấy dê gà ở đâu tự nhiên chạy đến nhà mình, nó liền sai đầy tớ bắt hết đem làm thịt cho hăn ăn. Ăn còn thừa, nó sai người đem chôn, mặc cho ai thèm và đói.

Hoa Chất thấy cái bút ông cụ tặng có phép màu nhiệm, chàng vui mừng khôn xiết. Chàng nghĩ đến cha mẹ và ngôi nhà cũ của chàng. Chàng vẽ một cái nhà to, cao, đẹp dựng trên một đỉnh đồi trước mặt bản làng. Trong nhà có đủ mọi đồ dùng và gia súc.

Một buổi sáng, tên chủ đất vừa ngủ dậy, thấy một ngôi nhà lộng lẫy, sừng sững đứng trên đồi cao, hấn ngạc nhiên vô cùng. Hấn dụi mắt hai ba lần, tưởng là mình nằm mơ, nhưng ngôi nhà vẫn đó, càng nhìn càng đẹp. Hấn cho bọn đầy tớ dò xem thử. Bọn đầy tớ chạy đến nơi, thấy Hoa Chất đang ngồi chễm chệ trên một cái giường bằng vàng đặt giữa nhà, đưa náo đưa nẩy lè lưỡi. Chúng hỏi :

— Hoa Chất ơi, nhà này của ai ?

— Nhà của ta đấy. Hoa Chất đáp lại.

Bọn đầy tớ liền chạy về nhà báo cho chủ biết. Tên chủ đất liền sai người đến bắt Hoa Chất. Nắm được Hoa Chất trong tay, hấn hỏi :

— Cái nhà ấy của ai ?

— Thừa ông, của tôi.

— Ai làm cho mày ?

— Tôi tự vẽ đấy.

— Vậy hãy vẽ ngay cho ta một cái nhà to, cao, đẹp gấp chín lần cái nhà của mày mà toàn bằng vàng đi. Nếu không được, chết với ta.

Hoa Chất liền vẽ. Được nhà vàng, tên chủ đất bắt vẽ thêm trâu bạc, lợn bạc, gà vàng... Cuối cùng nó bắt Hoa Chất vẽ một cái nhà tù bằng sắt. Hoa Chất vừa vẽ xong nó sai gia nhân lôi Hoa Chất bỏ vào cái nhà tù ấy khóa chặt cửa lại.

Sau bảy ngày, tên chủ đất mừng thầm : Hoa Chất chắc đã chết, khắp các mừng không ai giàu bằng ta, nó liền cho gia nhân mở ngục xem Hoa Chất ra sao.

Nhưng lạ thay, mấy tên đầy tớ vừa mở cửa nhà tù thì thấy nhà tù sáng choang. Ai đã bắc sẵn trong đó một cái thang cao ngất và Hoa Chất đang bò lên trời. Tên chủ đất vác nỏ bắn đuổi theo. Vòng nỏ vừa bật dây thì có hàng trăm mũi tên khác từ các cánh cung do Hoa Chất vẽ ra, bắn lại. Tên chủ đất chết ngay.

Hoa Chất trở về làng bản, đem tất cả tài sản của tên chủ đất chia cho bọn đầy tớ. Từ đó với cây bút ông cù tặc, chàng đem tài vẽ của mình vẽ sông, vẽ núi, vẽ làng bản quê hương, vẽ những gì mà bà con thiếu thốn để giúp đỡ. Ai cũng thương yêu Hoa Chất.

Soạn theo lời kể của
ông LỮ VĂN NGỌC
ở bản Tang, xã Chân Kim,
huyện Quế Phong
NINH VIẾT GIAO

NÀNG CÁ MĂNG

(Nàng Pa Cáo)

Một anh chàng mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, anh em chú bác không còn một ai. Anh ta phải sống vất vả quanh năm suốt tháng. Khi cầm con dao dẫn gỗ đã vững, cầm cái thuồng đào đất đã chắc tay, biết trồng cây ngô cây lúa, anh nghĩ: « Sức hèn người bé, không thể đi làm xa với dân bản, ta cứ tới bãi tha ma đầu bản, phát cây, đào đất, làm ruộng cũng được ».

Thế là, ngày qua ngày, sáng nào anh cũng một mình, lủi thủi đến bãi tha ma, phát cây, đào đất. Lúc mệt, anh ngồi tựa vào gốc cây, nghỉ mát, mắt nhìn trời bao la.

Nhân dân trong vùng ít người dám bén mảng tới bãi tha ma ấy. Họ cho là con ma sẽ theo về quấy nhiễu người thân, sinh ra ốm đau. Thấy anh làm như vậy, kẻ nói qua người nói lại, ai cũng cho anh là kẻ táo tợn ương gàn. Sau mấy ngày làm việc cật lực, đào được một đám ruộng nhỏ, anh đi xin bà con ít giống về vãi được bãi mạ. Mạ lên xanh kín đất, anh rất mừng. Nhưng lạ thay sáng nào tới, anh cũng thấy có dấu chân người đi lại, giẫm hỏng cả mạ. Anh nghĩ bụng: « Mình nghèo đến nỗi không có mảnh đất để đặt cái khuôn bếp, mới phải đến đây làm ăn, thế mà cũng có người xấu bụng, phá hỏng nát cả mạ của ta. Phải xem đứa nào mới được ». Thế rồi, anh hì hục suốt một ngày trời, làm được mấy cái bẫy rồi đem đặt xung quanh ruộng mạ.

Sáng hôm sau, anh đi thật sớm. Thấy một đứa bé khoảng mười hai tuổi đang loay hoay gỡ bẫy, anh quát to: « A, mày to gan thật! Tại sao đêm nào cũng đến giẫm hư cả mả của ta ».

— Dạ thưa anh, không may em bị lạc, nên mắc bẫy, xin anh tha cho. Em xin mang ơn anh lắm lắm.

— Mày là con nhà ai? Họ tên mày là gì?

— Em không có họ mà cũng chẳng có tên, chưa ai đặt tên cho em bao giờ, chỉ nghe bạn bè thường gọi em là « Phi Nọi » ⁽¹⁾.

— Thế nhà mày ở bản nào?

— Em cũng không biết có cha mẹ hay không, rồi cũng không biết cả bản. Một mình em đi hết bản này qua nương nọ, lang thang kiếm ăn cho qua ngày qua bữa. Không may anh bắt gặp, mong anh thương đến.

Anh mồ côi suy nghĩ, hẳn cũng không có mẹ, có cha, cũng không có làng bản có cửa nhà, thôi ta cho hẳn về cùng ở với ta trong một túp lều cho vui.

— Thế thì ta cũng như Phi Nọi vậy, cũng không biết mặt cha, mặt mẹ, Phi Nọi có về ở với ta không?

— Anh thương em, em xin về ở, từ nay ta cùng nhau làm anh em ruột thịt.

Từ đó, ngôi nhà nhỏ của anh mồ côi có thêm đứa nhỏ là Phi Nọi. Họ ăn ở với nhau rất hòa thuận. Họ nhường nhịn cho nhau từ cái ăn cái mặc. Họ đỡ cho nhau từ công nặng đến việc nhẹ.

Một hôm, Phi Nọi nói với anh:

— Anh ơi, cái tóc anh đã xanh, cái tuổi đã nhiều, anh phải kiếm một người vợ để đỡ dần những việc trong nhà, để anh em ta có thêm thì giờ làm nương rẫy cho nhiều.

(1) Phi Nọi: tiếng Thái là ma nhỏ, đặt tên này ý nói Phi Nọi không phải là người bình thường.

— Con gái không lấy người nghèo khổ như anh em ta đâu.

— Anh nói không đúng, con gái cũng có người nghèo như chúng ta, nào có phải ai cũng giàu cả đâu. Anh không nghe chuyện có nàng tiên đã lấy một người nghèo mà làm ăn rất siêng năng, sống với mọi người đều tốt bụng.

— Nhưng anh không có cha có mẹ thì ai chịu lấy!

— Ta cũng tìm người không có cha, không có mẹ vậy.

— Khó lắm Phi Nọi ơi.

— Không khó đâu anh ạ. Nếu anh ưng lấy vợ, em sẽ tìm cho, thiếu gì cô gái muốn lấy anh em ta.

Người anh suy nghĩ một hồi rồi nói với Phi Nọi: « Nếu anh em chúng ta lấy được vợ thì bản thêm ấm, nhà thêm vui, nương có thêm bước chân người và cuộc đời của chúng ta cũng đỡ tẻ lạnh, tùy Phi Nọi đấy ».

Dăm hôm sau Phi Nọi bảo anh:

— Hôm nay ta đi câu cá ở sông.

Nói rồi hai anh em cùng nhau vác thuyền ra bờ sông. Phi Nọi nói:

— Anh ngồi trên thuyền cầm cần câu, còn em lặn xuống vực sâu tìm cá.

Theo lời Phi Nọi, người anh ngồi trên thuyền cầm cần câu, còn Phi Nọi thì lặn xuống nước. Người câu, kẻ lặn cho mãi đến chiều không được con cá nào. Chán nản, người anh định quay thuyền vào bờ, nhưng anh bỗng thấy nặng tay. Anh giật lên thì chỉ được một con cá nhỏ. Anh định thả nó xuống sông, song Phi Nọi bảo:

— Ngày mồng một thì trăng chưa tròn, nhưng ngày rằm thì không ai bảo mặt trăng méo; ta cứ đem cá nhỏ về nuôi, đến ngày cá lớn thì anh sẽ không chê cá nữa đâu.

Nghe Phi Nọi nói, người anh đem cá nhỏ về nuôi. Ngày hai bữa, họ không quên phần cho cá. Cá dần dần lớn lên. Đó là một con cá măng xinh đẹp. Hai anh em vẫn đói nghèo lam lũ, ngày nào cũng phải quần quật với mấy mảnh ruộng nhỏ ở bãi tha ma.

Một hôm đi làm về, anh em Phi Nọi thấy một sự khác lạ. Ấy là nhà cửa đã được quét dọn sạch sẽ, đồ đạc đã được xếp đặt gọn gàng, cả cái chỗ nằm hôm nay cũng thơm mát. Lạ hơn nữa là cơm canh đã được nấu nướng ngon lành và bày dọn sẵn sàng. Nhà vẫn vắng. Ai mới làm những việc này mà bếp lửa vẫn còn đỏ rực, nồi nước vẫn còn bốc hơi nghi ngút? Phi Nọi nói :

— Có lẽ bà con thấy anh em mình vất vả, nên đến làm giúp đỡ. Thôi cơm canh đã sẵn, ta cứ ăn đi kéo đói anh ạ.

Hai anh em Phi Nọi ngồi ăn cơm. Người anh cứ băn khoăn suy nghĩ, còn Phi Nọi cứ mỉm cười.

Lần sau, rồi những lần sau nữa, cứ mỗi buổi đi làm về, hai anh em đều thấy nhà cửa sạch sẽ, cơm canh ngon lành như vậy. Phi Nọi coi như không có gì xảy ra, người anh hỏi khắp bà con trong bản, nhưng không ai nhận là đã đến làm giúp.

Một hôm đang nửa buổi làm ruộng, người anh trốn về, lên lên nhà xem sao, thì thấy một người con gái có sắc đẹp lạ lùng, cả mấy mường không cô nào sánh kịp, đang nhóm lửa thổi cơm. Nàng làm rất nhanh, chỉ một chốc cơm canh đã chín, cửa nhà đã sạch sẽ. Chàng sức nhớ đến con cá, se sẽ ra nhìn cái chum nuôi cá, chỉ thấy xác cá nổi lênh bênh. Chàng đoán chắc người con gái ấy chính là con cá măng mà bấy nay mình đã nuôi. Chàng đập vỡ cái chum, nắm chặt xác con cá. Nghe tiếng động, người con gái vội vàng chạy tới cái chum, nhưng không kịp nữa, chum đã vỡ tan, xác cá đã bị anh chàng giữ chặt trong tay. Nàng đứng thừ người.

— Nàng Pa Cảo⁽¹⁾ ơi! Nàng đã có lòng tốt giúp đỡ anh em chúng tôi, nàng hãy ở lại với chúng tôi đi. Chúng ta sẽ chung sống trong căn nhà này.

Pa Cảo nhìn anh hồi lâu rồi mỉm cười:

— Chàng đã có công nuôi em từ nhỏ, lời chàng nói em đâu dám chối từ.

Vừa lúc đó, tiếng hát của Phi Nọi từ đằng xa vọng về:

Nàng Pa Cảo ơi!

Đừng mơ cái xác cá nữa.

Hãy làm vợ anh tôi,

Nhà sẽ có thêm người,

Cái «bón non»⁽²⁾ thêm chẵn, thêm gỏi...

Từ hôm đó, trong căn nhà sàn nhỏ bé ở cuối bản, hai vợ chồng nàng Pa Cảo và Phi Nọi sống với nhau rất đầm ấm, vui vẻ.

Nàng Pa Cảo đẹp lắm, trắng rằm tháng tám cũng không sánh nổi. Xóm bản đều khen anh mồ côi cao duyên tốt số. Tiếng về nàng Pa Cảo đẹp hơn tất cả các đóa hoa rừng truyền đi khắp bản trên rừng dưới. Tin đến tận tai lão hung thần gian ác nhất trên rừng Trời. Lão rất thèm muốn, lão liền nghĩ cách cướp nàng Pa Cảo. Lão tập hợp quan quân dưới quyền lại. Đầu tiên hấn sai đàn ong vàng⁽³⁾:

— Ta muốn lấy nàng Pa Cảo làm vợ. Chúng mày có cách gì bắt được nàng không?

(1) Pa Cảo: con cá măng, lấy tên cá để gọi người con gái từ trong xác cá hóa ra.

(2) Bón non: chỗ nằm, vì người Thái ở nhà sàn, trước đây không có giường, mỗi người có một chỗ nằm nhất định.

(3) Ong vàng: loài ong độc có sắc vàng.

Đàn ong nói :

— Chúng tôi sẽ vào làm tổ trong cái ống mà nàng thường đựng thóc nuôi gà. Sáng sớm nàng dậy cho gà ăn, chúng tôi sẽ cắn chết, đưa hồn nàng về cho thần.

Phi Nọi cũng là một người từ mường Trời xuống để giúp người nghèo khổ. Phi Nọi có đôi tai rất thính. Khi lão hung thần và đàn ong bàn mưu độc, Phi Nọi đều nghe rõ đầu đuôi. Đêm ấy Phi Nọi bảo chị là nàng Pa Cảo :

— Sáng mai gà vịt đẻ mặc em, chị không được đến chuồng gà.

Sáng hôm sau, Phi Nọi dậy sớm hơn mọi hôm. Phi Nọi đến bên chuồng gà, lấy vải bịt kín miệng ống đựng thóc nuôi gà, rồi đem bỏ vào lửa đốt. Cả họ hàng nhà ong bị thiêu, khói bay lên trời, mùi khét lẹt. Lão hung thần căm tức lắm. Lão liền gọi đàn rắn độc đến :

— Ta muốn lấy hồn nàng Pa Cảo về làm vợ, rắn hãy giúp ta.

Rắn độc nói :

— Chúng tôi sẽ vào nằm trong « mo nừng »⁽¹⁾. Sáng sớm, nàng dậy hong xôi làm cơm, chúng tôi sẽ cắn chết, đem hồn nàng về cho thần.

Cũng như lần trước, Phi Nọi đã nghe rõ ngọn ngành, chàng dặn chị là nàng Pa Cảo :

— Sáng mai, em sẽ dậy đồ xôi, chị không nên dậy sớm.

Hôm sau, khi gà mới gáy, Phi Nọi đã dậy. Chàng lấy vung đập kín miệng « mo nừng » lại, rồi nhanh nhẹn bắc lên bếp, đun lửa thật đỏ cho nước chóng sôi. Đầu rắn độc bị ninh như. Mùi thơm bay lên trời. Hai lần thất bại, lão hung thần giận sôi lên. Hắn đòi con báng⁽²⁾ đến :

(1) Mo mưng : cái niềng dùng để đồ xôi.

(2) Báng : một con vật nửa thú nửa chim, đồng bào cho rằng nó kêu ở vùng nào thì vùng ấy gặp tai nạn.

— Ta muốn lấy nàng Pa Cảo về làm vợ, ta đã sai ong vàng, rắn độc đi bắt nàng, nhưng cả ong lẫn rắn đều không về. Nay ngươi hãy cố gắng giúp ta.

Báng thưa :

— Tôi có ba cái lưỡi, một lưỡi để kêu bầu gọi bạn ; một lưỡi khi kêu lên thì người đang sống sẽ lăn ra chết ; còn một lưỡi nữa, nếu kêu lên thì người chết rồi sẽ sống lại. Thế nào tôi cũng mang được hồn nàng Pa Cảo về cho thần.

Phi Nọi vẫn nghe cặn kẽ mưu gian. Chàng bần thần suy nghĩ, vì báng là loài vật ác nhất, nếu không tìm cách giết nó đi, hay cắt cái lưỡi độc của nó đi thì dù cứu được nàng Pa Cảo lần này, lần sau nó cũng bắt và bao người sẽ chết vì nó. Phi Nọi dặn anh mồ côi là chồng nàng Pa Cảo :

— Em có việc phải đi xa nhà ít ngày. Nếu ở nhà có việc không lành, anh phải vững như cây lim giữa rừng. Thậm chí, chị có chết đi, thì anh không được khóc tiếng nào, anh cứ để chị nằm đó chờ em về hãy hay. Nói xong, Phi Nọi biến mất.

Phi Nọi vừa đi khỏi nhà thì từ trong rừng xa, một con báng bay đến đậu giữa nóc nhà. Hắn kêu lên ba tiếng thảm thiết. Nàng Pa Cảo ngã lăn ra chết. Báng liền dẫn hồn nàng về nộp cho lão hung thần. Trên đường về mừng Trời, báng gặp Phi Nọi. Phi Nọi vồn vã hỏi báng :

— Ông mo ơ, ông đi hộ đám ở đâu về thế ?

Báng không trả lời, Phi Nọi vẫn bám gót, niềm nở hỏi :

— Nhà ông ở đâu, mà ông đi vội vàng thế ?

Báng chỉ trả lời qua loa rồi đi thật nhanh. Phi Nọi chạy theo hỏi to :

— Ông mo ơ, tôi ở mừng Trời đây mà, nghe tin ông đã lấy được hồn nàng Pa Cảo, thần bảo tôi xuống công ông về.

Báng sợ Phi Nọi cướp mất công nên từ chối. Phi Nọi vẫn cố giành mang cho báng một ít đồ đạc. Về đến nhà lão hung thần, Phi Nọi còn sẵn sóc giúp đỡ báng rất chu đáo.^{1b} Lão hung thần và báng thấy thế cả tin, nhận cho Phi Nọi làm đầy tớ để ngày đêm hầu hạ báng.

Lấy được hồn nàng Pa Cảo, lão hung thần rất sung sướng. Sau mấy ngày tiệc tùng linh đình và sau khi đã thưởng công cho báng một cách xứng đáng, lão hung thần cho người nhà « xồng »⁽¹⁾ báng về tận nhà. Phi Nọi xin đi, lão bằng lòng ngay.

Phi Nọi vào rừng chặt mấy cây tre thật tốt, đan một cái rọ thật chắc chắn, rồi bảo báng:

— Ông mo ơi, thần giao cho tôi việc « xồng » mo, thần bảo tôi phải cống ông về tận nhà, không được để ông đi chân. Tôi đã đan cái rọ này để ông nằm cho khỏe. Ông hãy chui vào nằm thử xem có vừa không.

Báng nghe bùi tai, chui vào rọ, khen: « Vừa lắm! Vừa lắm! »

— Ông hãy phá đi, xem nó có chắc chắn không, kéo đi đường đánh rơi ông, tôi có tội với thần.

Tưởng thật, báng dùng hết sức mình, cựa quậy mãi, nhưng cái rọ vẫn không hề gì.

Phi Nọi buộc kỹ miệng rọ, đỡ báng lên lưng, đi thật nhanh, đi thẳng về nhà nàng Pa Cảo. Phi Nọi cùng anh đốt một đồng lửa thật to rồi bảo báng:

— Mày đã bắt chị ta là nàng Pa Cảo cho lão hung thần, giờ thì ta cho xác mày ra tro.

Lấy thế có lười độc, báng liền kêu lên ba tiếng rền rĩ để giết Phi Nọi. Nhưng Phi Nọi không chết, nghe

(1) Xồng: tiễn chân, người Thái có khách quý đến thăm, khi khách ra về, chủ nhà cho người mang hành lý của khách đưa khách về tận nhà.

báng kêu ba tiếng, Phi Nọi càng khỏe hơn. Thấy thế, báng hốt hoảng. Phi Nọi kéo cái rọ gần thêm đồng lửa đỏ rực rồi thét lớn:

— Mày muốn sống hay muốn chết?

Biết đã mắc mưu Phi Nọi và biết sẽ không làm gì được Phi Nọi, nằm trong rọ, báng run cầm cập: « Xin ông tha chết cho tôi ».

— Mày có trả hồn cho chị ta không?

— Tôi xin trả nhưng đừng giết tôi. Báng đáp.

— Mày đã làm thế nào mà lấy được hồn nàng Pa Cảo, và bây giờ làm thế nào để nàng sống lại?

— Miệng tôi có ba cái lưỡi. Một lưỡi kêu lên, không có việc gì xảy ra, lưỡi ấy tôi dùng để gọi bầu bạn. Một lưỡi kêu lên ba tiếng người đang sống tôi định bắt đi sẽ lăn ra chết. Còn một lưỡi nữa, khi nào tôi kêu lên ba tiếng, người đã chết nếu tôi định cứu sẽ sống lại.

Phi Nọi mang báng đến bên xác nàng Pa Cảo rồi bảo báng:

— Mày muốn sống và muốn trở về mừng Trời thì hãy kêu lên ba tiếng cho chị ta sống lại. Nếu không mày sẽ nằm trong đồng lửa kia.

Đã nằm trong rọ, báng không thể chối từ.

— « Bọ ầu »... Tiếng thứ nhất vừa vang lên, tim nàng Pa Cảo đập, người nàng ấm lại dần.

— « Bọ ầu »... Tiếng thứ hai vừa dứt, nàng Pa Cảo mở mắt ra, tay chân cựa quậy.

— « Bọ ầu »... Tiếng thứ ba vừa dứt, nàng Pa Cảo ngồi hẳn dậy, cười nói như thường.

Phi Nọi bảo báng: « Mày hãy lè cái lưỡi làm chết người cho ta xem ». Không còn cách nào khác, báng đành lè cái lưỡi ấy ra. Nhanh như cắt, Phi Nọi nắm chặt lấy cái lưỡi ấy rồi dùng dao cắt xoẹt. Cắt xong, Phi Nọi bảo báng kêu thử. Báng kêu, Phi Nọi thấy không có chuyện gì xảy ra, tha báng về.

Cứu được nàng Pa Cảo, Phi Nọi bảo anh chị :

— Em là người mừng Trời, thấy anh nghèo mà cần cù và tốt bụng, trời sai em xuống giúp anh. Nay em đã hết hạn ở mừng lùm, không thể ở với anh chị nữa.

Nói xong, Phi Nọi biến mất.

Hai vợ chồng nàng Pa Cảo nhìn theo, bao vấn vương luyến nhớ. Từ đó họ sống với nhau càng đầm ấm, nhưng lúc nào cũng nhớ thương Phi Nọi, coi Phi Nọi là Pọ Then thứ hai. Mỗi khi có gì khó khăn, họ cũng khẩn mời Phi Nọi về giúp.

Theo LÊ ĐÌNH THIỀU
(Ty văn hóa Nghệ An)

NINH VIẾT GIAO

CON CHIM « TĂNG LO »

Từ thuở nào, họ Lo Kắm có nương rẫy bản làng tử tế. Bà con sống trong một thung lũng màu mỡ. Nhưng rồi có một thị tộc khác kéo đến đánh phá. Họ Lo Kắm địch không được phải dời bản.

Trẻ già trai gái kéo nhau ra đi. Họ qua hết triền núi này đến khu rừng kia. Trên đường đi, bao nhiêu lương thực mang theo, họ đều ăn hết. Đến một thung lũng, dựng xong mấy căn nhà sàn mới, họ đã phải ăn đến hạt thóc giống cuối cùng. Quả rừng, khoai mài đã giúp họ phần nào trong những ngày chặt cây làm nhà, phát rẫy làm nương. Nước suối đã giúp họ khi khát. Nhưng rồi biết lấy gì gieo xuống để chờ một mùa thu hoạch. Họ đã cho bao người băng rừng vượt suối để tìm kiếm ít lúa, ít ngô. Có người đi không trở về. Có người trở lại nhưng với cái lắc đầu uể oải tuyệt vọng. Quả rừng, khoai mài trong mấy khu rừng lân cận dần dần hết. Nương phát ra đó để cỏ mọc. Người nọ nhìn người kia ngao ngán thở dài. Đàn bà con trẻ than khóc.

Đang trong tình trạng bi đát đó, thì một buổi chiều trên một cây cao ở đầu thung lũng có tiếng chim tăng-lo kêu « rúc, rúc, rúc... »... Các ông già bà già nghe tiếng chim tăng-lo kêu mở cặp mắt đục nhìn vào bếp lửa âm thầm. Cái gì không hay lại đến thêm chẳng ! Nhưng không, chim tăng-lo đã đem hy vọng đến với mọi người trong họ Lo Kắm. Từ trên cành cây nơi chim tăng-lo đậu, mấy bông lúa hột mẩy óng vàng rơi

xuống ⁽¹⁾. Một cụ già đã nhặt được. Lúa ! Lúa !... Tin vui truyền đi từ nhà sàn này qua nhà sàn khác. Mọi người đổ ra xem lúa. Mấy bông lúa được nhẹ nhẹ chuyền từ bàn tay người này qua bàn tay người kia. Tay họ mân mê mà lòng mừng khắp khởi. Và mặc dù đã mệt rũ, tối hôm đó, con gái vẫn mặc bộ quần áo mới vui mừng múa lượn quanh đồng lửa hồng ; con trai thì hể hả thổi sáo, gảy đàn môi.

Khi cuộc vui đã gần tàn, cụ già nhặt được mấy bông lúa ban chiều, trầm trầm cất giọng nói : « Chim tăng-lo đã đem lúa đến cho ta. Từ nay chim tăng-lo là người nhà ta ». Họ Lo Kăm không bao giờ bắt giết chim tăng-lo ăn thịt từ đó. Mà nhớ có thấy con nào bị chết, họ bịt khăn trắng, cất tiếng khóc rồi đem chôn tử tế.

Soạn theo lời kể của
cụ LO KHÁNH XUYỀN
ở Châu Kim, Quế Phong
NINH VIẾT GIAO

(1) Có người nhớ : chim tăng-lo đem đến cả mấy năm xôi nữa.

KHỈ VÀ HỒ

Lâu lắm, từ ngày trên núi rừng này mới có mùa hoa ban đầu tiên, loài vật còn biết nói tiếng người. Hồi ấy khắp miền rừng bao la này, ngày đêm người ta chỉ nghe tiếng voi gầm, hồ kêu, vượn hú là âm vang hơn cả. Thấy hoa quả hay miếng mồi ngon là chúng tranh cướp rồi cắn xé nhau ầm ĩ suốt ngày. Riêng chỉ có khỉ và hồ là chơi với nhau. Khỉ tinh nhanh song yếu ớt, nhiều khi phải dựa vào sức khỏe của hồ. Hồ lớn xác song ngờ nghệch, đần độn, nếu không có khỉ bày mưu cho thì cũng nhiều phen nguy khốn. Do đó, hai con đi đâu cũng có nhau như một đôi đũa. Mặc dù vậy, hồ vốn tham ăn, cây khỏe nên hay tranh hết phần lớn mồi ngon. Khỉ ta thường bị đói luôn, mà phàn nàn kêu ca thì lập tức bị hồ tát cho mấy cái đau điếng. Mãi như thế, khỉ không chịu nổi, định tâm chơi cho hồ một võ nhớ đời.

Một hôm, khỉ và hồ cùng nhau lên nương đặt bẫy. Hồ đặt bẫy trên một gò đất mang hình yên ngựa. Còn khỉ thì vờ đặt bẫy trên đầu cọc cây.

Trên đường về, họ trò chuyện cùng nhau về số may số rủi của hai cái bẫy. Hồ hề hả đắc chí :

— Bẫy của tao đặt chỗ thấp là đúng luồng bò rừng và lợn cỏ hay qua.

Khỉ láu lỉnh cắt ngang lời hồ :

— Ồ ! Các con vật to bao giờ cũng đi cao, nên cái bẫy của tôi đặt là trúng nhất. Còn cái bẫy của anh đặt

chỗ thấp chỉ có thể bắt được những con bới gianh gây rác tìm mồi hay những giống bò sát đất mà thôi.

Tuy chưa tin như vậy, nhưng đã đến lúc chia tay nên hồ ậm ừ cho qua đề về nhà kiếm một giấc ngủ ngon sau buổi leo núi mệt nhọc.

Trưa ấy, khi hồ đang say giấc, khỉ lén trộm sang thăm bầy. Thấy bầy của hồ đang bắt cở một con lợn cở to tướng và bầy của mình chỉ giết được mỗi con quạ còi, khỉ đem buộc tráo lợn cở sang bầy của mình.

Sáng sớm hôm sau, khỉ hồ hỏi sang gọi hồ đi thăm bầy. Thấy bầy của mình chỉ bắt được con quạ đen đũi và bầy của chú khỉ được con lợn cở to béo hơn thân mình, hồ bắt đầu tin là khỉ nói đúng.

Được thể, khỉ ra oai sai hồ :

— Anh hãy đi chặt cây làm đòn khiêng lợn, mà phải chọn cây nào bên gốc nó có gai và đừng róc đi để khiêng cho đỡ hỏng thịt !

Hồ đi một lúc thì chặt được một cây khế ngạnh ⁽¹⁾ bằng cở chân đem về.

Lúc ấy khỉ ra vẻ tôn kính hồ và nói :

— Anh hồ ạ, anh to, khỏe hơn, anh sẽ khiêng đằng gốc. Còn bên ngọn thì em sẽ cáng đáng.

Nghe bùi tai, hồ ghé ngay vai vào đòn khiêng. Nhưng mỗi lần gai khế ngạnh đâm vào vai là hồ kêu đau « ề ề ». Khỉ khuyên : « Anh đừng kêu đau, kêu đau thịt lợn sẽ ươn sẽ đắng là mình mất ăn » !

Càng về sau hồ càng kêu dữ : « Ề ề, sao đau khiếp ! » Khỉ càng can : « Anh có nghe em không ? Cái chuyện khiêng lợn rừng này kêu thì thịt chát, hát thì thịt thơm ngon ! » Từ đấy hồ gắng chịu đau và chẳng dám kêu ra tiếng nữa.

(1) Khế ngạnh : Tên một loại cây ở rừng, gốc nhiều gai nhưng gai không nhọn lắm (B.T).

Khỉ và hồ khiêng được con lợn cỏ tới một bãi nương cũng là lúc cái bụng của đôi bạn ấy đói meo. Nom thấy đám mây vờn trên núi xa xa, khỉ bảo hồ đặt khiêng xuống và chỉ tay lên phía đám mây nói:

— Đó, anh thấy chưa? Ở đó có lửa đang bốc khói đấy, đến lấy về ta nấu thịt cùng ăn.

Hồ đi, bụng nghĩ: «Mình sẽ lấy lửa về, đốt cho khỉ bỏng, khỉ chạy đi, mình được ăn cả». Đã vượt không biết bao nhiêu là ngọn núi cao ngất mà hồ vẫn không tìm thấy lửa đâu hết. Hồ kiên trì tiếp tục đi tìm. Trong khi đó khỉ ở phía sau đã đi kiếm được lửa ở một lều nương gần đó, về làm thịt ăn. Ăn xong, cái dạ dày căng mọng, khỉ đun một nồi củ nâu thay thịt để phần cho hồ.

Về đến nơi, bụng đói meo, người mệt lử, được khỉ bảo: «Đây là nồi thịt để dành cho anh, vì anh đi quá lâu em không chờ được nên đã ăn trước rồi», hồ nghe bùi tai, quên cả ý định làm cho khỉ bỏng, ngồi vào xơi một cách ngon lành.

Nhưng càng về cuối càng thấy đắng chát, hồ hỏi thì khỉ đáp:

— Tại anh đấy! Em đã bảo «kêu thì chát, hát thì thịt thơm ngon» cơ mà, anh chẳng nghe, cứ kêu đau nên em cũng phải chịu phần ăn đắng theo anh.

Nói xong khỉ cầm ống đi xuống suối mức nước.

Hồ ăn cho đến khi ở đáy nồi trơ ra một cục lớn. Hồ cắn đôi ra mới biết là củ nâu và nhận ra khỉ đã lừa mình. Hồ giận lắm, mắt đỏ bừng như hai hòn than! Hồ tung mình đuổi theo. Mới thoáng thấy bóng khỉ, hồ quát:

— Tiên sư mày, thằng khỉ! Sao mày dám hỡn lừa tao ăn củ nâu thay thịt lợn cỏ?

Khỉ bình tĩnh đáp lại:

— Oí anh hồ kính yêu! Anh đừng hồ đồ, nói năng lung tung mà mang không hết tội! Ta ở đây từ rất lâu

mà chỉ quen sống bằng những bữa cua đá thơm ngon như cao nường chứ biết đâu thịt lợn cở với thịt lợn cây! Có muốn ăn một bữa cua cho biết mùi đời thì xuống đây mà bắt với ta.

Hồ nghe, bốt nóng rồi khệnh khạng xuống bắt cua với khỉ. Hồ vừa xuống suối được một lúc thì nghe khỉ gọi âm lên:

— Anh hồ ơi, anh hồ! Nhanh lên, về đây nhanh lên, về đây em bảo này!

Hồ lếch thếch chạy đến thì khỉ lấy chân chỉ trở vào dưới một tảng đá to và bảo:

— Dưới đây có một con cua to lắm, mai nó bằng cái thớt ấy. Em đang bận tay nâng tảng đá không thể lấy được. Anh hãy đưa chân vào mà cào nó ra!

Hồ nhẹ dạ thò chân vào sờ soạng thì khỉ buông tay và một tảng đá sập xuống đè nát cả bàn chân của hồ. Bị đau điếng, hồ tối mắt tối mũi và lắc tay quay mình tứ tung rồi ngoảnh lại thì đã chẳng thấy bóng khỉ nữa. Hồ ôm cái bụng đầy tức tối đuổi theo định hễ thấy khỉ là quật chết tươi ngay. Đến một sườn dốc thấy khỉ đang ung dung nhặt những quả vả chín mọng bỏ lên miệng, hồ sấn tới tóm gáy khỉ xách lên:

— Đây rồi! Mày muốn sống hay muốn chết hả thằng khỉ xỏ lá kia, sao mày lừa tao?

Khỉ điềm nhiên trả lời:

— Mày chỉ cạy vào cái xác mình to mà nói vậy! Mày là hồ mày phải biết chứ, trên rừng này có bao nhiêu loại khỉ? Mà khỉ theo suối ăn cua khác, và khỉ trèo cây ăn vả lại khác, đâu phải tao lừa mày? Biết điều hãy im đi và muốn ăn vả thì ngồi xuống đây với tao mà ăn.

Hồ nghe xuôi tai, bỏ khỉ ra, nhẹ nhàng ngồi xuống bên gốc vả. Đầu tiên khỉ đưa cho hồ những quả vả chín ngọt lịm. Lát sau, khỉ tấm tắc khen: « Ôi! Quả này rất to và chín rất mọng, ngọt phải biết ».

Khi hăng giọng bảo hồ :

— Anh hồ muốn ăn thì há miệng ngửa cò lên và nhắm mắt lại để tôi bỏ vào cho không thì dễ bị sặc nghẹn.

Nghe thấy, hồ đã ứa nước bọt và há hốc miệng chờ. Thế là tức khắc cả một tổ kiến lửa bị tống vào mồm hồ. Bị vỡ tổ, kiến thi nhau bò chạy toán loạn và con nào con nấy cong đít lên, phun nước, thò kim đốt lung tung, làm hồ bị ngứa ngáy, đau buốt rồi sừng tấy cả miệng, lưỡi, mắt, mũi, đầu tai...

Hồ rũ kiến xong ngoảnh lại thì khỉ đã chạy biến. Hồ căm lắm nên lại tung mình đi tìm giết khỉ. Đến đỉnh núi bên gốc một cây « ké », hồ bỗng nghe phảng phất bên tai : « Pùm pum pum, pùm pum pum » hồ ngửa cò lên thì thấy một chú khỉ đang phình má đu mình và chân tay múa may tíu tít trên cành cây cao. Đích thẳng này ! Hồ sừng sộ chửi bới, dọa nạt :

— Tổ sư nhà khỉ ! Đồ xỏ lá ! Sao mày bỏ tổ kiến vào miệng tao ? Phên này mày đừng hòng thoát chết !

Khỉ ung dung đáp :

— Đừng láo lếu mà no đòn của tao ! Lớn đầu thế mà còn không biết :

Khi mò cua bắt ốc khác

Khi leo núi hái sung nhặt vả, khác

Và khi trèo cây rung trống, lại khác.

Khi chỉ tay sang tổ ong to tướng ngay cành cây bên cạnh, nói tiếp :

— Ông mù hay sao mà lại không thấy trống đấy à ? Nếu ông muốn gõ một tý cho vui và đỡ mệt thân già thì hãy trèo lên đây.

Hồ trông lên thấy tổ ong mà tưởng trống thật, nên lại thấy lòng vui hết bực bội rồi hý hoáy tìm hương lên. Khỉ lại dẫn vờ xuống :

— Khi lên ông phải mang theo một nắm dây rừng để buộc lưng vào cây cho khỏi ngã.

Hồ vui thú làm theo lời khỉ: túm một cuộn dây rừng hỉ hả trèo lên. Khỉ cần thận cột hồ vào cành cây rồi bảo: « Hồ hãy cựa thử xem đã chắc chưa? Không thì để tôi cột thêm cho vững ». Hồ sợ bị ngã chết nên vẫn cứ nói là « chưa »! Khỉ lại buộc thêm mấy vòng dây nữa cho hồ vững lòng mà « rung trống ». Đến khi hồ chỉ còn cựa được mỗi cái chân, khỉ bảo:

— Lúc nào tôi bảo đánh mới được đánh, không thì trống cóc 'kêu đầu!

Khỉ tụt xuống xong xuôi rồi gọi lên:

— Đánh đi, đánh cho thật khỏe vào!

Hồ hít lấy hơi rồi đưa chân lên phang mạnh vào tổ ong. Thế là bao nhiêu ong, kể cả những con mới tập vỗ cánh cũng bám vào thân hồ mà đốt, đốt cho đến hết nước độc trong bụng mà vẫn chưa thôi. Hồ đau buốt khắp thân nên đạp giầy gần chết mới dứt được dây buộc và khi rơi xuống vẫn còn tuốt lại vỏ đuôi trên ngọn cây « ké ».

Lòng tràn nổi căm, khi hồi được ít sức hồ lại tiếp tục đuổi khỉ. Nó vừa chạy theo vừa găm gào:

— Thằng khỉ khốn nạn. Tao thà chết còn hơn để mày sống. Lần này thì nhất định tao phải vò mày ra như cám!

Khỉ nghe, sợ vỡ mật và chạy qua rừng rậm rồi bị sa xuống một hố đất sâu thẳm. Hồ đuổi đến nơi thì thấy khỉ đang huýt sáo miệng vì vu dưới đáy hố. Hồ chưa kịp quát nạt nửa câu, khỉ đã vẫy tay gọi giật:

— Hồ! Chết chưa, trời đang rạn nứt sắp sập xuống đến nơi rồi mà hồ vẫn còn đứng đó! Xuống đây, mau lên, mau lên!

Hồ ngẩng lên thấy đám mây đen xịt lơ lửng trôi trên đầu mà hoảng hốt rồi nhảy ngay xuống hố. Hồ vừa đau vừa mệt nên quên hết sự đời, ngủ thiếp đi. Ở dưới đáy hố sâu, khỉ đang buồn vì bị cách thoát thân nên lấy lá gianh nhọn sắc chọc đùa vào hồ cho vui. Lần thứ nhất hồ còn ôn tồn:

— Đừng nghịch thế, đau!

Biết thóp, khỉ càng trêu già chọc tiếp. Hồ bực mình dọa :

— Bảo không nghe, tao đá một phát đưa mày lên miệng hổ mặc trời dè nát bây giờ!

Khỉ mừng thầm chọc mạnh hơn. Hồ tức mình, đưa chân đá mạnh một phát hất chú khỉ lên tận miệng hổ. Khỉ mừng quỳnh reo hò chạy đi tìm dân bản gần đó đến mà vây giết hổ. Gặp một đám đông, khỉ giả làm chân què khập khiễng đi qua. Bọn trẻ đang đánh quay trông thấy, chúng kêu ầm :

— Ô kìa!

Khỉ chân thọt vào làng

Khỉ chân què vào bản

Bà con ơi, ta cùng vây tóm lấy nào!

Thế là dân cả mừng này ùa ra săn đuổi khỉ. Thấy người đuổi theo khỉ càng làm bộ chậm lại. Nhưng khi người ta đuổi gần sát thì khỉ lại chạy nhanh hơn không để họ tóm được. Đã trót, đoàn người đuổi mỗi lúc càng hăng hơn. Đến khu rừng có hổ đất mà nó vừa thoát thân, khỉ càng chạy quanh quẩn rồi lại quẩn quanh, cho đến khi nghe thấy dân mừng kêu lên :

— O, bà con ơi! Ở dưới hố này có con hổ dữ!

Khỉ mới nhanh chân chạy vào rừng sâu mất hút.

Lúc này, mọi người chẳng còn nhớ đến con khỉ què nữa. Người ta chỉ biết có con hổ to đang sa hố mà hò nhau khuân rơm vác củi đến chất đầy vào đó rồi đốt lửa thui hổ. Hổ bị lửa táp, nó lông lên, gầm gào vang động cả núi rừng. Hổ vùng vẫy hồi lâu rồi nhảy được ra khỏi miệng hố và chạy biến lên rừng sâu. Lúc ấy người ta còn thấy lửa vẫn cháy loang lổ trên lưng hổ.

LÒ VĂN CHUNG

(Mường Phăng, Điện Biên kể)

LÒ VĂN SỸ ghi

CHUYỆN ÁI ⁽¹⁾ THOI

Thách nhau

Trời đã bắt đầu mùa đông, áo mặc không có, thân phận đơn độc chẳng nơi nương tựa, nghĩ đến cảnh túng nghèo của mình, ái Bơ khóc sưng vù cả mắt.

Một hôm ái Thoi gặp ái Bơ khóc ở cạnh đường. Ái Thoi hỏi:

— Có gì đau khổ trong người mà ái Bơ khóc?

— Cái rét đang kéo về, áo mặc không có, nhà ở không có, cơm ăn cũng không có. Thấy cực trong lòng, tôi khóc — Ái Bơ trả lời.

Ái Thoi đến vỗ vai an ủi, và hứa sẽ kiếm cho ái Bơ áo mặc. Ái Bơ không tin được, vì chính ái Thoi cũng đang rách rưới như mình. Mặc dù nghĩ vậy nhưng ái Bơ vẫn hỏi lại ái Thoi làm cách nào để cho có áo mặc. Ái Thoi quả quyết là sẽ có áo mặc ngay, mà là áo đẹp, lụa là gấm vóc. Ái Thoi chỉ nhờ ái Bơ đi bắt cho mấy con lươn con chạch là có áo. Khi ái Bơ hỏi bắt lươn chạch để làm gì thì ái Thoi mới thổ lộ:

— Hôm nay vợ tao mừng và mấy người hầu của mẹ sẽ gánh vải lụa gấm vóc qua đây. Ta là người nghèo, ta phải tìm cách đoạt lấy một gánh vải mà may quần áo. Lươn chạch sẽ giúp ta lấy quần áo.

Nghe nói lươn chạch sẽ giúp mình lấy quần áo, ái Bơ mừng thầm trong lòng liền chạy vụt đi bắt lươn chạch

(1) Ái: Tiếng Thái nghĩa là anh, chàng (B.T.)

dưới ruộng. Khi ái Bớ mang lươn chạch đến thì cũng vừa lúc ái Thoi nhìn thấy một tổ quạ ở trên ngọn cây cạnh đấy, ái Thoi liền bảo ái Bớ lấy lươn chạch trèo lên cây bỏ vào trong tổ quạ. Mặc dù không biết để làm gì nhưng ái Bớ vẫn cứ làm theo lời ái Thoi.

Một lúc sau quả là có vợ tào mường đi tới. Theo sau mẹ ta là những người hầu, những gánh vải đầy ắp bồ sọt của một chuyến đi xuôi chợ về. Vợ tào mường đến nơi, ái Thoi đứng ra giữa đường chấp tay vái lia lia :

— Xin bà tào dừng chân, tôi muốn thưa chuyện.

Đi đường xa, chân mỏi lại tiện nơi bóng mát, vợ tào mường cho người theo hầu nghỉ chân. Bà ta bảo gái hầu trải chiếu lên thảm cỏ ngồi phệt nhai trầu tẩm tẩm. Ái Thoi bước chầm chậm đến trước mặt bà tào, thưa :

— Thưa bà, tôi muốn hỏi bà cái mà tôi chưa biết. Vợ tào mường cất tiếng oang oang :

— Tao có biết cái nào là cái mà đã biết. Còn cái nào là cái mà chưa biết !

— Cái mà tôi chưa biết là cái tổ bưng nhùng rơm rạ ở trên ngọn cây kia — thưa bà.

— Đúng là thẳng ngu, chỉ có thế mà cũng hỏi. Tổ ở trên cây là tổ chim tổ quạ chứ còn tổ gì. Ái Thoi đứng hồi lâu như đoán quyết :

— Thưa bà, đó không phải là tổ chim, tổ quạ, mà là tổ...

Vợ tào mường sầm mặt lại cất tiếng chỉ chát :

— Cái tổ mà mẹ mày à. Mày có dám thách với tao không ? Tao nói tổ chim, tổ quạ ! Mày nói tổ gì ? Mày mà nói sai tao đánh ba chục roi.

Ái Thoi đĩnh đạc :

— Tôi xin nhận lời thách với bà. Tổ trên ngọn cây đó không phải tổ chim tổ quạ. Mà là tổ chạch, tổ lươn !

Nghe nói đến tổ chạch tổ lươn, vợ tạo mừng cười nhạt, rồi bà ta lại một lần nữa sầm mặt lại nghiêm nghị hơn:

— Ái Thoi chớ nói đùa với ta, bị đòn đừng có trách. Có lay bà để xin chữa lời thì lay, kéo hối không kịp.

Ái Thoi không chữa lời. Một cuộc thách nhau được thỏa thuận: nếu là tổ chim tổ quạ thì ái Thoi bị đánh ba chục roi. Ngược lại đó là tổ chạch tổ lươn thì vợ tạo mừng phải mất một gánh vải cho ái Thoi.

Vợ tạo mừng hạ lệnh cho người trèo lên cây lấy cái tổ bùng nhùng rơm rạ ấy xuống. Mọi người xúm lại xem. Khi mở ra thì hiển nhiên nằm khoanh trong cái tổ ấy mấy con lươn con chạch.

Vợ tạo mừng cut hứng. Biết rằng bị ái Thoi lừa nhưng vợ tạo mừng vẫn phải mất một gánh vải cho ái Thoi như đã thỏa thuận. Ái Bớ, ái Thoi được gánh vải, họ chia nhau một đầu gánh, còn một đầu gánh đem phân phát cho những người rách rưới như họ.



Bế thóc giống

Mới mờ sáng, cồng chiêng ở nhà tạo đã nổi inh ỏi. Cái thì cồng sẵn, cái thì cồng thờ cúng, rồi cồng gọi người đi nương, vì hôm nay là ngày xuống mùa của nhà tạo. Trong nhà tạo nhốn nháo, người thì chắt ống lấy nước, kẻ thì để thóc giống vào bể, họ lên sân xuống sân lộn xộn. Ái Thoi cũng được gọi đến đi tĩa lúa nương cho nhà tạo.

Ái Thoi bước vào nhà chẳng ai để ý. Ái tần ngần suy nghĩ rồi quyết định chơi khăm bọn sống ở trong nhà tạo một phen. Mấy bể thóc giống ở đầu thang đã

dong đầy ắp, bể nào cũng có lá dầy kín. Ái Thoi đem một cái bể khác đồ thóc giống sang rồi ái vào ngồi trong cái bể trước đó đã có thóc giống lấy lá dầy kín lại như cũ.

Mặt trời đã nhô khỏi đỉnh núi. Trong nhà có tiếng nhắc tới ái Thoi. Tại sao đến giờ này mà ái Thoi chưa tới. Hẳn mà vắng mặt trong buổi tĩa lúa nương này thì sẽ bắt hẳn vác nước một ngày một đêm để cho các tạo, bà nàng uống rượu cần. Đó là tiếng nói của gã cai quản ở trong nhà tạo. Họ truyền lệnh điệu thóc giống ra nương, mỗi người một bể, họ điệu đi nghìn nghịt. Gã cai quản điệu đúng vào cái bể có ái Thoi ngồi trong. Quái lạ, cái bể thóc giống hôm nay sao mà nặng thế. Gã ta vừa suy nghĩ vừa đi. Mồ hôi toát mấy lần gã ta mới điệu cái bể lên đến đầu nương. Tay gã chống gậy, mồm thở hồn hển, vừa thở vừa gọi mấy người gần đấy đến nhắc cái bể trên đầu xuống cho. Tuy thế, gã ta vẫn không quên nhắc: phải thận trọng kéo đồ mất thóc giống của nhà tạo thì liệu đòn với ông. Cái bể vừa đặt xuống đất thì ái Thoi từ trong bể nhảy tót ra khua chân múa tay nói cười hề hả:

— Cám ơn ông anh. Hôm nay em đau chân, nếu không có ông anh bế lên đây thì em sẽ vắng mặt buổi tĩa lúa nương này rồi em sẽ bị bắt phạt đi vác nước một ngày một đêm để cho các tạo, bà nàng uống rượu cần.

Gã cai quản bị lừa đau điếng, hấn tức lắm nhưng không biết làm cách nào được. Còn những người khác thì họ cứ nhìn ái Thoi rồi trộm liếc gã người gầy hao hao kia mà tủm tỉm cười.

Về nhà, gã cai quản kể lại với tạo về chuyện mắc lừa ái Thoi. Tên tạo mừng cũng tức, hấn bày mưu cứ đợi đến ngày ái Thoi tĩa lúa nương sẽ trả miếng cay cho nhau nếm.

Hôm sau nhà ái Thoi tĩa nương, ái đã biết dù sao nhà tạo cũng trả thù, ái quyết định phải chơi tên tạo một vố nữa, cho nên thóc giống chẳng nhiều nhưng ái Thoi cũng đong vào mấy cái bể để ở đầu thang, đây lỉ kín lại. Quả vậy, tên tạo mừng ngu ngốc cùng với gã cai quản đến nhà ái Thoi. Thấy chúng đến, ái Thoi vào khuất trong nhà. Tên tạo mừng lên thang không thấy ái Thoi, hấn liền chui vào trong bể lấy lá đây lại. Còn gã cai quản thì vào nhà gặp ái Thoi, gã tự giới thiệu là được nhà tạo cử đến để lên nương tĩa lúa giúp ái Thoi. Ái Thoi cảm ơn. Gã cai quản giục ái Thoi đi ngay kéo trưa mất. Hấn ta đi trước đi lấy cái bể có thóc giống thật, còn chiếc bể có tên tạo mừng ngồi ở trong thì để cho ái Thoi đi.

Ái Thoi đi cái bể lên nương, giả vờ chẳng hề biết gì. Khi lên giữa dốc, ái Thoi thét lớn : « Trời ! Cái bể của tôi sắp đứt quai, cái bể sẽ lăn xuống vực ».

Tên tạo mừng ngồi trong bể hốt hoảng nhảy bừa ra, ngã lăn kênh, hấn cố nhoài đến đưa tay ôm lấy chân ái Thoi. Ái Thoi kêu to : A ! Tên ăn cướp thóc giống ! Sẵn cái gậy trong tay, ái phang lia lịa vào đầu tên tạo mừng. Khi gã cai quản chạy tới bảo đó là ông tạo mừng thì tạo mừng máu me đã chảy đầy mặt.

Ái Thoi giả vờ hối hận :

— Khốn khổ, tạo mừng lớn ngồi trong bể của con mà không cho con biết một lời.

Tên tạo mừng nhăn nhó nhìn ái Thoi hết sức căm tức mà miệng cứ phải câm như hến.



Cúng thần nương

Lúa nương đang lên xanh mơn mớn khắp các lưng đồi. Theo tục lệ, lúa gần làm đòng là phải cúng thần

nương để lúa chắc hạt. Nhà nhà sắm sanh lễ vật để đi lên nương cúng thần. Nơi cúng là các hốc cây ở xung quanh nương.

Ái Thoi biết trước ngày nhà tạo sẽ làm thịt lợn mang lên nương cúng thần. Rìa nương nhà tạo chỉ nguyên có một hốc cây to nhất, chắc chắn tạo sẽ cúng ở đó.

Đúng ngày cúng, khi những đám mây vừa kéo lên khỏi đỉnh núi thì ái Thoi đã tới trước chỗ hốc cây nơi nhà tạo sẽ cúng. Thấp thoáng xa xa dưới chân đồi một đoàn người đang đi tới, họ mặc áo dài và hương khói cầm tay. Ái Thoi biết chắc đó là đoàn người nhà tạo đi lên nương cúng lễ. Khi đoàn người đã tới gần, ái Thoi bước nhẹ vào trong hốc cây. Đoàn người lặng lẽ đi tới. Đi đầu là gã cai quản nhà tạo mặc áo dài đen lướt thướt, tay cầm gậy, tay cầm quạt, hẳn ta sẽ là người cúng trong đám lễ này. Ái Thoi đoán không sai. Họ đến cúng đứng vào hốc cây mà ái Thoi đang ngồi trong đó.

Một người đàn ông cao to nhắc cái bễ điệu trên đầu xuống đất. Họ xúm nhau lại lấy ra những xôi thịt oản chay. Mùi thịt mùi xôi thơm phức lan tỏa cả một góc nương. Gã cai quản mang những gói xôi thịt đến gần hốc cây, hẳn ta đồng đạc khấn :

Mời ông thần ở bốn góc trời

Mời ông thần ở năm phương đất

Ông thần lớn trong hốc cây

Dậy ăn thịt cúng nương

Đến ăn xôi cúng rẫy...

Hẳn ta bảo mấy người lùi ra xa rồi lầm nhảm những tiếng gì không rõ. Thỉnh thoảng gã mới gào lên một tiếng « mời » thật to để mọi người cùng nghe. Và cứ mỗi lần mời như vậy gã ta lại ném vào trong hốc cây một cục xôi và thịt theo luật lệ.

Ái Thoi ngồi trong đay cứ việc ăn cơm, nhai thịt, vừa ăn hết nắm xôi này thì những cục xôi khác lại ném vào. Thịt nạc, chả nem, cá nướng, không thiếu một món ngon nào trong đám cúng. Ái Thoi ăn thịt đay, ăn đến chán ngấy không thể nuốt được nữa, ái mới thò đầu ra khỏi hốc cây.

Gã cai quản thấy đầu người từ trong hốc cây thò ra, hấn hoảng sợ gào thét líu cả lưỡi. Những người xung quanh châu chực buổi cúng thấy vậy cũng nhốn nháo định bỏ chạy. Lập tức ái Thoi cất tiếng :

— Đừng sợ ! Ái Thoi đây mà.

Lúc đó thì gã cai quản và mọi người cũng vừa nhận ra mặt ái Thoi. Ái Thoi bước đến trước mặt gã cai quản nói chầm chậm :

— Cám ơn ông anh, bụng đang đói tự dưng lại được một bữa no đầy.

Gã cai quản sầm mặt lại, quát tháo inh ỏi :

— Sao ái Thoi lại dám ăn xôi thịt cúng của nhà tạo ?

Gã gầm gừ hô hoán bắt trời ái Thoi. Ái Thoi vẫn điềm nhiên. Tiếng ái đồng dạc :

— Tôi không chủ định ăn xôi thịt này, nhưng xôi thịt cứ rơi vào mồm tôi đành lòng tôi phải cố nuốt.

— Sao ái Thoi lại đến ở trong hốc cây này ? Hốc cây của nhà tạo cúng.

Ái Thoi cười ghệt ghẹo, cười đến chảy nước mắt, cười lăn cười lóc. Lát sau ái vừa ôm bụng cố nhịn cười vừa nói :

— Trời ôi, tôi có biết hốc cây nào là hốc cây của nhà tạo cúng. Chả là chiều qua tôi đi đánh kẹp chuột đến đây thì trời vừa tối, tôi đi vào hốc cây ngủ. Phần vì mệt, phần vì đói tôi ngủ thiếp đi chẳng biết trời đất tối sáng lúc nào. Trong cơn mê mộng tôi nghe âm ầm

thơm thơm ở môi, tôi cứ nhai cứ nuốt, tỉnh dậy mới nghe tiếng ông anh cũng, tôi bước ra để cảm ơn ông. Chuyện có thể thôi mà.

Ái Thoi lại cười. Mọi người cùng cười theo tán thưởng. Gã cai quản tức bầm cả ruột, nhưng Ái Thoi nói có lý, đành biết là Ái Thoi lại chơi khăm nhà tao vậy.

Gã cai quản về kể lại cho tao nghe việc Ái Thoi vào ở trong hốc cây nơi nhà tao đem xôi thịt đến cúng. Các miếng ngon trong đám cúng Ái Thoi ăn hết cả rồi. Ông tao mừng đang uống rượu khật khừ vừa say vừa tỉnh, bần quả quyết : « Nó chơi ta thì ta chơi lại nó ». Gã cai quản mỉm cười tán thưởng theo ý tao.

Hôm sau Ái Thoi tung cái tin nường lợn to đi cúng thần nường. Mờ sáng, Ái bắt con lợn trong chuồng treo ngược giò lên găm sào. Tiếng lợn kêu eng éc. Tiếng lợn kêu làm phập phồng tim ông tao mừng gian ác ngu xuẩn và gã đầy tớ trung thành của y. Trời chưa sáng hẳn, sương mai còn óng ánh trên những ngọn cỏ, bông lau, tao mừng và gã cai quản đã giục mấy mẹ bà nằng đi ăn chả nem xôi thịt cùng tao. Họ dắt tay nhau đi lên chỗ đám nường Ái Thoi. Vì đi sớm quá, quần áo của họ dấp nước sương ướt sũng như chuột lột, mặt mũi thì dính đầy bông lau nhớp nháp. Họ tìm được một hốc cây khá rộng và đoán Ái Thoi sẽ cúng ở đây. Họ kéo nhau vào ngồi co ro trong hốc cây từ lúc mặt trời mới nhô khỏi đỉnh núi cho tới khi đã đứng ở đỉnh đầu. Bụng ông tao mừng sôi râm ran ùng ục trong hốc cây, vì đã quá bữa. Mấy mẹ bà nằng thì luôn dẫn vật ông, tại sao ông lại mang họ đến ở đói meo trong hốc cây này. Mỗi khi họ gắt gỏng lớn tiếng thì ông tao lại cố làm lành an ủi : « Chịu khó một tý, lát nữa mà ăn chả ăn nem. Càng đói ăn càng ngon »

Gã cai quản ló đầu ra khỏi hốc cây, hẳn thấy Ái Thoi đang đi tới, nó mừng quỳnh lên rồi dùng hai tay ấn

đầu ông tạo và các mẹ bà nàng xuống. Gã ta thì thảo cùng ông tạo : « Chuyến này thì cứ tha hồ mà chén. Chén đây thì thôi ». Ông tạo vẫn không quên nhắc : « Ấy miếng gan phải dành phần tao ; tao gãy răng mà ».

Ái Thoi đi tới. Biết chắc là ông tạo mừng và gã cai quản đã ở trong hốc cây, ái liền nhóm lửa đun nước. Khi nước sôi, ái bước tới chỗ hốc cây cất tiếng khẩn dõng dạc :

Mời ông thần ở bốn góc trời

Mời ông thần ở năm phương đất

Các thần lớn trong hốc cây

Dậy mà húp nước canh

Nhà con khó chẳng có xôi

Cửa con nghèo chẳng có thịt

Chỉ có nước lam sôi mời thần dùng tạm...

Vừa cúng, ái Thoi vừa dội từng gáo nước sôi vào trong hốc cây. Bị bỏng, mấy mẹ bà nàng la hét om sòm, ông tạo mừng và gã cai quản cũng giãy giụa lục đục trong hốc cây. Thấy vậy, ái Thoi càng dội mạnh, dội tới tấp, đổ cả ống lam nước đang sôi vào trong ấy.

Chịu không được, ông tạo và cả mấy người phải nhảy ra. Ái Thoi đến cầm tay ông tạo mừng kêu đau xót :

— Khổ cho con quá. Nhà con nghèo không có xôi thịt cúng, con cúng bằng nước lam sôi, sao ông tạo lại kéo nhau đến vào ở trong hốc cây này để cho con dội nước sôi phải mà bỏng cả người. Khổ không là trời !

Mấy mẹ bà nàng thì khóc lu la, tóc xõa rối tung, mặt sưng tấy lên vì bỏng. Mặt ông tạo cũng đã sưng rộp, mắt híp lại, các bà nàng lại còn bầu đến kéo áo xỉ nhục : « Chả ời là nem, một mình ông ăn không sướng lại còn kéo cả vợ con cùng đi ! ».

Bị ái Thoi chơi cho nhiều vết đau, nhà tạo ra lệnh bắt ái Thoi để hành hình.

Ái Thoi đang ngủ ngày, bỗng nhiên thấy quân nhà tạo ầm ầm kéo đến. Biết là chuyện chẳng lành nhưng chạy không kịp, ái đành làm liều nhảy tót vào nằm trong máng loóng ⁽¹⁾. Bọn người nhà tạo ào đến, họ định lấy chày đâm. Ái Thoi khoa tay cất tiếng:

— Các người chớ đâm. Nếu đâm là máu sẽ phọt vào mắt các người. Các người cứ đập thôi. Đập mạnh vào là tôi đau chẳng chạy được nữa.

Bọn chúng sợ máu phọt vào mắt như ái Thoi nói nên chúng không đâm. Chúng dùng chày đập. Đập lia lịa. Khốn khổ cho bọn ngu ngốc, những nhát đập của họ chỉ va vào hai thành máng loóng chứ đâu có đụng vào mình ái Thoi. Bọn người cứ đập. Đập mãi, đập hoài vã cả mồ hôi, hai bàn tay phồng giộp lên. Chừng như bọn người đã mệt lử, ái Thoi vùng dậy co chân chạy. Bọn chúng lại ào theo đuổi sát sát. Chẳng còn đường nào chạy nữa, ái nhảy tót lên mái nhà. Chúng kéo nhau đến vây kín mít. Lần này họ định phóng lao, bắn nỏ. Ái Thoi lại bảo:

— Các người bắn nỏ, phóng lao là tôi sẽ chết. Tôi chết còn đâu mà bắt sống để hành hình như lệnh tạo truyền. Tốt hơn hết là các người lấy tro ném vào mặt tôi, tôi sẽ mù mắt. Các người cứ việc lấy dây trói tôi đem về nộp cho tạo.

Nghe ái Thoi nói, bọn người nhà tạo họ lại hò nhau đi lấy đến bao nhiêu là tro bếp. Họ thi nhau tung tro lên nóc nhà. Khốn khổ cho bọn người, tro chẳng vào

(1) Máng loóng: cối giã. (B.T).

mặt ái Thoi, mà chính những con mắt mở to của họ lại hứng lấy những bụi tro từ tay họ tung lên. Người nào người nấy ôm lấy mặt mà đụi. Nhân lúc ấy, ái Thoi nhảy vọt từ nóc nhà xuống đất lao thẳng một mạch ra hướng bờ suối.

Bọn nhà tạo lòng ngày này qua ngày nọ. Lòng mãi rồi chúng bắt được ái Thoi. Tên tạo mừng truyền lệnh đàn lồng để nhốt ái Thoi vào lồng dìm xuống suối.

Để ái Thoi đau đớn hơn, sau khi nhốt ái vào lồng, bọn chúng đi về ăn cơm uống rượu, hẹn đến chiều sẽ cho ái Thoi xuống suối đi âm phủ.

Ái Thoi nằm trong lồng cảm tức bọn nhà tạo gian ác. Sắp phải chết, hai hàng nước mắt của ái chảy giàn giụa. Tuy vậy, đôi mắt sáng ấy vẫn còn nhìn rõ những ngọn núi, những đám nương đã nuôi sống ái. Đôi tai vẫn còn nghe rõ tiếng suối reo, chim hót, những tiếng nói thân thương gần gũi với ái.

Từ phía xa xa xuất hiện một người đàn ông đi lại. Ái Thoi giương đôi mắt sáng lên nhìn. Người đó không phải là người của nhà tạo, mà là một tên chuyên cướp đường giết người lấy của. Chính mắt ái đã nhiều lần trông thấy tên này đánh người cướp của. Tên đó đi lại, trên vai đeo cái túi khá to. Tới gần hẳn trở mắt nhìn ái Thoi trong lồng. Ái Thoi vẫn tỏ vẻ nhàn nhã nằm khoanh trong lồng. Tên cướp cất giọng khàn khàn:

— Sao ông lại bị nhốt trong lồng này?

Ái Thoi biết nó đang bị ghẻ lở nặng. Lập tức ái nghĩ ra kế rồi mỉm cười trả lời:

— Không phải tôi bị nhốt đâu. Tôi vào trong lồng này chữa bệnh ghẻ đấy.

Nghe nói đến chữa bệnh ghẻ, tên cướp mừng khắp khỏi trong lòng. Hắn nói như van lơn, như vừa ra lệnh :

— Ông ra ! Ông ra cho tôi vào chữa với. Tôi cũng bị bệnh ghẻ mà.

Ái Thoi mừng thầm trong bụng, nhưng cứ ra về không thể nhân nhượng được.

— Xin lỗi ông. Mời ông đi cho. Tôi vừa mới vào, bệnh của tôi chưa khỏi hẳn, chưa thể để ông vào được.

Tên cướp quen thói quát tháo cướp giật, hắn thét ra lệnh :

— Mà mày có ra không ? Chưa khỏi cũng phải ra cho ông vào !

Ái Thoi vờ run sợ, cất tiếng run run :

— Dạ, con xin ra. Nhưng ông vào một tý rồi ông lại nhường cho con vào ạ.

Tên cướp mở lồng cho ái Thoi ra. Chân ái Thoi chưa rút khỏi miệng lồng thì nó đã tự chui đầu vào lồng. Ái Thoi buộc lồng lại rồi đi ra xa vờn vai một hồi. Lát sau ái bước lại gần chỉ tay vào mặt nó, nói :

— Mày là tên cướp đường, mày tự chui vào cái lồng này tức là vào cái chết. Mày chết cũng đáng đời.

Nói rồi ái Thoi khoác lấy cái túi của tên cướp ra về. Ái Thoi vừa đi khuất thì bọn nhà tạo ra. Tên cướp thấy nhiều người đi lại hắn hoảng sợ la hét cuống lên trong lồng. Bọn nhà tạo chẳng để ý gì cứ nhe răng cười ha hả sặc mùi rượu. Một người trong bọn cất tiếng oang oang : « Ái Thoi lại còn giả vờ biết nói tiếng người khác ». Lập tức chúng dùng chân đá chiếc lồng lăn xuống suối. Và định ninh từ nay ái Thoi hết mẹo chơi khăm nhà tạo.

Được ba hôm sau, ái Thoi phơi đầy vải vóc lụa là trên các cây sào chung quanh nhà. Đó là số vải ái lấy được

của tên cướp hôm nọ. Tin ái Thoi không chết và phôi vải dầy sào đến tai nhà tạo. Sẵn có tính tò mò, ông tạo đích thân đến nhà gặp ái Thoi. Thấy ông tạo mừng lên nhà, ái Thoi nói ngay :

— Con cảm ơn ông tạo. Nhờ được ông tạo nhốt con vào lồng xô xuống suối. Trên dòng suối trôi về xuôi, ời ! Toàn những bản mừng xinh đẹp giàu có. Đi ba ngày ba đêm con đến được mừng Mực. Tới chợ mừng Mực họ biểu cho con bao nhiêu là vải vóc lụa là, con lấy không xuể.

Tên tạo mừng cứ há hốc mồm mà nghe ái Thoi kể. Lòng thêm khát của hăn sôi lên. Lát sau hăn cất tiếng ồm ồm :

— Ái Thoi có dẫn ta đi được không ? Ta cũng muốn xuôi chợ mừng Mực.

Ái Thoi vờ ngần ngại sau mới nhận lời. Tin ái Thoi đi xuôi chợ mừng Mực được nhiều vải, và ái Thoi sẽ đưa ông tạo lớn đi chợ mừng Mực được lan truyền khắp « poọng ». Ông tạo nào muốn đi cùng tạo lớn thì sắm lồng. Ái Thoi truyền lời « ông tạo ông quan thì sắm lồng mây, người giàu có sắm lồng tre, kẻ khó nghèo thì lấy lá dong làm lồng ».

Ngày đi chợ mừng Mực đã tới. Những chiếc lồng đan bằng mây, bằng tre và lá dong được đặt sẵn ở bờ suối. Như lời ái Thoi truyền, bọn tạo bọn quan ngu ngốc người nào lồng nấy tự chui đầu vào. Nghe ái Thoi hô, họ tự cựa mình để lồng lăn xuống suối. Chiếc lồng lá dong của ái Thoi lăn ùm xuống đến nước thì tan vỡ ra, ái ngoi lên bờ nhìn những chiếc lồng mây, lồng tre của các tạo chìm ngấm xuống đáy suối kết liễu đời bọn gian ác ngu xuẩn tham lam.

Được ba hôm sau, ái Thoi xuất hiện. Thấy ái Thoi về, các bà nàng kéo đến nhà ái Thoi hỏi thăm tin tức các tạo. Ái Thoi cho các bà nàng biết:

— Các tạo đi còn lâu mới về. Hôm kia đến mừng Thum Thum, hôm qua tới mừng Hôi. Dăm bảy bữa nữa mới tới được mừng Mực. Các tạo đến mừng Mực sẽ ăn chợ mừng Mực cho thỏa đời.



Ổng hôi

Tạo mừng Trời nghe tin ái Thoi ở trần gian tinh khôn lắm meo, ông muốn thử tài ái Thoi xem có đúng như lời đồn đại không.

Một hôm tạo trời truyền lệnh cho người gọt dẻo một ống nửa thật đẹp, có nắp đậy kín. Tạo trời đánh rắm vào trong ống nửa đậy lại rồi sai các nàng trời đem ống hôi này xuống lừa cho ái Thoi ngửi.

Các nàng trời đem ống hôi xuống trần gian. Vất vả lắm các nàng mới hỏi thăm tới được nơi mừng ái Thoi ở. Trên đường vào bản, các nàng trời gặp một người đàn ông sửa cọn nước dưới suối. Các nàng rón rén đến hỏi:

— Người sửa cọn nước ơi, người có hay biết ái Thoi ở đâu xin chỉ giúp — Họ hỏi đúng ái Thoi.

Ái Thoi nhìn các nàng đoán biết ngay là các nàng ở mừng trời được tạo trời sai xuống để đánh lừa mình. Ái trả lời:

— Tôi có biết, nhưng ái Thoi thường đi vắng nhà. Tìm được ái Thoi phải vất vả lắm.

Các nàng trời lo lắng. Họ đến gần người đàn ông khăn khăn :

— Chúng tôi có việc cần gặp ái Thoi. Ông có thể tìm hộ được không? Ông tìm được ái Thoi tới đây chúng tôi xin trả công.

Ái Thoi lắc đầu, bảo :

— Tôi chẳng cần công cán gì cả, giúp các nàng một tý có đâu đáng kể. Nhưng bây giờ thì tôi đang mắc sửa cọn nước. Cái cọn chưa sửa xong mà nó cứ muốn quay. Nó mà quay thì rách tan mất Giá mà có người giữ hộ cho. Nhưng khốn nỗi...

Các nàng trời nhận giữ hộ cọn nước. Người đàn ông đi đã lâu mà chưa thấy trở lại. Các nàng cứ đứng mãi, giữ mãi. Khi tay mỏi thì dùng vai đỡ. Người của các nàng đã run lên bần bật vì ngâm chân dưới suối trong tiết mùa lạnh. Người các nàng mệt lử, muốn buông cọn ra nhưng lại sợ cọn quay rách tan phải vạ. Khi đó ái Thoi về nhà ăn cơm ngủ ngày, tha hồ để các nàng trời cứ đứng giữ cọn nước dưới suối. Tới xế chiều, ái Thoi đến, giả vờ mệt lả, ái vừa thở vừa nói :

— Tôi đã đi tìm khắp chốn. Đi đến đâu cũng có người bảo ái Thoi vừa mới qua đây. Thế là tôi cứ đuổi, cứ chạy, hết cả hơi, cuối cùng chẳng gặp ái Thoi đâu cả. Xin chịu. Tôi đã bảo mà, tìm được ái Thoi là khó lắm.

Các nàng trời vừa mệt vừa đói, tiu nghỉu ra về. Khi họ sắp đi khuất thì ái Thoi chạy theo gặng hỏi :

— Các nàng trời muốn gặp ái Thoi để làm gì? Hôm khác các nàng có xuống nữa không?

Các nàng trời nhìn nhau rồi nói thẳng ra : « Không giấu gì ông, tạo mường trời bảo chúng tôi đem ống hoi này xuống để lừa ái Thoi ngủi ».

Ái Thoi gật đầu tán thưởng rồi hứa với các nàng trời hôm sau sẽ cố tìm cho bằng được ái Thoi để các nàng gặp. Lát sau ái Thoi chậm rãi nói :

— Ống hơi của các nàng đã mang đi qua nhiều khe suối có khi nó đã phai mất, các nàng mở ra ngửi thử xem có còn đậm không.

Nghe lời người đàn ông, các nàng trời mở ống hơi ra truyền tay nhau ngửi. Cứ mỗi khi ghé ống hơi vào mũi nàng nào thì nàng ấy « phì » một cái qua lỗ mũi rồi quay ngoắt đi rất nhanh. Một nàng trong đám cất tiếng : « Hãy còn rất đậm ».

Trước khi chia tay các nàng, ái Thoi nhắc đi nhắc lại mấy lần : hôm sau xuống phải để tạo trời ngửi lại ống hơi xem có còn đậm như ý tạo muốn hay không. Tạo ngửi thử thấy bằng lòng thì mới nên đưa xuống.

Các nàng trời đem ống hơi về nói lại với tạo trời : họ chẳng gặp được ái Thoi, chỉ gặp được một người đàn ông đang sửa cọn nước. Các nàng kể lại việc làm và lời dặn dò của người đàn ông cho tạo trời nghe. Tạo mừng trời liền dùng dùng nổi giận : « Đồ ngu ! Đó là ái Thoi chứ còn ai ». Rồi tạo mừng trời cầm lấy ống hơi ném mạnh xuống sàn nhà. Ống hơi văng nắp ra mùi hơi từ trong ống xông lên nồng nặc. Tạo mừng trời và mọi người đưa tay lên bịt mũi khạc nhổ lia lịa.

Cụ NGÂN VĂN PONG kể
BÙI TIÊN ghi

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1 — LỜI NHA XUẤT BẢN.	3
2 — CHUYỆN ẨM CẤP Ý KÈO.	4
3 — VỊT KHÔNG ẤP TRỨNG NUÔI CON.	7
4 — PHAI ĐÁ SUỐI VÌ.	9
5 — NÓNG BUA.	12
6 — HÒN ĐÁ VOI.	15
7 — NGÔI ĐỀN BÊN BỜ SÔNG HIẾU.	17
8 — BẮN NÁ CA.	20
9 — MÙNG QUÁI.	22
10 — SỰ TÍCH CÂY MỘC NGƯỢC.	24
11 — NÚI CHỌNG CHA.	26
12 — PU TẾ.	29
13 — TẠO XÃNG.	32
14 — CHÀNG GIẾT HỒ.	44
15 — QUẢ CHUỐI TIÊU KỲ LẠ.	47
16 — LÁ THUỐC.	55
17 — THAM THÌ THÂM.	62
18 — CHÀNG RÙA.	68
19 — KHẢ XÍ-PÁK-HẢ-LĂNG.	75
20 — CÁI LỐT HỒ.	80
21 — TIẾNG SÁO NÀNG NI.	83
22 — ĐÔI YỀNG VÀNG.	86
23 — CHÀNG CHỒN.	110
24 — LÚA CHÀNG NAI.	114
25 — THÁI SẮC SÍA.	117
26 — HAI ANH EM.	121
27 — ĐÔI CHIM TỬ QUI.	123
28 — CHÀNG THUỜNG LUỜNG Ở MÙNG PHE.	127
29 — CHUYỆN CON CẦY BAY.	131
30 — CHÀNG HOA CHẤT.	136
31 — NÀNG CÁ MĂNG.	140
32 — CON CHIM TĂNG LO.	150
33 — KHỈ VÀ HỒ.	152
34 — CHUYỆN ẨM THOI.	159
	175

TRUYỆN CÒ THÁI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN VĂN TẤN

Biên tập : HÀ ĐỨC – VÕ THỊ HẢO

Sửa bản in : VÕ THỊ HẢO

Bìa : MAI LONG

In 20100 cuốn tại nhà máy in Tiến Bộ, Hà Nội. Khổ
13 × 20. Số in 1185. Số xuất bản 27/SDT In xong ngày 5-1-80
Nộp lưu chiều tháng 2 năm 1980

u

Giá: 0 đ.90